



CÔNG BÁO

Do UBND tỉnh Phú Thọ xuất bản

Số 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

24-12-2007	Quyết định số 3452/2007/QĐ-UBND về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008.	3
28-12-2007	Quyết định số 3557/2007/QĐ-UBND về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.	13
31-12-2007	Quyết định số 3618/2007/QĐ-UBND ban hành về đơn giá, trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	108
31-12-2007	Quyết định số 3619/2007/QĐ-UBND về mức chi hỗ trợ đối với một số khoản chi có tính chất đặc thù trong việc xây dựng, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.	142
31-12-2007	Quyết định số 3622/2007/QĐ-UBND về việc quy định tỷ lệ (%) phân chia các nguồn thu giữa các cấp ngân sách	145

trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thời kỳ năm 2007 - 2010.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3452/2007/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 24 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về một số chủ trương, biện pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 19/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2008; Quyết định số 187/QĐ-BKH ngày 19/11/2007 và Quyết định số 1378/QĐ-BKH ngày 23/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách Nhà nước và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008; Quyết định số 3658/2007/QĐ-BTC ngày 20/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2007/NQ-HĐND, Nghị quyết số 122/2007/NQ-HĐND và Nghị quyết số 125/2007/NQ-HĐND ngày 19/12/2007 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ mười hai về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu chi ngân sách Nhà nước, phân bổ vốn đầu tư, vốn các chương trình mục tiêu năm 2008;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về chủ trương bố trí kế hoạch năm 2008

Năm 2008, được xác định là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010; việc tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 sẽ tạo tiền đề để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI đề ra, nhằm sớm đưa Phú Thọ thoát khỏi tình nghèo. Vì vậy, chủ trương bố trí và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2008 là:

- Phân đầu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2008 đã được HĐND tỉnh Nghị quyết thông qua, nhất là các chỉ tiêu năm 2007 thực hiện chưa đạt hoặc còn đạt thấp như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giá trị sản xuất công nghiệp, nông lâm nghiệp, mức giảm tỷ suất sinh, xuất khẩu lao động;

- Tạo sự chuyển biến rõ nét về môi trường và hiệu quả thu hút vốn đầu tư, nhằm tạo ra năng lực sản xuất mới, nâng cao tiềm lực kinh tế, tạo tiền đề cho kinh tế tăng trưởng cao và bền vững những năm tiếp theo;

- Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương của các cấp, các ngành; trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, thực hành tiết kiệm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2008

1. Về phát triển nông lâm nghiệp, kinh tế nông thôn:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình, dự án nông lâm nghiệp trọng điểm, trọng tâm là chương trình nuôi trồng thủy sản, dự án nuôi bò thịt và chương trình sản xuất lương thực; trong đó chú trọng khâu sản xuất giống và chính sách trợ giá giống cây trồng, vật nuôi.

- Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư các tuyến đê, kè gắn với phát triển giao thông; các công trình thủy lợi, đảm bảo chủ động tưới tiêu cho sản xuất nông lâm nghiệp.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, tổ chức thực hiện tốt các chương trình trọng điểm, xây dựng quy hoạch phát triển nông thôn mới. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tranh thủ các nguồn lực để xây dựng các công trình đê, kè, thủy lợi.

Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan tiến hành quy hoạch chi tiết đất trồng rừng sản xuất, đất trồng rừng phòng hộ, đảm bảo quỹ đất để ổn định, phát triển rừng sản xuất; nghiên cứu chính sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia trồng rừng sản xuất, quản lý khai thác rừng phòng hộ.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành, UBND các huyện, thành, thị có liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách, kinh phí trợ giá giống thực hiện các chương trình nông lâm nghiệp trọng tâm, trọng điểm.

2. Về phát triển sản xuất công nghiệp:

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy các dự án lớn thực hiện đúng tiến độ, nhất là dự án sản xuất bia, xi măng, cán thép..., xúc tiến thu hút các dự án lớn, có khả năng triển khai trong năm 2008.

- Quy hoạch mở rộng một số khu, cụm công nghiệp có lợi thế; đồng thời triển khai các thủ tục đề nghị bổ sung quy hoạch Phú Thọ trở thành Trung tâm điện lực.

- Chấn chỉnh, sắp xếp lại công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; đảm bảo hoạt động khai thác phải gắn với công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Giao Sở Công nghiệp chủ trì, hoàn thiện các thủ tục đề nghị Bộ Công thương, trình Chính phủ bổ sung quy hoạch Phú Thọ trở thành Trung tâm điện lực và xúc tiến thực hiện dự án nhiệt điện. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành, thị có liên quan tăng cường kiểm tra và đề xuất giải pháp chấn chỉnh hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp phối hợp với các sở, ngành có liên quan thường xuyên kiểm tra tiến độ, đề xuất các giải pháp tháo gỡ

vướng mắc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; đồng thời đẩy mạnh xúc tiến đầu tư thu hút các dự án lớn, nhất là các dự án đã ký kết thỏa thuận.

3. Về phát triển các ngành dịch vụ:

- Triển khai thực hiện các dự án lớn về dịch vụ, nhất là dự án khu dịch vụ Bãi Nổi La Phù, nước khoáng nóng Thanh Thủy, khu dịch vụ Xuân Quang (Tam Nông); xúc tiến thu hút các dự án vào khu du lịch Đền Hùng, khu du lịch Văn Lang, Bến Gót, khu Vân Hội - Ao Giời - Suối Tiên, Ao Châu (Hạ Hòa) và một số khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại đảm bảo phục vụ nhu cầu khách du lịch.

- Xây dựng các tua, tuyến du lịch trên cơ sở khai thác văn hóa lễ hội thời kỳ Hùng Vương, vườn quốc gia Xuân Sơn gắn kết chặt chẽ với các tua du lịch trong và ngoài nước.

- Giao Sở Thương mại và Du lịch chủ trì, lập đề án xây dựng điểm du lịch gắn với các lễ hội, tiềm năng sinh thái tiêu biểu, trong đó tập trung biên soạn nội dung hướng dẫn, giới thiệu chi tiết tại từng điểm du lịch, đi đôi với tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên và cung cấp sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu, loại hình du lịch. Chủ trì, xây dựng các điều kiện thiết yếu để hình thành 2 tuyến du lịch trọng điểm của tỉnh (tuyến Việt Trì - Đền Hùng - Thanh Thủy - Xuân Sơn; tuyến Việt Trì - Đền Hùng - Hạ Hòa). Chỉ đạo các đơn vị trong ngành mở rộng liên kết, hợp tác với các đơn vị tổ chức du lịch trong và ngoài nước để đầu tư cơ sở vật chất, tạo các tuyến du lịch; hướng liên kết trước mắt tập trung các đơn vị ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số thành phố lớn.

4. Về đầu tư phát triển:

- Tổ chức triển khai các dự án cụ thể đã ký kết, thỏa thuận trong năm 2007 và xúc tiến thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có lợi thế về công nghiệp, nông lâm nghiệp, các ngành dịch vụ phát triển thành trung tâm vùng như: Vận tải kho bãi, thương mại, tài chính tín dụng, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao...;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn như: Dự án nâng cấp quốc lộ 2, cầu Hạ Hòa và đường nối quốc lộ 70, dự án Đền Hùng, trường Đại học Hùng Vương, các dự án phục vụ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII, năm 2008.

- Chủ động xây dựng dự án và tổ chức thực hiện tốt dự án để tranh thủ nguồn lực đầu tư từ các chủ trương, chính sách của Nhà nước, tranh thủ sự ủng hộ của các Bộ, ngành để xây dựng các dự án có quy mô lớn, có tính liên vùng. Chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện dự án, để giải ngân vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn ODA...;

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, nghiên cứu điều chỉnh cơ cấu thu hút đầu tư, phân bổ lại sản xuất phù hợp với từng vùng, từng địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với các ngành, UBND các huyện, thành, thị đẩy mạnh xúc tiến đầu tư thu hút các dự án lớn theo hướng tiếp cận và vận động trực tiếp đối với từng nhà đầu tư, từng nhà tài trợ.

- Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành, thị có liên quan làm tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các dự án giao thông trọng điểm năm 2008 như: Cầu Ngọc Tháp, đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (đoạn Việt Trì - Yên Bái), đường 32C, 32A (đoạn Mỹ Thuận - Tân Phú)...; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo triển khai các dự án lớn về đê kè, thủy lợi.

5. Về tài chính tín dụng:

- Nghiên cứu cơ chế, đẩy mạnh phân cấp quản lý ngân sách trên địa bàn, nâng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp ngân sách; đảm bảo sau năm 2008 có một số đơn vị hành chính cấp huyện tự cân đối được thu - chi ngân sách.

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình hành động triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công.

- Sở Tài chính chủ trì, cùng với Cục thuế tỉnh làm việc với các ngành xây dựng dự toán thu ngân sách Nhà nước theo hướng tích cực, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo động lực để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao, đồng thời tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Chủ động đề xuất công tác quản lý chi, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế bội chi, giảm nợ đọng, làm lành mạnh hóa tài chính ngân sách của tỉnh.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ các ngành có liên quan tiếp tục rà soát phương án cải cách tài chính công, triển khai đồng bộ việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Về khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là ở một số dự án trong các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị.

- Xử lý các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai. Kiên quyết thu hồi, xử lý các chủ dự án sử dụng đất không đúng mục đích hoặc không thực hiện đầu tư theo cam kết. Trong năm 2008, tập trung xử lý đối với các dự án đã được kiểm tra kết luận có vi phạm năm 2007; mở rộng kiểm tra đối với các dự án đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp, các dự án FDI để xử lý toàn diện các nội dung liên quan đến sử dụng đất sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học, nhất là khoa học ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan rà soát, đánh giá trình độ công nghệ của các dự án và tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư mới đảm bảo phù hợp theo tiêu chuẩn quy định. Hướng dẫn các doanh nghiệp xúc tiến xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tiêu chuẩn quốc tế cho các sản

phẩm lợi thế của tỉnh; phối hợp với ngành liên quan tiếp tục triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000 vào hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND các huyện thành thị tổ chức kiểm tra, đánh giá tác động môi trường của các dự án sản xuất, có biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, khu đô thị. Thực hiện chặt chẽ việc thẩm định công nghệ, đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư; tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (cát, sỏi...). Tiến hành kiểm tra, xử lý các chủ dự án sử dụng đất không đúng mục đích hoặc không thực hiện đầu tư theo cam kết.

7. Về các lĩnh vực xã hội:

- Sở Giáo dục - Đào tạo chỉ đạo tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trong từng cấp học, bậc học. Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy và học ở các cấp học phổ thông, gắn với cuộc vận động "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục" và "Nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và học sinh ngồi nhầm lớp".

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện thành thị tổ chức triển khai đề án phổ cập giáo dục bậc trung học, thực hiện phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh THCS và THPT. Tranh thủ nguồn lực thực hiện chương trình xây dựng trường chuẩn quốc gia, chương trình kiên cố hóa trường học, lớp học giai đoạn 2. Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan chuẩn bị các điều kiện phục vụ và tham gia tổ chức Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII, năm 2008.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo, các ngành có liên quan hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo, tổ chức đào tạo theo địa chỉ, đặt hàng dạy nghề; tạo cho được bước chuyển mới về đào tạo, dạy nghề, đảm bảo cung cấp đủ lao động có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và xuất khẩu lao động, từng bước phát triển thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, việc làm, chương trình xuất khẩu lao động và thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng được hưởng.

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS...; lồng ghép các mục tiêu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong các chính sách, chương trình, các dự án phát triển.

Kiên toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện mục tiêu giảm tỷ suất sinh giai đoạn 2006 - 2010.

- Sở Văn hóa Thông tin chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu đổi mới phương thức, thống nhất về nội dung tổ chức các lễ hội truyền thống, nhất là Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận các di tích lịch sử quốc gia đối với các di tích khảo cổ gắn với di tích lịch sử Đền Hùng,

làm cơ sở khoa học đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới. Chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

- Sở Thể dục thể thao chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo lực lượng vận động viên tham gia thi đấu, bồi dưỡng trọng tài và tham gia tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII, năm 2008. Thực hiện chương trình thể dục thể thao xã, phường, thị trấn và nhiệm vụ thể thao thành tích cao.

8. Về cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các ngành liên quan tổng kết, đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính trong các sở ngành, các huyện thành thị, các xã phường thị trấn; nhất là trong các khâu cấp phép đầu tư, cấp giấy chứng nhận ĐKKD, quản lý đất đai, xây dựng, hộ tịch, hộ khẩu, công chứng, thực hiện cơ chế một cửa liên thông...

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan đề xuất phương án sắp xếp tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các sở, ban, ngành ở tỉnh, các phòng ban chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành, thị theo Nghị định của Chính phủ, gắn với triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế. Xây dựng đề án đào tạo cán bộ có trình độ cao cho các ngành mũi nhọn. Thực hiện thí điểm việc tổ chức thi tuyển cán bộ quản lý cấp phòng trong các sở ngành, các huyện thành thị.

- Văn phòng UBND tỉnh giúp UBND tỉnh kiểm tra việc chấp hành các quyết định, kết luận, ý kiến của cấp có thẩm quyền, người có thẩm quyền. Đôn đốc việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân, nhất là các đơn thư tồn đọng.

- Ban Thi đua khen thưởng tỉnh đề xuất giải quyết tồn đọng về chính sách khen thưởng theo quy định. Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác khen thưởng gắn với các thực hiện các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh và các hoạt động xã hội.

9. Về đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, công tác huấn luyện, tuyển quân năm 2008.

- Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa giảm thiểu tai nạn giao thông. Hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động công trường 06 Trại Quận (Phù Ninh), tăng cường công tác nắm tình hình và kịp thời ngăn chặn và từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ động công tác nắm, phân tích đánh giá và dự báo tình hình, xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; đảm bảo công tác tuyển quân; huấn luyện lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

- Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là trong các dịp lễ hội và các ngày kỷ niệm lớn trong năm; chủ động triển khai công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn năm 2008.

- Giao Ban an toàn giao thông tỉnh chỉ đạo Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp công an tỉnh và các ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra, quản lý các hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ, đường thủy; cấp phép lái xe, giấy phép lưu hành xe và các điều kiện có liên quan đối với phương tiện tham gia giao thông.

Ngoài những nội dung trên đây, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, của cấp; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xác định, các cấp, các ngành có trách nhiệm xây dựng thành kế hoạch, chương trình công tác của ngành nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 đã đề ra.

Điều 3. Bố trí vốn đầu tư, quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng.

1. Về bố trí vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước:

Việc bố trí các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước phải đúng quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý đầu tư, xây dựng và phải đảm bảo đúng các quan điểm, nguyên tắc, phương án bố trí tại Nghị quyết số 125/2007/NQ-HĐND ngày 19/12/2007 của HĐND tỉnh; trong đó:

a) Đối với vốn đầu tư XD CB tập trung:

- Ưu tiên bố trí đền bù, giải phóng mặt bằng; bố trí đối ứng các dự án ODA, của Bộ, ngành theo cam kết; thanh toán vốn nợ đọng công trình hoàn thành; bố trí trả nợ vốn vay, lãi suất vốn vay và bố trí công trình, dự án chuyển tiếp; giành phần vốn để bố trí cho công tác quy hoạch, chuẩn bị đầu tư.

- Tạm dừng một số công trình chưa cấp bách, chưa có khả năng bố trí vốn để hoàn thành trong những năm tới; ưu tiên bố trí cho các dự án tạo nhanh tiềm lực kinh tế, dự án có khả năng cân đối vốn từ quỹ đất, tạo ra được các quỹ đất thương mại, đất sạch cho đầu tư với quy mô lớn; chỉ bố trí đầu tư mới một số công trình do yêu cầu cấp thiết phải khởi công và các dự án quy mô nhỏ do ngân sách huyện cân đối, bố trí.

b) Đối với vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: Việc phân bổ vốn phải đảm bảo theo đúng mục tiêu, mức vốn được giao, định hướng của các Bộ, ngành Trung ương và đảm bảo nguyên tắc bố trí vốn theo hướng tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, tránh dàn trải, phân tán.

c) Đối với vốn chương trình mục tiêu và các chương trình dự án khác:

- Các chương trình, dự án có vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư XD CB, phân bổ theo hướng: Ưu tiên bố trí thanh toán khối lượng XD CB hoàn thành, các công trình có khả năng hoàn thành dứt điểm trong năm. Chỉ bố trí khởi công mới những công trình, dự án theo định hướng của các Bộ, ngành chủ quản chương trình; những công trình cấp thiết, cơ sở đề nghị và có khả năng hoàn thành trong năm.

- Đối với chương trình 135, thực hiện theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 25-10-2007 của Thủ tướng Chính phủ về định mức đầu tư và các dự án thuộc chương trình 135 kế hoạch năm 2007, năm 2008 và quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định

mức phân bổ vốn thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

- Đối với các mặt hàng chính sách phục vụ miền núi, việc trợ cước, trợ giá các mặt hàng chính sách miền núi phải đảm bảo cung ứng đầy đủ, trực tiếp đến các đối tượng được hưởng, trên cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Đối với chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng, thực hiện theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 06/7/2007 và Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với những chương trình, dự án chưa có hướng dẫn của các Bộ, ngành việc bố trí vốn cho các hoạt động nghiệp vụ, các công trình, dự án thực hiện theo nội dung như năm 2007.

d) Đối với vốn tín dụng, vốn vay: Tiếp tục vay để triển khai một số dự án trọng điểm trên cơ sở tính toán hiệu quả và phù hợp với khả năng thu hồi vốn của dự án. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với từng dự án.

đ) Đối với nguồn vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện, xã được hưởng: Ưu tiên bố trí thanh toán cho các công trình, dự án do huyện làm chủ đầu tư (trước đây do ngân sách tỉnh bố trí), bố trí vốn đối ứng các dự án ODA và bố trí cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề đảm bảo cơ cấu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng:

- Quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng phải được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và phân cấp đầu tư của tỉnh. Các dự án đầu tư từ mọi nguồn vốn đều phải được kế hoạch hóa, phù hợp với quy hoạch, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu và khả năng thanh toán. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình; chấn chỉnh công tác tư vấn, thiết kế, thẩm định, giám sát đầu tư, đảm bảo nâng cao chất lượng dự án và hiệu quả đầu tư.

- Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 836/CT-TTg ngày 02/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường công tác quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý đầu tư và xây dựng cho cấp huyện, gắn chủ đầu tư với đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng dự án sau đầu tư theo Thông tư 02/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng. Nâng cao trách nhiệm các chủ đầu tư, chủ dự án, kiểm tra, rà soát năng lực của chủ đầu tư, chủ dự án để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho các chủ đầu tư, nhất là các xã miền núi.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung về giám sát đánh giá đầu tư; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, chất lượng công trình, dự án; trong phạm vi thẩm quyền, giải quyết ngay những vướng mắc và báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh những giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn đầu tư.

- Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan kiểm tra, đánh giá lại năng lực của các đơn vị tư vấn lập dự án, dự toán thiết kế, giám sát thi công. Đề xuất phương án xử lý các đơn vị, tổ chức không chấp hành đúng quy định của Nhà nước, của tỉnh về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 4. Về phân bổ và giao chỉ tiêu kế hoạch.

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị dự kiến phân bổ các chỉ tiêu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan lựa chọn danh mục, phân bổ vốn đầu tư cho từng công trình, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, vốn các chương trình mục tiêu; vốn đối ứng, vốn chuẩn bị đầu tư. Phối hợp với Sở Tài chính xác định nhu cầu và đề xuất danh mục, mức vốn của từng dự án sử dụng vốn vay, tổng hợp nhu cầu và kế hoạch trả nợ vốn vay trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành quản lý các chương trình mục tiêu hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời đề xuất những giải pháp và chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình.

3. Giao Chủ tịch UBND huyện, thành, thị chỉ đạo lồng ghép, phân bổ vốn cho từng dự án của từng chương trình mục tiêu; trên cơ sở mức vốn được giao, mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình xây dựng phương án huy động các nguồn vốn khác trên địa bàn để thực hiện đảm bảo tiến độ, mục tiêu của chương trình, dự án. Các sở, ngành quản lý chương trình chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện, thành, thị thực hiện đúng các quy định của chương trình.

4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Trung tâm Giống cây trồng cung ứng đủ giống, chất lượng cho các chủ dự án thuộc chương trình 661 (các chủ dự án không tự sản xuất hoặc mua giống ngoài thị trường).

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2008 được Chủ tịch UBND tỉnh giao, các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm xây dựng thành chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích các nguồn vốn, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 của tỉnh.

Chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch, Chủ tịch UBND huyện, thành, thị phải giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc, UBND xã, phường, thị trấn; Giám đốc sở, ban, ngành, đoàn thể; Giám đốc các doanh nghiệp; các chủ dự án giao chỉ tiêu kế hoạch cho đơn vị trực thuộc; đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư XD CB các cấp phải được trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và công khai theo quy định. Chậm nhất

sau 15 ngày kể từ ngày được giao kế hoạch phải được gửi cho đại biểu HĐND cùng cấp để giám sát, kiểm tra thực hiện.

3. Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành, thị thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) theo quy định, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê trước ngày 20 hàng tháng.

Vào ngày 05 hàng tháng, Thủ trưởng các ngành trực tiếp quản lý, cấp phát vốn đầu tư có trách nhiệm báo cáo tiến độ thanh toán cấp phát của tháng trước, đề xuất những giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính. Chậm nhất là ngày 05 tháng 01 năm sau phải tổng hợp tình hình cấp phát và thanh toán vốn đầu tư cả năm, báo cáo UBND tỉnh và ngành dọc cấp trên theo quy định.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội quý, 6 tháng và cả năm, đề xuất những biện pháp chỉ đạo, điều hành báo cáo UBND tỉnh. Hướng dẫn bộ phận kế hoạch và đầu tư các huyện thành thị, các sở ngành xây dựng, tổng hợp, đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đảm bảo thống nhất phương pháp đánh giá.

5. Văn phòng UBND tỉnh xây dựng chương trình công tác, phân công công việc cho từng đồng chí thành viên UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành trực tiếp phụ trách và chỉ đạo thực hiện đối với từng chương trình, dự án trọng điểm cụ thể. Đề xuất những nội dung để tăng cường sự phối hợp, tham gia của các tổ chức đoàn thể vào các hoạt động quản lý Nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thành, thị; các đơn vị dự toán cấp 1, các doanh nghiệp, chủ dự án và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3557/2007/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 28 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**Về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 6/12/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ;

Căn cứ Thông tư số 114/2004/TT-BTC ngày 26/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 188/2004/NĐ-CP của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết 124/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XVI kỳ họp thứ mười hai ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006, Quyết định số 1378/2007/QĐ-UBND ngày 11/06/2007; Quyết định số 881/2007/QĐ-UBND ngày 23/04/2007; Quyết định số 2575/2007/QĐ-UBND ngày 10/10/2007; Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 13/11/2007 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Phú Thọ, các quyết định trái với Quyết định này và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2008.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

(Ban hành theo Quyết định số: 3557/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Điều 1. Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ là văn bản cụ thể hoá Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/07/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ và Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 6/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP; Thông tư số 114/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất. Giá đất các loại được sử dụng làm căn cứ để:

- Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

- Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003.

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hoá, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003.

- Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá do UBND tỉnh quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất.

1. Nguyên tắc xác định giá đất.

a) Phân vùng đất.

Việc phân vùng đất căn cứ vào Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và kế thừa bảng giá đất tại Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Phú Thọ. Đất được chia thành 3 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi, trong đó:

- Vùng đồng bằng : 29 xã
- Vùng trung du : 31 xã
- Vùng miền núi : 215 xã

b) Phân hạng đất:

- Hạng đất để định giá đất áp dụng theo hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp ở địa phương được Chính phủ phê duyệt.

- Phân hạng đất để định giá cho các loại đất: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, các loại đất nông nghiệp khác.

- Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thông tư liên bộ số 92/TT-LB ngày 10/11/1993 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp - Công nghiệp thực phẩm - Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP và kế thừa việc phân hạng đất theo Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh. Đất nông nghiệp các loại được phân hạng cho cả 3 vùng: đồng bằng, trung du và miền núi như sau:

- + Đất trồng cây hàng năm được phân từ hạng 1 đến hạng 6.
- + Đất nuôi trồng thủy sản được phân từ hạng 1 đến hạng 6.
- + Đất trồng cây lâu năm được phân từ hạng 1 đến hạng 5.
- + Đất rừng sản xuất được phân từ hạng 1 đến hạng 5.
- + Đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được phân từ hạng 1 đến hạng 5.

c) Phân loại khu vực để xác định giá đất (*đối với đất ở tại nông thôn*)

Khu vực 1 có khả năng sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất; khu vực 2 và khu vực 3 có khả năng sinh lợi và kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

d) Phân loại đô thị (*đối với đất ở tại đô thị*)

Đô thị bao gồm:

- Đô thị loại 2: Thành phố Việt Trì (Thủ tướng Chính phủ quyết định)
- Đô thị loại 4: Thị xã Phú Thọ (Bộ Xây dựng quyết định).
- Đô thị loại 5: Thị trấn các huyện còn lại (UBND tỉnh quyết định).

e) Phân loại vị trí

*Đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị

- Vị trí của từng loại đất trong từng khu vực (đối với đất ở tại nông thôn) được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, khoảng cách tới mặt tiền của các trục đường giao thông và điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc vị trí số 1 có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, gần trục đường giao thông chính nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ hai trở đi có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

- Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được xác định căn cứ vào khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh dịch vụ, du lịch và khoảng cách so với trục đường giao thông. Vị trí đất trong từng loại đường phố của từng loại đô thị được phân thành các loại vị trí có số thứ tự từ 1 trở đi. Vị trí số 1 áp dụng đối với đất liền kề đường phố (mặt tiền) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi áp dụng đối với đất không ở liền kề đường phố có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn.

* Đối với đất nông nghiệp:

Phân loại vị trí của đất được xác định căn cứ và khoảng cách từ nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất tới nơi sản xuất, khoảng cách từ nơi sản xuất tới nơi thị trường tiêu thụ tập trung và mức độ thuận tiện về giao thông, có kết hợp giữa yếu tố khoảng cách với các yếu tố chất đất, địa chất, địa hình, khí hậu, thời tiết và điều kiện tưới tiêu theo 3 vùng được xác định theo nguyên tắc: Vị trí 1 áp dụng đối với đất có khoảng cách từ nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất tới nơi sản xuất, khoảng cách từ nơi sản xuất so với thị trường tiêu thụ tập trung gần nhất và thuận lợi về giao thông. Các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi có khoảng cách xa hơn và giao thông ít thuận lợi hơn...

g) Khu vực đất giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các huyện, thành, thị.

- Đối với đất nông nghiệp tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 500 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở nông thôn tại khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 300 mét.

- Đối với đất phi nông nghiệp ở đô thị thuộc cùng 1 loại đô thị thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính với các tỉnh vào sâu địa phận tỉnh Phú Thọ tối thiểu 200 mét.

- Trường hợp khu vực đất giữa các tỉnh bị ngăn cách bởi sông, hồ, kênh có chiều rộng từ 100 mét trở xuống thì khu vực đất giáp ranh được xác định từ bờ sông, bờ hồ, bờ kênh của mỗi bên sông, bên hồ, bên kênh vào sâu địa giới của tỉnh Phú Thọ theo quy định (500m, 300m, 200m) tương ứng với các loại đất giáp ranh nêu trên. Nếu chiều rộng của sông, hồ, kênh trên 100 mét thì không xếp loại đất giáp ranh.

- Khu vực đất giáp ranh giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xác định theo nguyên tắc: Khoảng cách đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính vào sâu địa phận mỗi huyện, thành, thị tối thiểu 100m, có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng như nhau, có cùng mục đích sử dụng hiện tại, cùng mục đích sử dụng theo qui định hiện hành thì mức giá đất tương đương nhau, nhưng mức giá tối đa không vượt khung giá đất do Chính phủ qui định.

- Trường hợp tại khu vực giáp ranh mà điều kiện kết cấu hạ tầng không như nhau thì giá đất tại khu vực đất giáp ranh được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế của từng khu vực.

- Đối với đất ở tại nông thôn ở các vùng ven đô thị (các thôn tiếp giáp với thành phố, thị xã, thị trấn của các đô thị) thì giá đất tại các khu vực này được xác định theo nguyên tắc định giá cho các thửa đất liền kề và được vận dụng khung giá đất do Chính phủ qui định cho từng loại đô thị nằm liền kề.

2. Phương pháp định giá cụ thể cho từng loại đất.

a) Đất nông nghiệp:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng sản xuất. Áp dụng phương pháp thu nhập trồng lúa để xác định giá. Khi định giá cho loại đất nào thì áp dụng khung giá do Chính phủ quy định đối với loại đất đó.

- Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng căn cứ vào giá đất rừng sản xuất do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất rừng sản xuất quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ-CP để định giá cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Giá đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng được tính bằng 90% so với giá đất rừng sản xuất.

- Đối với đất hạng 1 của từng vùng (đồng bằng, trung du, miền núi) và từng loại đất có các yếu tố vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu, thời tiết và các điều kiện tưới tiêu tốt nhất ứng với giá cao nhất; các hạng tiếp sau đó theo thứ tự từ hạng 2 trở đi có các yếu tố kém hơn ứng với các mức giá thấp hơn.

- Đối với đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn (Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi sử dụng lâu dài) nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở thì giá đất được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cho vùng đó và được tăng lên 2 lần nhưng không được cao hơn giá đất ở liền kề khu vực đó.

- Phân loại vị trí đất nông nghiệp và hệ số.

+ Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

Vị trí 1 (Hệ số 1,2): Áp dụng cho các phường thuộc thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ.

Vị trí 2 (Hệ số 1,1): Áp dụng cho các thôn, khu tiếp giáp Khu công nghiệp, Khu thương mại, Khu du lịch và các tụ điểm kinh tế - xã hội: Thị trấn Đoan Hùng, Tây Cốc, Sóc Đăng (huyện Đoan Hùng); thị trấn Phong Châu (huyện Phù Ninh); thị trấn Yên Lập (huyện Yên Lập); thị trấn Thanh Ba, Vũ Ên (huyện Thanh Ba); thị trấn Hạ

Hoà (huyện Hạ Hoà); thị trấn Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn, các thôn, khu tiếp giáp với diện tích đất vị trí 1 và các tụ điểm kinh tế - xã hội của khu phố mới Chu Hoá, Tiên Kiên (huyện Lâm Thao); thị trấn Hưng Hoá, Cổ Tiêt, Hồng Đà, Thượng Nông, Tam Cường, Văn Lương (huyện Tam Nông); thị trấn Sông Thao (huyện Cẩm Khê); Xã La Phù, Hoàng Xá, Xuân Lộc (huyện Thanh Thủy); xã Tân Phú (huyện Tân Sơn); Z4 (thị xã Phú Thọ).

Vị trí 3 (Hệ số 1): Áp dụng cho các xã và các vị trí còn lại.

+ Đối với đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất và rừng đặc dụng.

Vị trí 1 (Hệ số 1,1): áp dụng cho diện tích của các ô, thửa, đất tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.

Vị trí 2 (Hệ số 1): Áp dụng cho diện tích đất của các ô, thửa còn lại.

- Giá đất nông nghiệp theo vị trí được xác định như sau:

Giá đất nông nghiệp của từng vùng theo vị trí của các ô, thửa đất là giá đất xác định theo hạng đất nông nghiệp nhân với hệ số vị trí của từng loại đất.

- Giá đất đối với đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu dân cư trong cùng một thửa (thời gian sử dụng lâu dài) nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở; được xác định theo giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng nhân hai lần nhưng không được cao hơn giá đất ở có giá thấp nhất liền kề.

- Giá đất các trường hợp sau được quy định bằng giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng:

+ Đất vườn, ao, trong cùng một thửa có nhà ở nhưng không xác định là đất ở.

+ Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới phường trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

+ Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

- Đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, căn cứ vào giá các loại đất nông nghiệp liền kề do UBND tỉnh quyết định và căn cứ phương pháp định giá đất đối với loại đất nông nghiệp liền kề quy định tại Điều 13, Nghị định số 188/NĐ-CP.

b) Đối với đất ở tại nông thôn và đất ở đô thị.

- Xây dựng bảng giá đất năm 2008 áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp thông qua việc tiến hành phân tích các mức giá thực tế đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tương tự về loại đất, diện tích thửa đất, loại đô thị, khu vực, đường phố và khả năng sinh lợi ở từng vị trí; căn cứ Quyết định số 3066/2005/QĐ-UBND ngày 08/11/2005 của UBND tỉnh ban hành qui định về phân loại đường phố, vị trí đất trong từng loại đường phố, làm căn cứ xây dựng giá đất đô thị; Kế thừa việc định giá đất theo vị trí tại Quyết định số 3656/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh và điều chỉnh mức giá tại những nơi có điều

kiến kết cấu hạ tầng, vị trí thuận lợi trong kinh doanh để có mức giá tương ứng tại thời điểm hiện nay.

- Mức giá đất tại các vị trí trên các tuyến đường giáp ranh giữa các huyện, thành, thị trong tỉnh đều được xác định mức giá cụ thể trên cơ sở từng đoạn có điều kiện thuận lợi cho phù hợp với thực tế.

- Đất giáp ranh giữa các tỉnh được tham khảo, trao đổi với các tỉnh bạn.

- Đối với giá đất tại các thị trấn, thị tứ, được xem xét các điều kiện: vị trí đô thị trên các trục đường giao thông quan trọng, điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng, về hoạt động dịch vụ trên địa bàn để xác định.

c) Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp tại đô thị mức giá cụ thể quy định cho từng vị trí áp dụng theo giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại khu vực lân cận nếu không có liền kề.

d) Đối với đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định của Chính phủ... Căn cứ vào mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để định giá cho các loại đất trên. Nếu các loại đất trên liền kề với nhiều loại khác nhau thì căn cứ vào giá loại đất có mức giá cao nhất.

Điều 3. Giá đất được phân thành 5 loại chủ yếu:

1. Giá đất nông nghiệp:

a) Giá đất trồng cây hàng năm

b) Giá đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở nông thôn và đô thị nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp GCN đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác.

c) Giá đất nuôi trồng thủy sản.

d) Giá đất trồng cây lâu năm.

e) Giá đất rừng sản xuất.

f) Giá đất rừng phòng hộ và giá đất rừng đặc dụng.

2. Giá đất ở tại nông thôn.

3. Giá đất ở tại đô thị.

4. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực

5. Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên mức giá được tính bằng giá đất cùng vị trí liền kề của khu vực.

Đối với những ô đất tiếp giáp với mặt tiền nhiều loại đường trong đô thị (ngã ba, ngã tư) thì giá đất của ô đó được tính theo giá đất mặt tiền của loại đường có mức giá cao nhất mà ô đó tiếp giáp.

(Bảng giá chi tiết các loại đất phân theo địa bàn các huyện, thành, thị như phụ biểu đính kèm).

Điều 4. Phạm vi áp dụng giá đất như đã nêu ở Điều 1. Riêng một số trường hợp quy định cụ thể như sau:

1. Đất nằm trong hành lang bảo vệ công trình (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hành lang đê, hành lang an toàn điện...) theo Thông tư hướng dẫn và quy định của các bộ, ngành Trung ương. Việc bồi thường được xem xét cụ thể tùy từng trường hợp theo pháp luật quy định do UBND tỉnh quyết định khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Đất được Nhà nước giao đang sử dụng khi Nhà nước thu hồi để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP sẽ được bồi thường theo quy định hiện hành của Trung ương và địa phương.

Điều 5 . Giá đất các loại ban hành được thực hiện kể từ ngày 01/01/2008 và không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

1. Giao đất cho nhân dân làm nhà ở đã có quyết định và nộp tiền trước ngày 01/01/2008.

2. Tính thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đã làm thủ tục trước ngày 01/01/2008.

3. Thu hồi đất đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và chi trả tiền trước ngày 01/01/2008.

4. Hợp đồng thuê đất đã ký và nộp tiền thuê đất hàng năm chưa hết thời hạn ổn định 5 năm.

5. Các dự án đầu tư thuộc diện ưu đãi đầu tư và các dự án sản xuất, kinh doanh theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất nhưng chủ dự án xin nộp tiền sử dụng đất một lần (Hoặc nộp trong 5 năm đầu) đã được thoả thuận và ký kết với chủ dự án trước ngày 01/01/2008.

Điều 6. Sở Tài chính có trách nhiệm thường xuyên theo dõi sự biến động của giá đất thị trường và hướng dẫn kiểm tra các huyện, thành, thị, thực hiện đúng quy định này.

Khi giá đất thị trường biến động lớn, cao hơn hoặc thấp hơn mức giá qui định và những khu vực, vị trí còn thiếu trong bảng giá đất thì Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị báo cáo Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để tập hợp báo cáo trình UBND tỉnh xem xét và quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2008***ĐVT: Đồng/m²***

STT	Diễn giải	Xã, phường, thị trấn		
		Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
1	Đất trồng cây hàng năm			
	Hạng 1	31.200	24.000	16.800
	Hạng 2	26.100	20.100	14.070
	Hạng 3	21.500	16.500	11.550
	Hạng 4	18.900	14.500	10.150
	Hạng 5	16.900	13.000	9.100
	Hạng 6	14.300	11.000	7.700
2	Đất nuôi trồng thủy sản			
	Hạng 1	27.400	16.600	9.960
	Hạng 2	23.000	13.900	8.340
	Hạng 3	18.800	11.400	6.840
	Hạng 4	16.500	10.000	6.000
	Hạng 5	14.900	9.000	5.400
	Hạng 6	12.500	7.600	4.560
3	Đất trồng cây lâu năm			
	Hạng 1	38.300	25.200	15.120
	Hạng 2	32.100	21.100	12.660
	Hạng 3	26.300	17.300	10.380
	Hạng 4	23.100	15.200	9.120
	Hạng 5	20.700	13.600	8.160
4	Đất rừng sản xuất			
	Hạng 1	13.400	8.040	5.500
	Hạng 2	11.200	6.720	4.600
	Hạng 3	9.300	5.580	3.800
	Hạng 4	8.100	4.860	3.300
	Hạng 5	7.200	4.320	3.000
5	Đất rừng phòng hộ			
	Và rừng đặc dụng			
	Hạng 1	12.060	7.240	4.950
	Hạng 2	10.080	6.050	4.140
	Hạng 3	8.370	5.020	3.420
	Hạng 4	7.290	4.380	2.970
	Hạng 5	6.480	3.900	2.700

BẢNG GIÁ ĐẤT THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ*DVT: đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở NÔNG THÔN	
	XÃ SÔNG LÔ	
1	. Đất có mặt tiền giáp QL2 (đê Sông Lô) đi cầu Việt Trì	1.000.000
2	. Đất thuộc trung tâm xã + Cầu Việt Trì cũ ra QL2	120.000
3	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
4	. Đất còn lại	90.000
	XÃ TRUNG VƯƠNG	
1	. Đường A-B từ đường C đi Trung tâm Khuyến nông	500.000
2	. Đường A1-B1 đi đường C đến nhà ông Khắc	700.000
3	. Đường A2-B2 từ đường C đi khu tập thể Thủy lợi cũ	450.000
4	. Đường Z-H-E đi từ trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh tới cổng Sở Lương thực cũ	450.000
5	. Đường E-M-N từ cổng Sở Lương thực cũ đến Trường Chính trị thành phố	250.000
6	. Đường B2-C từ cổng ông Khắc đến cổng nhà ông Trò	450.000
7	. Khu dân cư đôi Thụ Y cũ	170.000
8	. Khu dân cư đôi Bình Hải	150.000
9	. Đất thuộc Trung tâm xã, chợ	150.000
10	. Đất 2 bên đường liên thôn	120.000
11	. Đất Đôi Mụ	170.000
12	. Đất Đôi Quế	150.000
13	. Đất còn lại	90.000
	XÃ MINH NÔNG	
1	Khu Xóm Minh Tân	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hội trường Minh Tân	1.000.000
	. Đoạn từ hội trường Minh Tân đến đường Sông Thao	700.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến ngã 3 lối rẽ lên hội trường Xóm (đối diện Công ty phát hành sách)	1.000.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương ven theo đồng đến nhà ông Thê	600.000
	. Các đường còn lại trong xóm	200.000
2	Khu Xóm Thông Đậu	
	. Đoạn từ kho vật tư đến dốc Thông Đậu (đến hết nhà ông Ngang, ông Hoàn)	1.200.000
	. Đoạn từ dốc Thông Đậu đến đường Sông Thao	800.000
	. Đoạn từ ngã 4 (ông Vân + ông Phong) rẽ đến nhà ông Ninh	500.000
	. Các đường còn lại trong xóm Thông Đậu	200.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
3	<i>Khu xóm Minh Bọt</i>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến nhà bà Thịnh	600.000
	. Đoạn từ đường QL2 đến nhà bà Khuyên	700.000
	. Đoạn từ ngõ nhà bà Khuyên đến đường rẽ lên hội trường xóm Minh Bọt	500.000
	. Đoạn đường trong đê 308	500.000
	. Đất ngoài đê 308 khu Minh Bọt	300.000
	. Các đường còn lại trong xóm Minh Bọt	200.000
4	<i>Khu xóm Hòa Phong</i>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến cổng trường tiểu học	1.000.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao (lối rẽ cổng nhà ông Hiền + ông Sáu) đến cổng Trường Tiểu học	1.000.000
	. Đoạn từ nhà bà Hùng đến nhà ông Luyện	600.000
	. Đoạn từ nhà ông Bình Phụng đến nhà ông Thu	800.000
	. Đoạn từ nhà bà Nga đến nhà ông Thành Xuân	700.000
	. Đoạn từ nhà bà Hưu theo ven đồng đến nhà ông Đoán	800.000
	. Đoạn từ nhà ông Chi đến dốc lên ao cá dẹt theo ven đồng	600.000
	. Các đường còn lại trong xóm Hòa Phong	200.000
5	<i>Khu xóm Hồng Hải</i>	
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết cổng nhà ông Yển	600.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết nhà bà Bằng, ra đê	400.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến hết đất nhà ông Khoa, ông Đồng	400.000
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải (trong đê)	200.000
	. Đất khu dân cư thuộc xóm Hồng Hải (ngoài đê)	150.000
	. Đất quy hoạch mới đồng Đàm (bằng sau)	500.000
	XÃ MINH PHƯƠNG	
	. Đoạn đường từ ngã 3 Trung tu ô tô đến cổng nhà ông Lâm	500.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến đình Vân Cơ	500.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao qua cổng Trường THCS Minh Phương	700.000
	. Các đường giao thông chính các khu Cao Đại, Lưu Minh, Tân Phương, Trung Phương, Vân Cơ và Liên Phương.	200.000
	. Đường QL2 (Công ty vải sợi Nghĩa Hưng) đi ngã ba Đông lạnh	600.000
	. Đất còn lại phía trong đường chính của các khu	150.000
	XÃ THỤY VÂN	
	. Đất thuộc trung tâm xã, khu vực gần chợ	110.000
	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
	. Đất còn lại	90.000
	XÃ VÂN PHÚ	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đường nội thị từ Vân Phú đi Thụy Vân (từ trường dạy nghề vào KCN) (Công trên)	2.000.000
1	Khu 1	
	. Đất băng 2, đường QL2	1.000.000
	. Đất băng 1, đường QL 32C đến đường rẽ trạm xá Quân khu	1.500.000
	. Đường vành đai Quân khu II	800.000
	. Đất còn lại	400.000
2	Khu 2	
	. Đất băng 1, đường QL 32C từ đường rẽ Trạm xá Quân khu đến giáp xã Hy Cương	1.500.000
	. Đoạn từ ngã 3 Đền Hùng - Nữ Oa - giáp đường 32C	500.000
	. Hai bên đường, đoạn từ đường 32C đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	500.000
	. Đất còn lại	150.000
3	Khu 3	
	. Đoạn đường liên thôn từ QL2 đến giáp tuyến đường nội thị Vân Phú - Thụy Vân	1.500.000
	. Đất còn lại ở các đường nhánh	1.000.000
	. Đất còn lại	400.000
4	Khu 4	
	Đất các ngõ nhánh (trừ băng 1 của đường QL2 đi XNCB rác thải)	1.000.000
	. Đất các ngõ hẻm còn lại	400.000
5	Khu 5	
	Đất hai bên đường đoạn từ trại giam đến giáp phường Dữu Lâu, Phượng Lâu	600.000
	. Đất các đoạn đường ngõ, nhánh	400.000
	. Đất còn lại	200.000
6	Khu 6	
	. Đoạn từ giáp phường Vân Cơ qua UBND xã Vân Phú đến ngã 4 cổng nhà ông Nguyễn	800.000
	. Đoạn đường từ ngã 4 đi khu 8 giáp xã Phượng Lâu	500.000
	. Đoạn đường từ cây đa đến bờ Luông và đoạn đường từ trạm bơm đến cổng Đình	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000
7	Khu 7	
	. Đoạn đường từ UBND xã Vân Phú đi trại giam Phủ Đức	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
8	Khu 8	
	. Đoạn từ ngã tư đi Phụng Lâu	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	100.000
	XÃ PHỤNG LÂU	
1	. Đất 2 bên bờ đê Sông Lô đi Xí nghiệp chế biến rác thải, đất thuộc trung tâm xã	150.000
2	. Đất hai bên đường liên thôn	120.000
3	. Đất còn lại	90.000
	XÃ HY CUƠNG	
1	Đất hai bên đường ven Quốc lộ 2	
	. Đất hai bên đường từ ngã 3 Đền Hùng đến hết địa phận xã Hy Cương	2.500.000
2	Đất hai bên đường ven Quốc lộ 32C:	
	. Đất hai bên đường từ giáp xã Vân Phú đến nhà ông Thanh Dung (rẽ vào đơn vị 652)	1.500.000
	. Đất hai bên đường từ đường rẽ vào 652 đến hết địa phận xã Hy Cương nhà bà Phương	1.200.000
	. Đoạn từ giáp ngã 3 Đền Hùng đến nhà bà Bùi Thị Hợp xã Hy Cương	1.500.000
	. Đoạn từ giáp nhà bà Bùi Thị Hợp đến hết nhà ông Huê xã Hy Cương	1.200.000
	. Đoạn từ giáp nhà ông Huê đến đầu đường bê tông chợ Hy Cương nhà ông Uẩn	1.000.000
	. Đoạn từ giáp nghĩa trang liệt sỹ xã Hy Cương đến Quốc lộ 32 C	600.000
	. Đất hai bên đường từ nhà ông Uẩn đến nhà ông Quan hết địa phận xã Hy Cương	300.000
	. Đất hai bên đường từ nhà ông Triệu Việt Thanh đến Đền Mẫu Âu Cơ	200.000
	. Đất hai bên đường từ đập phân muối đi Quốc lộ 32C	600.000
	. Đất hai bên đường từ bãi đỗ xe số 1 đến đồi thông	800.000
3	Đất khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng	160.000
4	Đất các khu vực còn lại các xã miền núi	90.000
	XÃ CHU HOÁ	
1	Đất hai bên đường liên xã và khu vực chợ	200.000
2	. Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng	140.000
3	Khu vực ác quy	
	. Đất hai bên đường từ giáp QL - 32C vào cổng nhà máy Ác quy	250.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đất hai bên đường từ giáp QL - 32C đến UBND xã Chu Hoá	500.000
4	Các khu dân cư còn lại	
	. Đất hai bên đường tương đối thuận lợi về giao thông các xã còn lại	100.000
5	Đất các khu vực còn lại	80.000
XÃ THANH BÌNH		
1	Đất hai bên đường liên xã khu vực chợ	
	Đất hai bên đường liên xã khu vực chợ	160.000
2	Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng	
	Các khu dân cư tập trung mới được đầu tư một phần kết cấu hạ tầng	140.000
3	Đất khu dân cư còn lại	
	Đất hai bên đường tương đối thuận lợi về giao thông xã miền núi	100.000
4	Đất các khu vực còn lại	
	Xã miền núi	70.000
XÃ KIM ĐỨC		
	Đất hai bên đường Quốc lộ 2	2.500.000
	Đất hai bên đường từ ngã 3 Đền Hùng đến nhà ông Lân (cách ngã ba 60 m)	1.100.000
1	Đất hai bên đường tỉnh 323B	300.000
	Đất khu trung tâm, khu vực chợ	200.000
2	Đất hai bên đường liên thôn đông dân cư	150.000
3	Đất hai bên đường liên thôn còn lại	80.000
4	Đất các khu dân cư còn lại	70.000
XÃ HÙNG LÔ		
1	Khu vực 1:	
	. Đường QL32C từ nhà ông Hoà Ấm (khu 5) tiếp giáp đường tỉnh 331 đến đê hữu Sông Lô.	1.200.000
	. Đường liên thôn khu vực 4 đi khu 2 tiếp giáp đường QL32A đến nhà ông Tình Đông (khu 4)	900.000
	. Đường liên thôn khu vực 4 đi khu 1 từ nhà ông Liên Tứ tiếp giáp đường QL 32A	900.000
	. Đường liên thôn khu 4 đi khu 7 từ nhà ông Tư Thương đến tiếp giáp đường QL32A	900.000
	. Đường nội thôn khu 5 từ nhà ông Khoa Nghĩa tiếp giáp đường QL32A	900.000
	. Đường nội thôn từ nhà ông Thắng Nga (khu 1) đến tiếp giáp đường QL32A	900.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
2	Khu vực 2:	
	. Đường QL32A từ nhà ông Hoà Âm (khu 5) đến giáp xã Kim Đức	1.100.000
	. Đường tỉnh 331 đê hữu Sông Lô từ giáp xã Vĩnh Phú đến tiếp giáp xã Phụng Lâu	1.100.000
	. Đường liên thôn khu 9 tiếp giáp đường tỉnh 331 đê hữu sông Lô	600.000
	. Đường liên thôn khu 8 tiếp giáp đường tỉnh 331 đê hữu sông Lô	600.000
	. Đường nội thôn từ ông Đáp Tự (khu 6) đến tiếp giáp đường tỉnh 32A	700.000
	. Đường nội thôn từ nhà ông Hà Cẩm (khu 2) từ nhà ông Quế Hưởng (khu 1) đến tiếp giáp đường tỉnh 331 đê hữu sông Lô	700.000
	. Đường nội thôn khu 5 từ nhà ông Ngân đến nhà ông Tuấn Lục giáp đường tỉnh 331 đê sông Lô	700.000
	. Đường nội thôn khu 5, khu 6 tiếp giáp đường QL 32A	800.000
3	Khu vực 3:	
	. Đường liên thôn từ khu 4 đi khu 2 từ nhà ông Tình Đồng đến nhà bà Sắc	300.000
	. Đường liên thôn từ khu 4 đi khu 3, khu 7 đi xã Phụng Lâu	300.000
	. Đường nội thôn các khu: 1, 2, 8, 9	300.000
	. Các đường nội thôn của các khu còn lại (ngõ hẻm)	200.000
II	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH	
1	Đường Hùng Vương	
	. Đoạn từ nút A2 đến đầu Cầu Việt Trì	2.000.000
	. Đoạn từ A2 đến nút A3	4.500.000
	. Đoạn từ A3 đến nút A5	6.000.000
	. Đoạn từ A5 đến nút A9	7.000.000
	. Đoạn từ A9 đến nút A11	6.000.000
	. Đoạn từ nút A11 đến Cầu Nang	4.500.000
	. Đoạn từ Cầu Nang đến ngã ba Đền Hùng	4.000.000
2	Đoạn đường Bưu điện tỉnh qua chợ Trung tâm Việt Trì đến đường Trần Phú	7.000.000
3	Đường Trần Phú	
	. Đoạn từ A7 đến C7	6.000.000
	. Đoạn từ C7 đến D7	4.000.000
4	Đường Nguyễn Tất Thành	
	. Từ nút A2 đến nút C10	4.000.000
5	Đường Hoà Phong	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đoạn A9 C9	6.000.000
6	<i>Đường Châu Phong</i>	
	. Đoạn A8 C8	4.000.000
	. Đoạn từ C8 đến hồ Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	2.500.000
	. Đoạn từ D7 đến đê Sông Lô	3.500.000
7	<i>Đường Âu Cơ (Toàn tuyến)</i>	4.000.000
8	<i>Đường Hai Bà Trưng</i>	
	. Từ đường Sông Thao đến đường Nguyễn Tất Thành	3.500.000
9	<i>Đường Trần Nguyên Hãn</i>	
	. Từ công Nhà máy Giấy đến đường Nguyễn Tất Thành	3.000.000
10	<i>Đường Hà Huy Tập</i>	
	. Từ đường Hùng Vương qua sau Ngân hàng, Kho bạc đến đường sắt	3.000.000
11	<i>Đường Thanh Xuân</i>	
	. Đoạn từ đường Trần Phú đến số nhà 106 tổ 4D khu 19	3.000.000
	. Đoạn từ giáp số nhà 106 tổ 4D khu 19 đến tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.000.000
12	<i>Đường Lê Quý Đôn</i>	
	. Từ đường Hùng Vương đến tiếp đường Nhi Đồng	3.000.000
13	<i>Đường Kim Đồng</i>	
	. Từ đường Hùng Vương đến đường Nhi Đồng	2.500.000
14	<i>Đường Đoàn Kết</i>	
	. Từ Công an Tiên Cát đến đường Sông Thao	3.500.000
15	<i>Đường Công Nhân</i>	
	. Từ A10 qua cổng nhà máy Dệt đến đường Sông Thao	3.000.000
16	<i>Đường vào khu Công nghiệp Thụy Vân</i>	
	. Từ đường Hùng Vương đến cổng khu Công nghiệp	3.000.000
17	<i>Đường Tân Bình</i>	
	. Từ tiếp giáp đường Trần Phú đến đường Châu Phong	3.500.000
18	<i>Đường Nguyễn Du</i>	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương đến hết đường nhựa nhà ông Biễn	3.000.000
	. Đoạn từ nhà ông Biễn đến giáp phường Dữu Lâu	500.000
	. Từ cây xăng Dữu Lâu đến cổng nghĩa trang Dữu Lâu	1.000.000
	. Từ cổng nghĩa trang Dữu Lâu đến Đình Hương Trâm	700.000
	. Từ Đình Hương Trâm phường Dữu Lâu đến giáp phường Nông Trang	500.000
19	<i>Đường 20- 7</i>	
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Nguyễn Du đến cổng trường Đình Tiên Hoàng	2.500.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đoạn từ cổng trường Đinh Tiên Hoàng đến ngã tư (Ông To)	2.000.000
	. Đoạn từ lương thực Vân Cơ đến hết tường rào Trường đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng	1.000.000
20	<i>Đường Sông Thao</i>	
	. Từ A2 A3 đến nút A11 (Toàn tuyến)	2.500.000
21	<i>Trục đường Bạch Hạc</i>	
	. Từ Cầu Việt Trì đến đê Bầu Sao	1.000.000
22	<i>Đường Du lịch Bạch Hạc - Bến Gót</i>	1.000.000
23	<i>Đường Nam Công viên Văn Lang toàn tuyến</i>	1.500.000
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG XÃ, PHƯỜNG	
	PHƯỜNG BẠCH HẠC	
1	<i>Phố Châu Phong</i>	
	. Đoạn từ đầu Cầu cũ đi toa đen	250.000
	. Ngõ từ giáp hành lang cầu đến nhà ông khai	250.000
	. Trục đường Chùa Bi	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần cơ khí Giao thông Phú Thọ	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào hết khu tập thể Cty cổ phần vận tải đường sông Phú Thọ	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
2	<i>Phố Bạch Hạc</i>	
	. Ven đường kè Du lịch Bạch Hạc	250.000
	. Trục đường Trần Nhật Duật	245.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc (ông Hảo) đến nhà Bà Thu	200.000
	. Ngõ từ nhà ông Hải Hạnh - đến nhà ông Kim Văn Hùng	120.000
	. Ngõ từ nhà ông Sơn Tân đến nhà ông Hùng Nội	150.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
3	<i>Phố Đoàn Kết</i>	
	. Ven bờ kè Bạch Hạc	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu tập thể Xí nghiệp mộc Bạch Hạc	250.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc vào khu Lò vôi cũ	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
4	<i>Khu Vực Mộ Thượng</i>	
	. Trục đường Trần Nhật Duật	150.000
	. Ngõ từ đường Du lịch qua xóm mới Mộ Thượng đến đường Nhị Hà	150.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
5	<i>Khu vực Lăng Đài</i>	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Trục đường Nhị Hà	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
6	Khu vực mộ Hạ	
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà ông Thắng	200.000
	. Ngõ từ đường Bạch Hạc đến nhà ông San	200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
7	Khu tái định cư	
	. Băng mặt đường (băng 1)	500.000
	. Các băng còn lại	300.000
PHƯỜNG THANH MIẾU		
1	Đường Đồi Cam	
	. Từ cây xăng Thanh Miếu đến tiếp giáp đường Hùng Vương (thuộc khu 7 + 8 + 11 + 12)	1.000.000
2	Đường Thanh Bình	
	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn đến tiếp giáp đường Đồi Cam	500.000
3	Đường Lý Tự Trọng	
	. Từ nhà ông Triệu đến Trường mầm non Cty Giấy (khu 1, 2, 3, 4)	1.600.000
	. Từ trường mầm non Cty Giấy đến cổng trường THPT Công nghiệp Việt Trì (thuộc khu 3)	840.000
4	Đường Thanh Hà	
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến tiếp giáp đường Trần Nguyên Hãn (thuộc khu 5+6)	210.000
5	Các con đường khác trong khu dân cư	
	. Từ tiếp giáp Trần Nguyên Hãn qua UBND phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 6 + 9)	840.000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua trạm xá phường Thanh Miếu đến đường Nguyễn Tất Thành (thuộc khu 7+11+12)	210.000
	. Từ đường Hùng Vương qua nhà ông San, ông Quý đến tiếp giáp đường Lý Tự Trọng (thuộc khu 1+2)	560.000
	. Các đường vòng quanh phố thuộc băng 1 của các khu dân cư	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại 14 khu	150.000
PHƯỜNG BẾN GÓT		
1	Khu phố Việt Hưng	
	. Đoạn đường A3H3 đến lối rẽ ra đường Hùng Vương (đường đi công sau chợ Gát)	1.600.000
	. Đoạn từ lối rẽ đường Hùng Vương đến chợ Gát	1.500.000
	. Đoạn đường đi chợ Gát rẽ ra đường sắt (tổ 2 phố Việt Hưng)	840.000
	. Đường bao quanh tổ 5 Việt Hưng	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
2	<i>Khu phố Hoà Bình 1 + 2</i>	
	. Đoạn từ A2A3 quốc lộ 2 cũ (Cổng chùa Hoà Bình)	840.000
	. Đoạn tiếp giáp QL2 cũ đi xí nghiệp đường sắt (Cổng đình làng Việt Trì)	420.000
	. Đoạn từ cổng Cty đường sắt đến cổng đỏ (Tổ 18 Kiến Thiết)	510.000
	. Đoạn từ nút A2 đi xã Sông Lô	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
3	<i>Khu phố Kiến Thiết</i>	
	. Đoạn tiếp giáp A2A3 đến cổng Cty Than	525.000
	. Ngõ bao quanh phố	210.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	150.000
4	<i>Khu phố Hồng Hà 1 + 2</i>	
	. Từ Công an phường Bến Gót đến trại Thanh Hà	525.000
	. Bảng 2 khu ga Việt Trì	525.000
	. Bảng 2 khu cảng Việt Trì	525.000
	. Cửa ga Việt Trì đi Bến Gót đường 19,5m	840.000
	. Bưu điện ga Việt Trì đi Bến Gót	525.000
	. Xí nghiệp Vật tư đường sắt đi bờ đê sông Hồng	840.000
	. Đoạn đường ký túc xá PăngRim	840.000
	. Đoạn từ đường Sông Thao đến trạm thực phẩm cũ (tổ 22)	840.000
	. Ngõ bao quanh phố	210.000
	. Ngõ hẻm còn lại	150.000
PHƯỜNG THỌ SƠN		
1	<i>Đại lộ Hùng Vương</i>	
	. Đường ngõ cổng trên chợ Gát (khu vực tổ 4B đến Sông Thao)	2.000.000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Trung tâm hội nghị tỉnh	2.000.000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Cty TNHH Chí Hòa	2.000.000
	. Ngõ từ đường Hùng Vương vào Doanh nghiệp Kim Sơn	2.000.000
	. Ngách từ đường Hùng Vương vào đến hộ ông Thành tổ 7	850.000
2	<i>Đường Hai Bà Trưng</i>	
	. Ngõ từ hộ ông Văn tổ 26B đến hộ bà Ty tổ 26B	1.000.000
	. Đoạn nối từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Tất Thành (khu vực tổ 27B) trừ những hộ quay ra đường Hai Bà Trưng	2.000.000
	. Đường từ ngã 4 Thọ Sơn đến hộ ông Huy tổ 33 - phố Thành Công	2.000.000
3	<i>Khu phố Long Châu Sa</i>	
	<i>Khu vực Cty xây dựng số 22</i>	
	. Đường từ hộ bà Ngọc đến hộ ông Khanh tổ 10	1.300.000
	. Đường từ hộ ông Khanh đến hộ bà Hới tổ 12	1.300.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đường từ nhà bà Hới đến hộ nhà bà Quý tổ 11B	1.300.000
	. Đường từ hộ bà Hới đến hộ bà Hằng tổ 11A	1.100.000
	. Ngõ từ bà Lợi tổ 10 đến hộ bà Hòa tổ 10	520.000
	. Đoạn từ hộ ông Lý đến hộ bà Hải tổ 10	700.000
	. Ngõ từ hộ ông Trung đến hộ ông Tường tổ 10	520.000
	Khu vực Báo Phú Thọ cũ	
	. Ngõ thuộc băng 1, 2, 3 tổ 11A	520.000
	. Ngõ từ hộ bà Hồng đến hộ ông Diên tổ 11A	350.000
	Khu vực rạp Long Châu Sa	
	. Đường từ hộ ông Hưng đến hộ ông Quỳnh tổ 12	550.000
	Khu vực giáp Trạm xá nhà máy Mì Chính cũ	
	. Từ hộ ông Bình đến hộ ông Căn tổ 15	520.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
3	Khu phố Sông Thao	
	Khu vực đôi chợ	
	. Đoạn đường từ bà Loan đến hộ ông Bông tổ 8B	1.000.000
	. Đoạn đường từ bà Lâm đến hộ bà Xoan tổ 4A	650.000
	. Đoạn đường từ ông Chiên đến hộ ông Hới tổ 4A	650.000
	. Ngõ sau chợ Gát (từ hộ ông Hi đến hộ ông Phước tổ 4B)	450.000
	Khu hồ hóa chất	
	. Đoạn đường từ ông Long đến hộ ông Cường tổ 9B	900.000
	. Đoạn đường từ ông Lâm đến hộ ông Mậu tổ 9A	900.000
	. Các ngõ ven hồ hóa chất tổ 8B	350.000
	Khu đội xe Xi nghiệp 4 cũ	
	. Đoạn đường từ bà Thêu đến hộ ông Dũng tổ 9B	870.000
	Khu đôi vật tư	
	. Ngõ từ hộ ông Quỳnh đến đường sắt tổ 2	420.000
	. Ngõ từ hộ bà Trường tổ 2 đến hộ ông Tô tổ 3	315.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	315.000
4	Khu phố Đoàn Kết (Khu vực 221)	
	. Đoạn đường từ hộ ông Bài đến hộ bà Truyền tổ 17	870.000
	. Đoạn đường từ bà Hợp đến hộ ông Toại	700.000
	. Các ngõ thuộc băng 2 tổ 16.22	520.000
	. Các ngõ thuộc băng 3 tổ 16.22	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
5	Khu phố Thành Công	
	Khu đôi lắp máy	
	. Đoạn đường từ hộ bà Thủy đến hộ ông Chiên tổ 27B	1.000.000
	. Các ngõ băng 1, băng 2 đôi lắp máy tổ 28	420.000
	Khu đôi A	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 30	520.000
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 33	350.000
	Khu đôi Chùa	
	. Các ngõ băng 1, băng 2 tổ 34	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	PHƯỜNG TIỀN CÁT	
1	<i>Các tuyến đường lớn</i>	
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến cổng trường Chính trị tỉnh	3.000.000
	. Đoạn từ UBND phường Tiên Cát đến Trung tâm GDTX	3.000.000
	. Từ tiếp giáp đường Hùng Vương (cổng Cty xuất nhập khẩu) đến ngã 3 dài Truyền thanh Việt Trì cũ	2.500.000
	. Từ Hải quan Việt Trì dọc đường sắt đến chợ Trung tâm	2.500.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương qua Cty bia Hồng Hà ra đường Sông Thao	2.000.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đi qua đường sắt vào cổng Máy xay cũ	1.500.000
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương đến Cty Bê tông Vật liệu XD CMC	2.500.000
2	<i>Khu phố Thành Công</i>	
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua trường Văn hoá nghệ thuật đến đường công viên Văn Lang	1.500.000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên qua đê Hàng và đến đường công viên Văn Lang	1.200.000
	. Đoạn từ cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến ngã 3 tổ 38 các hộ còn lại tổ 39	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 38	500.000
3	<i>Khu phố Tiên Sơn</i>	
	. Từ cổng Đảng uỷ cơ quan tỉnh qua nhà thờ họ Lưu đến đường nam công viên Văn Lang	1.300.000
	. Từ ngã 3 nhà thờ họ Lưu qua hội trường khu đến đường nam công viên Văn Lang	1.000.000
	. Các hộ còn lại tổ 41	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
4	<i>Khu phố Đoàn Kết</i>	
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến tập thể Vật liệu chất đốt cũ	1.200.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương đến Cổng trường tiểu học Chính Nghĩa	1.000.000
	. Từ ngã 3 Công an phường Tiên Cát qua nhà thờ họ Giáo đến tiếp giáp khu tái định cư tổ 17	1.000.000
	. Từ ngã 3 đi dọc bờ tường bột giặt VIMEX đến đường Đoàn Kết	1.000.000
	. Từ khu tái định cư tổ 17 đến đường Sông Thao	1.500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đê	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đê	300.000
5	<i>Khu phố Minh Hà</i>	
	. Các hộ còn lại tổ 18A	2.500.000
	. Các ngõ còn lại (thuộc băng 2)	1.500.000
6	<i>Khu phố Mai Sơn II</i>	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Các đường khu Mai Sơn II	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
7	Khu phố Hồng Hà	
	. Đường Tiên Dung	1.200.000
	. Đường Tiên Dung song song với đường sắt đến đường Ngọc Hoa	1.000.000
	. Từ đường rẽ vào tổ 4A qua hội trường khu ra đường Sông Thao	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đề	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đề	300.000
8	Khu phố Sông Thao	
	. Từ đường Ngọc Hoa vào đến ngã 3 tổ 7 và tổ 10A + 10B đến công Cty Bê tông vật liệu XD	1.500.000
	. Từ đường Ngọc Hoa vào tổ 8B	1.000.000
	Các ngõ hẻm tổ 7	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong đề	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại ngoài đề	300.000
9	Khu phố Thi đua	
	. Từ UBND phường Tiên Cát đến ngã 3 tiếp giáp tổ 36	1.500.000
	. Từ ngã 3 giáp tổ 36 qua hội trường khu đến đường Tiên Sơn	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
10	Khu phố Tiền Phong	
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến đền Mòi	1.200.000
	. Từ đại lộ Hùng Vương vào đến trường tiểu học Tiên Cát	1.500.000
	. Từ trường tiểu học Tiên Cát đến đền Hàng và các ngõ còn lại	500.000
11	Khu phố Thọ Mai	
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000
	. Đoạn từ đường Âu Cơ đến đường nam công viên Văn Lang	1.200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
12	Khu phố Gát	
	. Khu vực trong đề thuộc tổ 3 và tổ 5	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) Trong đề	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại (tổ 1 + tổ 2) Ngoài đề	300.000
13	Khu phố Mai Sơn I	
	. Đoạn từ Trường Chính trị qua nhà ông Quân điền đến đường Nam công viên Văn Lang	1.500.000
	. Đoạn từ Trường Chính trị đến đường Nam công viên Văn Lang	1.200.000
	. Đoạn từ Trường Chính trị vòng lên hội trường khu tiếp giáp đường Âu Cơ	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
14	Khu phố Anh Dũng	
	. Đoạn từ cổng Cty Bê tông ven tường rào Cty Bê tông đến đường Sông Thao	1.200.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường vào cổng Cty Bê tông đến hết sân văn hoá thể thao của khu	1.000.000
	. Khu tổ 13	800.000
	. Tổ 14A đến đường Sông Thao	1.500.000
	. Còn lại của tổ 14A	800.000
	. Cổng Cty Bê tông song song đường sắt đến cung đường ngang	1.000.000
	. Đường Hùng Vương đến tiếp giáp tổ 14 khu Anh Dũng	900.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
15	Khu phố Âu Cơ	
	. Từ đường Âu Cơ theo tường rào UBND thành phố ra đến đường Hùng Vương	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
16	Khu phố Tiên Phú	
	. Từ ngã 3 Truyền thanh đến đường Tiên Sơn	1.200.000
	. Đường từ ngã 3 Truyền thanh qua tập thể Công ty 26 đến hội trường khu	1.500.000
	. Các đường khu Tiên Phú	1.200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
PHƯỜNG GIA CẨM		
1	Đại lộ Hùng Vương	
	. Đoạn đường ngõ 1879 và ngõ 1923	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 1620 và ngõ 1642	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 2173	900.000
	. Đoạn đường ngõ 1783 và ngõ 1538	800.000
	. Đoạn đường ngõ 1655 và ngõ 1679	700.000
	. Đoạn đường ngõ 1548	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 1631, 1643, 1719, 1771, 2112 và các hẻm còn lại	500.000
2	Đường Đoàn Kết	
	. Đoạn đường ngõ 128	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 24, 22, 12 và ngõ 102	500.000
3	Đường Trần Phú	
	. Đoạn đường ngõ 23B	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 23A	800.000
	. Ngõ 07, 13	1.000.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	300.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
4	<i>Đường Hòa Phong</i>	
	. Đoạn đường ngõ 2	2.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 40 và ngõ 54	1.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 68 và ngõ 88	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 102	800.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	500.000
5	<i>Đường Châu Phong</i>	
	. Đoạn đường các ngõ 303, 317, 346 và ngõ 356	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 301, 438, 386, 409, 417 và ngõ 457	600.000
	. Đoạn đường các hẻm còn lại	300.000
6	<i>Đường Thanh Xuân</i>	
	. Đoạn đường các ngõ 61 (từ số 02 đến 20) và ngõ 78	1.200.000
	. Đoạn đường ngõ 111	900.000
	. Đoạn đường các ngõ 15, 29, 43, 26, 44, 121, 125, 127, 130	800.000
	. Đoạn đường ngõ 169, 188, 174, 180, 183, 184, 186, 211, 249	600.000
	. Đoạn đường các ngõ 141 và ngõ 167	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 77, 86, 92, 95, 125, 127, 130, 139, 146, 194, 200, 206, 226, 256, 258, 267, 299 và các hẻm còn lại	300.000
	. Các hẻm ngõ 61 (từ số 02 đến hẻm 6) và hẻm 1 + 2 ngõ 111	500.000
7	<i>Đường Lê Quý Đôn</i>	
	. Từ Sở Khoa học môi trường đến đường sắt	2.000.000
	. Từ số 252 (bà Lân) đến số 354 (bà Tám)	700.000
	Từ số nhà 01 đến số nhà 23	1.000.000
	Từ số nhà 25 đến số nhà 59	700.000
	. Đoạn đường ngõ 186, 126, 226	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 250 và ngõ 210	800.000
	. Đoạn đường các ngõ 81, 113, 117, 133, 284, 316 và ngõ 354	600.000
	. Đoạn đường ngõ 71	500.000
	. Đoạn đường các ngõ 20, 52, 60, 23 và ngõ 53	400.000
	. Đoạn đường các ngõ 254, 231, 167, 183, 203, 294 và các hẻm còn lại	300.000
8	<i>Đường Kim Đồng</i>	
	. Đoạn đường các ngõ 22, 49, 41 và ngõ 35	600.000
9	<i>Đường Võ Thị Sáu (Toàn tuyến)</i>	2.500.000
10	<i>Đường Lê Văn Tám (Toàn tuyến)</i>	2.000.000
11	<i>Đường Nhi Đồng</i>	
	. Đoạn đường từ số 02 đến 20	2.500.000
	. Đoạn đường từ số 02 (ông Bang) đến số 36 (bà Khương)	1.500.000
	. Đoạn đường ngõ 30A	700.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đoạn đường các ngõ 20, 22, 31 và ngõ 30B và ngõ 36	400.000
12	Đường Phan Chu Trinh	
	. Đoạn đường từ số 02-24, 1-9, 13-29, 1-132, 73-105	3.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 71, 75, 41 và ngõ 49	1.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 15 và ngõ 21	700.000
	. Đoạn đường ngõ 71B và các hẻm còn lại	500.000
13	Đường Lăng Cẩm	
	. Đoạn đường từ đường Trần Phú qua nhà văn hoá TP, bệnh viện Y học CT đến hết nhà ông Nguyễn Huy Mai	700.000
	. Số nhà 107 ra ngõ 13 (Trần Phú)	700.000
	. Đoạn đường các ngõ 02 và ngõ 49	700.000
	. Đoạn đường ngõ 105	400.000
	. Đoạn đường các ngõ 01, 09, 36, 42, 50, 69, 52, 07 và các hẻm còn lại khu 3+4	300.000
14	Đường 30-4	
	. Đoạn đường từ số 01 đến số 37	1.000.000
	. Đoạn đường từ số 39 đến số 59	800.000
	. Đoạn đường ngõ 02 (từ số 02 đến số 54 và từ số 01 đến số 19)	800.000
	. Các hẻm còn lại	500.000
15	Đường Hà Huy Tập	
	. Đoạn đường các ngõ 11, 21 và hẻm 6	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 47	500.000
	. Đoạn đường từ cây xăng Gia Cẩm qua tiểu học Tiên Dung đến đường Hà Huy Tập	3.000.000
16	Đường Nguyễn Thái Học	
	. Đoạn đường từ đại lộ Hùng Vương đến nhà ông Bảo	3.000.000
	. Đoạn đường các ngõ 10, 73 và ngõ 85	800.000
17	Đường Hoàng Hoa Thám	
	. Đoạn đường từ số 01 (nhà ông Chinh) đến số 31 (Trung tâm dạy nghề Sở Lao động)	2.500.000
	. Đoạn từ Trung tâm dạy nghề đến nhà số 2 (bà Nguyễn Thị Hoà tổ 36A - khu 1)	1.500.000
	. Đoạn từ nhà số 2 đến đường Nguyễn Thái Học (nhà ông Lê Văn Cúc)	1.000.000
	. Đoạn đường ngõ 31 từ số 02 đến số 46	800.000
PHƯỜNG NÔNG TRẠNG		
1	Các tuyến đường lớn	
	Đường Nguyễn Du từ nút A10 đến hết đường nhựa nhà ông Biển	
	. Đường Hoàng Hoa Thám	2.500.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào cổng Bộ CHQS tỉnh Phú Thọ	2.000.000
2	Khu phố 1A	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua bưu điện Nông Trang vào khu 1A (đến đường ngang sau rạp Hoà Phong)	850.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua UBND phường Nông Trang vào khu 1A	850.000
	. Đường từ đường Hùng Vương qua cổng Cty Ong vào khu 1A đến đường ra đình Nông Trang	850.000
	. Đường ngang khu 1A (từ rạp Hoà Phong đến dốc ngược)	700.000
	. Đường từ đường Hoà Phong (từ A9.C9) qua nhà ông Thuật, nhà ông Chúc đến diêm rế đình Nông Trang	700.000
	. Đường khu 1A, 1B	700.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	200.000
3	Khu 1B	
	. Đường từ nút C9 đường sắt đi Hương Tràm (Dũ Lâu)	700.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Bình (Tổ trưởng 9B) đến nhà ông Quý tổ 9A	700.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường C9 đi Hương Tràm qua nhà ông Tuấn (Thành đội) đến hết khu tập thể Cty may cũ	700.000
	. Các ngõ hẻm khu 1B (Đội Pháo)	250.000
	. Các ngõ hẻm khu 1B (Đội Mỏ Quảng)	200.000
4	Khu phố 2A	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua cổng chợ Nông Trang đến đường 20-7	2.500.000
	. Đường từ A10 - C10 ven tường bệnh viện Dệt đến nhà ông Minh	900.000
	. Đoạn nối từ A10 - C10 đường vào cổng Tỉnh đội (qua cấp 2 Dệt)	700.000
	. Đường tiếp giáp đường 20/7 (nhà ông Viện tổ 17 đến gặp đường sau cổng Tỉnh đội)	900.000
	. Đường từ đại lộ Hùng Vương (nhà ông Hải) đến nhà ông Minh (cả đường trên và dưới)	700.000
	. Ngõ tiếp giáp đường đi 20/7 qua Bệnh xá Tỉnh đội cũ vòng ra nhà ông Công trưởng khu 2A	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2A	200.000
5	Khu phố 2B	
	. Đường tiếp giáp từ đường Hùng Vương đến đình Nông Trang	950.000
	. Đường từ tiếp giáp vào cổng Tỉnh đội xuống nhà ông Hải	800.000
	. Ngõ từ sau cổng Tỉnh đội xuống trường tiểu học Nông Trang cũ vòng ra đường sắt về cổng sau Tỉnh đội	800.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Ngõ nối đường qua BHYT vào Tỉnh đội và từ Tỉnh đội xuống Đốc Ngược	600.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 2B	200.000
6	Khu phố 3	
	. Đường tiếp giáp đường đi Cty xây dựng hạ tầng vào hết nhà trẻ Hoa Sen (khu Lâm Thắng)	800.000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen ra đường sắt (ranh giới khu 3.4) đến đường rẽ khu 5	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	200.000
7	Khu phố 4	
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen vòng sau qua nhà ông Long ra đường sắt đến tiếp giáp khu 3	350.000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Sen đến tiếp giáp khu 6B	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 4	200.000
8	Khu phố 5	
	. Ngõ từ đường sắt qua cổng nhà ông Thứ đi Dữu Lâu	500.000
	. Ngõ từ đường sắt qua nhà trẻ Hoa Phượng đến hết đường khu 5	300.000
	. Ngõ từ nhà trẻ Hoa Phượng vòng qua nhà ông Huệ (trưởng khu cũ) đến hết đường	300.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 5	200.000
9	Khu phố 6A	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương vòng sau chợ Nông Trang qua nhà ông Cát (trưởng khu 6A cũ) đến cổng sau chợ	700.000
	. Ngõ từ tiếp giáp đường Hùng Vương qua nhà ông Tâm (trưởng khu cũ) đến nhà ông Trương Nga	350.000
	. Đường chia khu 6A, 6C	350.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6A	200.000
10	Khu phố 6B	
	. Đường từ ngã tư đồi Ông To đi qua trường đào tạo Công nhân kỹ thuật xây dựng (băng 1 Ông To đến đường sắt)	2.000.000
	. Đường từ tiếp giáp đường 20/7 vào tổ 68 qua trạm y tế đến hết đường	350.000
	. Đường ven trường đào tạo Công nhân xây dựng qua nhà bà Mậu (tổ trưởng 70A)	250.000
	. Đường nội bộ đồi Ông to	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 6B	200.000
11	Khu phố 6C	
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Cty lương thực Vân Cơ) đến ngã tư đồi Ông To đi đường sắt (trại giam)	1.200.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương qua phòng khám Đa khoa phía bắc đến tường rào Cty xây dựng Hạ tầng	700.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu 6C	200.000
12	Khu phố 7	
	. Đường từ đường Hùng Vương qua HTX giấy nền Việt Hà cũ ra đường Sông Thao	700.000
	. Đường nối từ đường vào HTX giấy nền Việt Hà cũ qua nhà trẻ Hoa Hồng đến H10 - từ nhà trẻ đến nhà ông Nghị	700.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 7	200.000
13	Khu phố 8	
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương qua trạm biến áp ao cá Dệt	1.000.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (Công an cứu hoả) vào đường ven ao cá Dệt ra đường Hùng Vương (đến nhà ông Ngô Đức Thành)	700.000
	. Đoạn từ đường Hùng Vương (điểm đối diện Cty Ong) vào đến đường ven ao cá Dệt	700.000
	. Đường tiếp giáp đường Sông Thao qua nhà ông Dích đến giáp xã Minh Nông	250.000
	. Bảng II tổ 90, khu 8	250.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 8	200.000
PHƯỜNG VÂN CƠ		
1	Đường Bạch Đằng	
	. Đoạn từ nút A12 đến Cty CP nhựa cao cấp và xây dựng	1.200.000
2	Đường Nguyễn Viết Xuân	
	. Đoạn từ cây xăng Phủ Đức vào đường tàu cắt ngang đi XN Gà	1.680.000
3	Khu phố 1	
	. Đoạn đường từ Hùng Vương vào cổng nhà ông Triệu tổ 1B	840.000
	. Từ tiếp giáp nhà ông Quý đến nhà văn hoá khu 1	840.000
	. Ngõ từ nhà ông Năm qua nhà ông Tuý tổ 1B	420.000
	. Ngõ từ nhà ông Chi qua nhà bà Hà ra đường sắt tổ 1C	630.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 1A, 1B, 1C, 2	315.000
	. Đoạn đường từ nhà bà Thu tới nhà ông Vượng (tổ 3B)	315.000
	. Đường từ nhà ông Tấn đến nhà ông Tú	420.000
	. Đoạn đường từ nhà bà Trinh tới nhà ông Chi Phán	600.000
	. Đoạn đường từ nhà ông Chi đến nhà ông Lưu tổ 3A	320.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu phố 1	210.000
4	Khu phố 2	
	. Đường từ khách sạn Hoàng Long vào ao Cty Việt Hà	1.260.000
	. Đoạn đường từ ao Cty Việt Hà vào cổng Trường THCS Vân Phú	800.000
	. Đoạn đường từ tiếp đường Hùng Vương vào nhà trẻ Hoa Sen	600.000
	. Các ngõ hẻm sau Bách Hoá xi măng tổ 6 + 8	320.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đoạn đường bưu điện Vân Cơ vào cổng Chi cục dự trữ	600.000
	. Đường Hồ Xuân Hương: Từ UBND phường Vân Cơ đến hết nhà văn hoá khu 2	840.000
	. Đoạn từ cửa hàng kim khí tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	600.000
	. Đoạn từ nhà ông Dư đến tiếp giáp đường Hồ Xuân Hương	840.000
	. Các ngõ hẻm còn lại thuộc tổ 5, tổ 7	320.000
	. Ngõ hẻm còn lại khu 2	210.000
5	Khu phố 3	
	. Đường Nguyễn Văn Trỗi	1.260.000
	. Đoạn tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi qua Cty may đến Trường Mầm non tư thục Thanh Vân	840.000
	. Từ Trường Mầm non tư thục Thanh Vân đến nhà ông Minh Như	420.000
	. Các ngõ tập thể Cty đường bộ cũ tổ 17B	315.000
	. Ngõ từ nhà ông Thành Đăng vào nhà ông Minh Như tổ 14	420.000
	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào Trạm biến thế cát sỏi	320.000
	. Ngõ tiếp giáp đường Nguyễn Văn Trỗi vào qua nhà bà Thái	320.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 3	210.000
6	Khu phố 4	
	. Đoạn từ Cty CP cửa nhựa cao cấp và xây dựng đến Trại giam	420.000
	. Đường Trần Quốc Toản đến cổng trường tiểu học Vân Cơ	840.000
	. Đường Ngô Tất Tố đến cổng Công ty cơ giới 14	840.000
	. Đoạn từ đường Bạch Đằng đến nhà ông Hiệu	525.000
	. Ngõ Hoà Bình từ Cty Việt Hùng vào trường THCS Vân Cơ	420.000
	. Ngõ từ XN cơ giới 14 đến nhà ông Thống	420.000
	. Ngõ sau trường Tiểu học và THCS Vân Cơ	321.000
	. Đường nối tổ 13 đi tổ 18	320.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tại khu 4	210.000
7	Khu phố 5	
	. Đường Tô Vĩnh Diện: Từ A12 đến dốc đôi xe Thủy lợi cũ	1.200.000
	. Từ dốc xe Thủy lợi đến hết kho xăng dầu	500.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 5	210.000
7	Khu phố 6	
	. Đoạn từ đại lộ Hùng Vương vào khu tập thể Cty ô tô	600.000
	. Đoạn từ tiệm vàng Công Tuấn đi nghĩa trang Minh Phương	420.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu 6	210.000
PHƯỜNG TÂN DÂN		
1	Các tuyến đường rẽ từ đường Nguyễn Tất Thành	
	. Đường từ LĐLĐ tỉnh đến nhà bà Tích tổ 9 Tân Việt	1.000.000
	. Đường từ BHXH tỉnh đến nhà ông Chính Tân Việt	1.500.000
	. Đường từ hộ ông Giảng tổ 5B đến tiếp giáp đường Trần Phú phía sau Tỉnh uỷ	1.500.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	. Đường Trung Vương (tiếp giáp đường Trần Phú đến cổng trường Chính trị thành phố)	1.500.000
	. Đường 13m khu Tân Tiến nối từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành	1.500.000
	. Đường khu dân cư đôi Ong Vang (sau Bệnh viện tỉnh)	2.000.000
2	Khu phố Tân An	
	. Từ tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành đến nhà bà Loan giáp đường Văn Lang rộng 10m khu tổ 22	1.500.000
	. Đoạn từ nhà ông Chuỷ tổ 22 đến nhà ông Ngọc	800.000
	. Đoạn từ nhà ông Chung tổ 22 đến nhà ông Thành	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu dân cư tổ 22	400.000
	. Các ngõ hẻm khu tổ 26B phía sau nhà (ông Diễm) ông Thụ	1.000.000
	. Đường sau nhà Văn hoá Tân An sang nhà ông Nghiệp tổ 26B	500.000
	. Đường bao quanh đôi Mâm Xôi Khu tổ 24 + 25 + 26A	1.500.000
	. Đoạn từ nhà ông Kim Minh đến tiếp giáp đường bao đôi Mâm Xôi	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại tổ 24 - 25 đôi Mâm Xôi	500.000
	. Bể nhà ông Trụ và nhà ông Kiệm	500.000
	. Ngõ hẻm nhà bà An Tĩnh tổ 25	300.000
	. Ngõ nhà ông Kế Duyệt tổ 25 Tân An	300.000
	. Đường khu tổ 20B từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Tản và xuống khu dân cư mới	1.500.000
	. Đường khu tổ 19B từ nhà ông Viêt đến tiếp giáp đường Châu Phong (khu giáo viên trường chuyên Hùng Vương)	1.500.000
	. Đường từ nhà ông Quang giáo viên trường chuyên Hùng Vương	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu vực phố Tân An	500.000
3	Khu phố Tân Tiến	
	. Đường khu tổ 18B từ nhà bà Thanh Cảnh đến nhà ông Nhu và	700.000
	. Đường từ nhà ông Thanh đến nhà bà Tài và phía sau Sở Xây	700.000
	. Đường từ Công an phường Tân Dân đến nhà ông Cửu Bình	1.500.000
	. Đoạn từ nhà bà Giao tổ 17A đến nhà ông Mậu	1.500.000
	. Đoạn từ nhà ông Sinh tổ 15A đến nhà bà Bình giáp hộ ông Nhạc Tiến chạy dọc phía sau khối cơ quan	1.500.000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (từ MTTQ tỉnh Phú Thọ đến nhà bà Toan)	1.500.000
	. Đường ngang từ đường Tân Bình sang đường Nguyễn Tất Thành (khu tổ 14 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Viện kiểm soát	1.500.000
	. Đoạn từ nhà ông Huyền tổ 11 đến nhà ông Nam tổ 12	1.200.000
	. Đường rộng 6,5m + 7m trong khu dân cư phố Tân Tiến	700.000
	. Các ngõ hẻm còn lại trong khu dân cư phố Tân Tiến	500.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
4	<i>Khu phố Tân Phú</i>	
	. Đường khu tổ 23 sau trường Dư bi Đại Học từ nhà ông Sơn đến	1.500.000
	. Đoạn từ nhà bà Hiên đến nhà bà Nga tổ 27B	1.500.000
	. Đường rộng 11m khu tổ 29A + 29B thuộc bảng 2 + 3 đôi Gò	1.000.000
	. Các ngõ hẻm còn lại khu đôi Gò Cẩn	500.000
	. Khu trại C tổ 28A từ nhà ông Xuyền đến nhà ông Khoản, Sơn	1.000.000
	. Đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú xuống chợ Tân Dân	2.500.000
	. Bảng 2 khu trại C từ nhà ông Xuân đến nhà ông Khoa Trục	800.000
	. Các ngõ hẻm còn lại	500.000
5	<i>Khu phố Tân Thành</i>	
	. Đoạn từ nhà ông Minh Xuân đến nhà ông Khoa (khu chợ)	700.000
	. Đoạn từ nhà bà Thanh đến nhà bà Hữu khu Trầm Mộc	500.000
	. Đoạn từ nhà ông Lan đến giáp nhà ông Bình Năm	700.000
	. Các đường ngõ phía sau Đài Truyền thanh tỉnh tổ 7A + 7B từ nhà ông Tinh đến nhà ông Quân, nhà ông Đoái xuống đến giáp cơ quan Đài Truyền hình	500.000
	. Đoạn từ cổng Đài Truyền hình tỉnh đến giáp nhà ông Thạch tổ	500.000
	. Đoạn từ nhà ông Cường Dung đến nhà ông Thạch tổ 2 và nhà	400.000
	. Các ngõ hẻm còn lại phố Tân Thành	300.000
6	<i>Khu phố Tân Việt</i>	
	. Đường Tân Việt từ tiếp giáp đường Trần Phú đến nhà ông Hùng	700.000
	. Đoạn từ nhà ông Nhung đến tiểu đoàn 2 Lữ đoàn 297	600.000
	. Đoạn tiếp giáp phía sau nhà ông Hùng xuống qua nhà ông Đăng	400.000
	. Tiếp giáp nhà ông Chính đến nhà ông Bảo Hoi	500.000
	. Đường từ ngã 4 Đài Truyền hình (trước nhà ông Minh Xuân	200.000
	. Các ngõ hẻm còn lại của khu phố Tân Việt	200.000
	. Đường quy hoạch khu đề Then Cửa Đình	300.000
PHƯỜNG DŨU LÂU		
1	. Bảng II đường Trần Phú	1.000.000
2	. Bảng II đường Nguyễn Du (đoạn từ cây xăng đến nghĩa trang	500.000
3	. Bảng II đường Châu Phong	1.000.000
4	. Từ giáp đường Châu Phong đến hết trường dạy nghề (Đôi Cây	500.000
5	. Đường Đề Mát (đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đi về Sông	700.000
6	. Đoạn đường từ đường Trần Phú đến hết trụ sở UBND phường	1.000.000
7	. Đoạn từ UBND phường Dữu Lâu đến Lợi Mua	400.000
8	. Đoạn từ Lợi Mua đến giáp đường Nguyễn Du	500.000
9	. Đoạn từ đường Trần Phú đến đầu làng Dữu Lâu	500.000
10	. Đường bao quanh Trường dạy nghề	500.000
11	. Đường từ tổ 4A khu Hương Trầm đến đôi Ong Vang	500.000
12	. Đoạn từ đường Nguyễn Du đến nhà ông Đắc (khu Quế Trạo)	500.000
13	. Đường từ nhà ông Thắng (Đắc) đến đường Lê Đồng (Quế Trạo)	300.000
14	. Đoạn từ đường Nguyễn Du (ông Chương) - Đình Quế Trạo	300.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
15	. Đoạn từ đê Sông Lô đến bến phà Đức Bắc	500.000
16	. Các đường trong tổ 1, 2a, 2b khu Quế Trạo	300.000
17	. Đất trong tổ 1, 2a, 2b khu Quế Trạo và đất trong tổ 3a, 4a khu	200.000
18	. Các đường trong tổ 3a, 4a khu Hương Tràm	300.000
19	. Các đường trong tổ 3b, 4b khu Hương Tràm	500.000
20	. Đất khu dân cư trong tổ 3b, 4b khu Hương Tràm	350.000
21	. Đường từ nhà ông Lâm tổ 7 đến nhà ông Kết	500.000
22	. Các đường trong tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	300.000
23	. Đất khu dân cư tổ 5, 6, 7 khu Bảo Đà	200.000
24	. Các đường trong tổ 8, 9, 10 khu Dữu Lâu	250.000
25	. Đất khu dân cư trong tổ 8, 9, 10 khu Dữu Lâu	200.000
26	. Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu I	300.000
27	. Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu II	250.000
28	. Đất khu dân cư thuộc các tổ của khu phố III	300.000
29	. Đồng Trầm Thu	500.000
30	. Đồng Cửa Rừng	300.000
31	. Đất khu đồi địa chất - khu Hương Tràm	500.000
32	. Đất khu vực Rừng Cẩm - khu Hương Tràm	500.000
33	. Đất băng 3 - đường Trần Phú Dữu Lâu	500.000
34	. Đường từ nhà ông Tiến Tú đến nhà bà Thu khu I	1.000.000
35	. Đường từ chợ Dầu (giáp đường Trần Phú) đến đồi Sau Sau	700.000
36	. Đường trong khu tái định cư Trung tâm thể thao	500.000
37	. Khu Đồi Làn (Khu Quế Trạo)	300.000
38	. Đường từ Đình Hương Tràm đi Hoà Phong (Nông Trang)	500.000
39	. Đoạn từ đường Trần Phú - Bà Phụng (tổ 22 khu III)	400.000
40	. Đoạn từ đê Sông Lô (khu II) - ông Lợi Quế Trạo	300.000
41	. Đường Lê Đồng (từ NM đóng tàu - đê Mai Thọ)	500.000
42	. Đường bao quanh tổ 6 khu Bảo Đà	350.000
43	. Khu vực nhà vườn đồi Ong Vàng	2.000.000
44	. Đất xóm Hóc Tha (tổ 3B - khu Hương Tràm)	500.000
45	. Đất ở trong khu gia đình Đoàn nghệ thuật Chèo Phú Thọ	400.000
III	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC PHƯỜNG, XÃ (22) .

1. Phường (10):

Gia Cẩm; Tiên Cát; Nông Trang; Thanh Miếu; Bến Gót; Bạch Hạc; Dữu Lâu;
Vân Cò; Tân Dân; Thọ Sơn;

2. Xã đồng bằng (7):

Sông Lô; Trưng Vương; Vân Phú; Thụy Vân; Phượng Lâu; Minh Phương;
Minh Nông;

3. Xã trung du (1):

Hùng Lô

4. Xã miền núi (4):

Hy Cương, Chu Hoá, Thanh Đình, Kim Đức.

BẢNG GIÁ ĐẤT THỊ XÃ PHÚ THỌ*DVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
1	XÃ VĂN LUNG	
a	Đường từ cầu Quảng đến cầu Dóc km 4	
	Đất hai bên mặt tiền từ cầu Quảng đến hết nhà ông Sơn Ngân	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà bà Linh Sang đến tiếp giáp đất ông Trường	600.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Trường đến nhà bà Yến khu 3	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Trường đến cầu Dóc	500.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
b	Đường liên thôn trở lên	
	Đất hai bên đường bê tông liên thôn, xã, huyện từ 3 m trở lên	100.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Dịp khu 4 đến đường tỉnh 315B	200.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà bà Dung khu 3 đến hết nhà ông Hiền khu 3	200.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Hiền khu 3 đến đường rẽ đi Đông Thành	100.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Sảo khu 5 đến cầu Thống Nhất	200.000
2	XÃ HÀ THẠCH	
	Đất hai bên mặt tiền đường tỉnh 315B (Giáp T. Thịnh đến Bến Phà Ngọc Tháp)	450.000
	Đất hai bên mặt tiền từ điểm canh đê đường tỉnh 320 (Bến phà	350.000
	Đất hai bên mặt tiền đường tỉnh 320B từ ga xép đi Gò Gai hết địa	250.000
	Đất hai bên đường 315B từ bến phà Ngọc Tháp đi phường Trường	150.000
	Đất băng hai hai bên đường tỉnh 320B từ Ga xép đến hết điểm canh	100.000
	Đất băng hai hai bên đường tỉnh 320B từ ga xép đi Xuân Huy (hết	100.000
	Đất hai bên đường tỉnh 320B từ ga xép đi Gò Gai đến hết địa giới	100.000
	Đất trung tâm xã	100.000
	Đường ông từ giáp đường tỉnh 320B đi Xuân Lũng Bãi Bằng giáp xã Xuân Lũng hết địa giới xã Hà Thạch	100.000
	Đất hai bên đường liên xã có mặt đường 4m	100.000
	Các khu vực còn lại	50.000
	Đất từ Ga xép đi Xuân Huy (hết địa phận xã Hà Thạch)	250.000
	Đất trục xã Hà Thạch đi Xuân Lũng (hết địa phận xã)	250.000
	Đất từ nhà ông Uý khu 6 đi UBND xã đến nhà ông Uyên khu 5	150.000
	Đường Hà Thạch đi Phú Hộ hai bên mặt tiền	150.000
3	XÃ THANH VINH	
a	Đất mặt đường tỉnh 313	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giáp phường Trường Thịnh đến giáp	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ đường sắt đến Thanh Hà	800.000
	Đất các khu vực còn lại	50.000
b	Đất mặt đường tỉnh 320C	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giáp xã Đông Thành đến giáp đường rẽ đi Chiêu Ứng	250.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ đường rẽ đi Chiêu Ứng đến đường tỉnh 313	700.000
	Đất các khu vực còn lại	50.000
	Đất khu quy hoạch dân cư băng 2 Tơ tằm	250.000
	Đất hai bên mặt tiền đường từ khu 1 Thanh Vinh đi khu 1 Trường Thịnh	300.000
	Đất hai bên mặt tiền đường từ khu 4 Thanh Vinh đi khu 3 Trường Thịnh	500.000
	Đất hai bên mặt tiền đường từ đường tỉnh 320B khu 6 đến đường rẽ đi sân bay	700.000
	Băng 2 khu trung tâm xã	250.000
4	XÃ HÀ LỘC	
a	Độc theo đường tỉnh 315B	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã 3 km5 đến cầu km 7 (Giáp Phú Hộ)	550.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ cầu km 4 đầu cầu Dóc đến cầu Thia	700.000
	Khu đất còn lại	50.000
b	Độc theo đường tỉnh 314	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã 3 km5 đến đầu Cầu Thia (giáp nhà ông Hồng)	700.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ cầu Thia đến hết địa phận Hà Lộc (giáp xã Khải Xuân)	300.000
	Khu đất còn lại	50.000
c	Đất trong khu dân cư nông thôn	
	Đất hai bên đường liên thôn	100.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
	Đất hai bên mặt tiền đường liên thôn từ cuối băng 1 đường tỉnh 315B (nhà bà Liên khu 2) đến cổng nhà thờ Xuân Sơn khu 2	150.000
	Đất hai bên mặt tiền đường liên thôn từ nhà bà Hải đi đến đầu cầu Đất khu 10	150.000
	Đoạn tiếp giáp từ đường tỉnh 315B vào cổng Trường dân tộc nội trú	200.000
	Đất từ cầu Đất khu 10 đi Phú Lợi phường Trường Thịnh	100.000
	Đất hai bên mặt tiền đường vào Trường trung học Cơ Điện NLN Phú Thọ	200.000
	Nhánh rẽ từ nhà ông Tân khu 12 đến đường tỉnh 320B	150.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
5	XÃ PHÚ HỘ	
a	Đường Quốc lộ II	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ giáp xã Phú Lộc đến nhà bà Hiền	350.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà Hải Hằng đi cầu Khắc khu 4	450.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ cầu Khắc khu 4 đến nhà bà Hà (khu	550.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà bà Tuyên Thụ (khu 13) đến cổng Viện Khoa học NLN miền núi phía Bắc	900.000
	Đất hai bên mặt tiền từ Viên KHNLN miền núi phía Bắc đến đường	700.000
	Đất hai bên mặt tiền từ đường rẽ đi Trung Giáp đến cầu Quan	550.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
b	Đường tỉnh 315B	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà bà Lê .T.Thuý đến hết nhà bà	600.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn giáp nhà bà Hiền L đến nhà ông Xi giáp	500.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ nhà ông Lê Văn Hồng khu 19 đi Cầu	250.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
c	Đường huyện lộ, thị lộ	
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Y đến đường rẽ nhà văn hoá khu 4	300.000
	Đất khu vực còn lại	50.000
	Đất hai bên mặt tiền từ đường rẽ nhà văn hoá khu 4 đến giáp xã Hà Thạch	250.000
	Đất từ đường rẽ đi Trung Giáp đến hết địa phận xã Phú Hộ	250.000
d	Đường liên xã, các đường nhánh	
	Đất hai bên mặt tiền các đường liên xã từ 3 m trở lên	150.000
	Đất thuộc trung tâm xã, khu Công ty 21	100.000
	Đất các khu vực còn lại	50.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Đồng Giò đi Trung Giáp	150.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà ông Thê (khu 4) đến giáp xã Hà Thạch	150.000
	Đất hai bên mặt tiền đường khu 3, kho KV2 đến nhà ông Bảng	150.000
6	XÃ THANH MINH	
a	Đất theo trục đường	
	Đất ven các tuyến đường ngõ khu vực Thanh Lâu - Thanh Minh	70.000
	Đất ven các tuyến đường ngõ khu vực Hạ Mạo - Thanh Minh	100.000
	Đất hai bên mặt tiền đường tỉnh 314	1.000.000
b	Đất khu vực nông thôn và khu vực khác	
	Các tuyến đường liên thôn	100.000
	Đoạn từ nhà ông Kết đến trụ sở UBND xã Thanh Minh	400.000
	Đất giáp phường Trường Thịnh đến nhà ông Lạng	700.000
	Đường rẽ khu 1A, 1B đi Thanh Vinh	700.000
	Đất các khu vực còn lại	50.000
	Đất từ giáp nhà ông Lạng đi Lương Lỗ	200.000
	Đất hai bên mặt tiền từ Công Sơn đi Đỗ Sơn	400.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
II	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
1	PHƯỜNG HÙNG VƯƠNG	
a	Đường tỉnh 315B	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ công UBND phường đến ngã tư chợ	2.600.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư chợ Phường đến XN đường bộ	1.700.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến công CN điện Phú Thọ	1.300.000
	Đất hai bên mặt tiền trong ngõ 1, 2 tổ 23 phố Tân Thành (giáp UBND phường)	500.000
	Đất khu còn lại	100.000
b	Đường Tân Thành	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Cầu Trắng đến nhà số 08	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền trong các ngõ	200.000
	Đất khu còn lại	100.000
c	Đường tỉnh 320	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư 27/7 đến nhà bà Luyện	2.300.000
	Đất hai bên mặt tiền từ nhà bà Hằng đến công Trường bồi dưỡng giáo viên	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ trường BDGV đến số nhà 203	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 1 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 6	500.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 18	350.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 3 phố Tân Lập từ nhà số 36 đến số 12	250.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 4 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	200.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 5 phố Tân Lập từ nhà số 2 đến số 20	150.000
	Đất khu vực còn lại	100.000
d	Đường Nhà Dàn	
	Đất hai bên mặt tiền từ chỗ tiếp giáp đường tỉnh 315 đến hết đường Nhà Dàn	800.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 phố Long Xuyên từ nhà số 2 đến 10	200.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 3 phố Long Xuyên (giáp đường sắt)	200.000
	Đất khu vực còn lại	100.000
e	Đường Đoàn Kết	
	Đất hai bên mặt tiền đường Đoàn Kết	500.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 1 phố Đoàn Kết từ nhà số 3 đến số 33	250.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 3 phố Đoàn Kết	200.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 phố Đoàn Kết từ nhà số 2 đến số 16	200.000
	Đất hai bên mặt tiền các hộ bên hành lang đường sắt	100.000
	Đất khu vực còn lại	100.000
g	Đường Tân An	
	Đất hai bên mặt tiền (từ ngã 3 CA cũ đến thôn Liêm)	800.000
	Đất hai bên mặt tiền các hộ từ nhà văn hoá Tân An theo tường rào XN 27/7 đến nhà số 19 và tổ 7 phố Tân An	250.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất thuộc khu vực trường công an cũ	250.000
	Đất các khu vực còn lại	100.000
h	Đường Tân Trung	
	Đất hai bên mặt tiền (từ 27/7 đến nhà đa năng trường ĐH Hùng Vương)	1.500.000
	Đất dân cư mới quy hoạch cạnh trường P. Châu	1.000.000
	Đất các khu vực còn lại	100.000
I	Đường Sa Đéc	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư chợ Phường đến tháp nước	1.200.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ tháp nước qua tổ 15 phố SaĐéc đến	800.000
	Đất mặt tiền từ nhà bà Hưng Toàn đến nhà ông Thọ (đổi tên)	350.000
	Đất băng 2, 3 khu quy hoạch mới cho CB giáo viên Đại học Hùng Vương	400.000
	Đất hai bên mặt tiền từ cổng trường tiểu học Hùng Vương đến đường sắt	400.000
	Đất mặt tiền đường tháp nước từ số nhà 04 đến số nhà 16	300.000
	Đất thuộc khu tập thể cũ từ số nhà 64 đến số nhà 50	300.000
	Đất từ số nhà 08 đến số nhà 24	250.000
	Đất từ số nhà 24 đến số nhà 06	250.000
	Đất từ số nhà 38 đến số nhà 26	250.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ thể thao từ số nhà 04 đến số nhà 09	350.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ truyền thanh từ nhà số 01 đến số nhà 54	250.000
	Đất các khu vực còn lại	100.000
	Đất dân khu tập thể Công ty đường bộ	200.000
	Đất băng 2, 3 khu quy hoạch 27/7	500.000
2	PHƯỜNG ẤU CƠ	
a	Đường tháng 8 và Bạch Đằng	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua CA thị ra bờ sông	2.600.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn đường Bãi Chạp	1.200.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn đường từ bến xe khách thị xã đến hết hiệu sách thị xã	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn đường từ CN điện đến hết gốc đa lịch sử	2.500.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Giếng Đình	400.000
	Khu đất còn lại	100.000
b	Các đường khác	
	Hai bên mặt tiền đoạn từ Đài truyền thanh đến Phòng công chứng số 2	1.700.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ gốc cây đa lịch sử qua ngã tư gốc quế	2.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ ngã tư gốc quế đến trường Trần Phú	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Nguyễn Du đoạn từ chi nhánh điện đến	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ bến ô tô đến chi nhánh điện	1.700.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai bên mặt tiền đường Lê Đồng đoạn từ rạp chiếu bóng đến thư viện cũ, đường Sông Hồng từ T.Viện cũ đến chợ Mè	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Ngô Quyền	2.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Cao Du	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Bách hoá đến cột 3F	700.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 Tân Phú, ngõ 3 Tân Hưng, ngõ 4 Tân Phú	600.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 3 Nguyễn Trãi, ngõ lương thực, ngõ Cao	600.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 1 Bạch Đằng	700.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Giếng Chanh	800.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 4 Tân Hưng, ngõ Tân Phú, ngõ 1 tổ 28 Lê Đồng, ngõ Giếng Cao, ngõ tổ 8 Nguyễn Trãi	300.000
	Khu đất còn lại	100.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Nguyễn Khuyến	1.200.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ chợ phường Âu Cơ đến rạp chiếu bóng	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn Đền Đồm	1.200.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Tháng 8 đoạn trường Trần Phú đến Thị Đội	1.200.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Ao viên	600.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Nguyễn Du	400.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 Tân Phú đến cột 3D, ngõ 8/3 đến cột 3c	300.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ 2 Quang Trung, ngõ 4 Quang Trung, ngõ 5 Tân Hưng	300.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Nhật Tân	700.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Tân Minh	200.000
	Khu đất còn lại	100.000
	Đất hai bên mặt tiền ao bà Y	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Hoà Bình	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Tân Bình	250.000
	Đất mặt tiền ngõ 1 - Lê Đồng, ngõ 3 - Lê Đồng,	300.000
	Ngõ Trần Phú - Quang Trung, ngõ 5 - Quang Trung	
	Ngõ 6 Tân Hưng	300.000
	Đất băng 2, 3 khu tập thể bệnh viện đa khoa thị xã	250.000
3	PHƯỜNG PHONG CHÂU	
a	Đường Bạch Đằng	
	Đất từ bến xe đến Công an thị xã	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đường Bạch Đằng (Từ CATX ra bờ sông)	2.600.000
	Đất hai bên mặt tiền đất ở ngõ tổ 12 (sau nhà ông Quang Bí thư)	360.000
	Đất các hộ hai bên mặt tiền đất ngõ Giếng Cóc :	
	Đoạn 1: Từ số nhà 27 đến số nhà 04	650.000
	Đoạn 2: Từ số nhà 06 đến số nhà 20	360.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Khu đất còn lại	100.000
b	Đường Tháng Tám	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn 1: Từ CA thị xã đến C.ty DV - MT - ĐT	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ C.ty DV - MT- ĐT đến Toà án	1.000.000
	Khu đất còn lại	1.000.000
c	Đường Phố Bình, Phú Thịnh	
	Đất hai bên mặt tiền	2.600.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ số 5 phố Phú Thịnh	360.000
	Khu đất còn lại	100.000
d	Đường Nguyễn Du	
	Đất hai bên mặt tiền	2.000.000
	Đất hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 13 phố Phú An	650.000
	Đất hai bên mặt tiền các hộ ngõ 1, 2 ngõ tổ 13 ngõ nhà thờ phố Phú An	360.000
	Khu đất còn lại	100.000
e	Đường phố Phú Bình, phú Thịnh (đường rẽ vườn hoa ra hiệu thuốc ông Hằng)	
	Đất hai bên mặt tiền đoạn 1: Từ số nhà 73 đến số nhà 39	1.600.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn 2: Từ số nhà 43 đến số nhà 96	900.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn 3: Từ số nhà 46 đến số nhà 82	700.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ Đền xóm Sở từ số nhà 02 đến nhà số 28	700.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ tổ 8B, ngõ tổ 5, tổ 6, tổ 7	360.000
	Đất hai bên mặt tiền ngõ tổ 8A ông Sơn	290.000
	Khu đất còn lại	100.000
g	Đường phố Phú Hà	
	Đất hai bên mặt tiền (từ Cty may ra bờ sông)	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 3 Phú Hà từ số nhà 47 đến 57 và	430.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ bê tông tổ 9 Phú Bình	360.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ trạm y tế phường	430.000
	Khu đất còn lại	100.000
h	Đường phố Phú An	
	Đất hai mặt tiền từ NHCT đến Trường mầm non Phong Châu	2.000.000
I	Đường tỉnh 315	
	Đất hai bên mặt tiền	1.700.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ tổ 14B Phú An	360.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ toàn bộ tổ 15, 16 phố Phú An	130.000
	Khu đất còn lại	100.000
k	Đường Sông Hồng	
	Đất hai bên mặt đường	2.000.000
	Khu đất còn lại	100.000
l	Đường phố mới Phú Hà tổ 2A và 2B	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai bên mặt đường phố mới tổ 2A,2B	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đường ngõ 03 Phú Hà	
	Từ số nhà 33 đến số nhà 01	360.000
	Từ số nhà 28 đến số nhà 10	290.000
	Từ số nhà 11 đến số nhà 13	290.000
	Khu đất còn lại	100.000
	Đất hai bên mặt tiền các hộ đường bê tông tổ 14 phố Phú An	1.000.000
4	PHƯỜNG TRƯỜNG THỊNH	
a	Đường tỉnh 315 B	
	Đất hai bên mặt tiền đường tỉnh 315B từ cầu Quảng đến giáp phường Hùng Vương	1.700.000
	Đoạn từ kênh Phú Lợi đến ga Phú Thọ	1.000.000
	Đất khu vực còn lại (đất băng 2 đường tỉnh 315B)	100.000
b	Đường nội thị	
	Đất hai bên mặt tiền ven đường Bệnh viện đi trường Y	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn giáp Trường Dân lập đến Cây tháp	1.500.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ Cây tháp đến xã Thanh Vinh	1.000.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ trụ sở UBND phường vào xóm Cao Bang	200.000
	Đất khu 1 giáp Thanh Vinh	100.000
	Đất còn lại của khu 2	200.000
	Đất hai bên mặt tiền đoạn từ trường Trung học Trường Thịnh đến	300.000
	Đất các ngõ còn lại của khu 3	200.000
	Đất khu 3 giáp xã Thanh Vinh	100.000
	Đất Khu Gò sỏi phía nam ga Phú Thọ	250.000
	Đất Toàn bộ khu dân cư thôn Phú Lợi	150.000
	Đất khu vực còn lại	100.000
	Đất hai bên mặt tiền từ trường TH Trường Thịnh đến nhà ông Đăng	250.000
	Đất khu quy hoạch dân cư lò giãc	500.000
	Đất hai bên mặt tiền khu Cầu Quảng đi khu 1	700.000
	Đất khu 3 cây Tháp	300.000
	Đất hai bên mặt tiền đường khu 1 đi Thanh Vinh	300.000
	Đất hai bên mặt tiền đường khu 3 đi Thanh Vinh	500.000
III	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC CÁC PHƯỜNG, XÃ (10)

1. Phường (4).

Hùng Vương; Âu Cơ ; Phong Châu; Trường Thịnh;

2. Xã trung du (4)

Văn Lung; Hà Lộc; Thanh Minh; Thanh Vinh;

3. Xã miền núi (2)

Hà Thạch; Phú Hộ;

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN YÊN LẬP*ĐVT: Đồng/m²*

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH	
1	Đường tỉnh 321 (qua các xã Hưng Long, Xuân Thủy, Xuân Viên, Xuân An, Lương Sơn, Mỹ Lương, Mỹ Lung)	
a	Hưng Long	
	Đất từ cổng trường THPT Yên Lập đến lối rẽ Hồ Mè	120.000
	Đất từ giáp lối rẽ Hồ Mè đến hết ngã ba Tân Hương	250.000
	Đất từ ngã 3 Tân Hương đến đập tràn Đồng Bành	90.000
b	Xuân Thủy	
	Đất khu trung tâm xã (lối rẽ xóm Nứa đến hết trường THCS)	250.000
	Đất từ Bưu điện đến hộ ông Hùng khu 4	200.000
	Đất từ hộ ông Hoàn khu 4 đến ông Tráng khu 2	250.000
	Đất từ cổng dân đến hết Ao Than khu 1	100.000
	Đất từ hộ ông Dưỡng đến dốc Đen	100.000
	Đất hai bên ven đường vành đai	80.000
	Đất từ hộ bà Tình đến Trạm điện	80.000
c	Xuân Viên	
	Đất khu trung tâm xã (từ giáp trường THCS Xuân Viên đến hết nhà ông Huy)	250.000
	Đất từ trường THCS Xuân Viên đến giữa dốc đất Đen	100.000
	Đất từ nhà ông Huy cũ đến tràn ngoài Giành cầu Xuân An	100.000
	Đất hai bên đường trục các xóm: Đồng Xuân, Quảng Đông, Quyết Tiến, Vải Đàng	50.000
	Đất khu dân cư còn lại của xã	20.000
d	Xuân An	
	Đất khu trung tâm xã (từ ngã tư Quảng Thành đến hết nhà ông Sơn Giang)	250.000
đ	Lương Sơn	
	Đất khu trung tâm xã (từ nhà ông Hiệu đến Cầu A)	200.000
	Đất kt Lâm trường A Mai đến Cầu ngã hai Sơn Tinh	150.000
e	Mỹ Lương	
	Đất khu trung tâm xã (từ tràn ngòi Thiệu đến nhà ông Thuận)	150.000
	Đất hai bên đường còn lại dọc đường 321	70.000
	Đất các khu vực còn lại dọc đường thôn xóm khu trung tâm	50.000
	Đất khu vực còn lại	20.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
g	Mỹ Lung	
	Đất hai bên đường cách trước chợ Mỹ Lung 100m đến cầu Ngòi Lao	100.000
h	Đất khu vực còn lại dọc đường tỉnh 321	70.000
B	ĐƯỜNG TỈNH 313 D (QUA XÃ NGỌC LẬP, PHÚC KHÁNH, ĐỒNG THỊNH)	
a	Ngọc Lập	
	Đất hai bên đường từ cầu gốc Gạo đến lối rẽ Đài tưởng niệm	150.000
b	Phúc Khánh	
	Đất hai bên đường từ xưởng chè ông Quang đến cổng trường THCS Phúc Khánh	150.000
	Đất từ trường THCS Phúc Khánh đến nhà ông Phúc xóm Đình	100.000
	Đất giáp nhà ông Phúc xóm Đình đến nhà ông Thọ Thìn xóm Hầm	100.000
	Đất dọc tuyến đường Quốc phòng (Trung tâm các khu dân cư)	20.000
c	Đồng Thịnh	
	Đất hai bên đường từ cổng quán Hải đến giáp nhà ông Vượng thị trấn	400.000
	Đất hai bên đường từ giáp thị trấn Yên Lập đến Cầu Nghè	250.000
	Đất khu vực còn lại dọc đường tỉnh 313	80.000
	Đất các khu dân cư còn lại khác	10.000
C	ĐƯỜNG TỈNH 320 (QUA XÃ ĐỒNG LẠC, MINH HOÀ, NGỌC ĐỒNG)	
a	Đồng Lạc	
	Đất hai bên đường từ nhà ông Thịnh đến Đài tưởng niệm	150.000
b	Minh Hoà	
	Đất hai bên đường từ tràn Đồng Guốc đến hết nhà ông Lý	150.000
	Đất hai bên đường 330 từ Cổng Đồng Guốc đến trạm điện số 1	100.000
	Đất hai bên đường 330 từ nhà ông Lý đến nhà ông Sửu	100.000
	Đất hai bên đường 330 còn lại	50.000
	Đất khu vực trung tâm khác	30.000
	Đất khu dân cư còn lại	20.000
c	Ngọc Đồng	
	Đất hai bên đường từ ngã ba Ngọc Đồng đến cầu Góc sông	100.000
d	Đất khu vực còn lại dọc đường tỉnh 320	50.000
D	ĐƯỜNG TỈNH 321C (LƯƠNG SƠN - PHƯƠNG XÁ)	
a	Đất từ bưu điện Lương Sơn đến hết trụ sở Lâm trường A Mai	150.000
b	Khu vực còn lại dọc đường tỉnh 32C	100.000
E	ĐẤT DỌC ĐƯỜNG HUYỆN THUỘC XÃ THƯỢNG LONG	
a	Đất hai bên đường cách từ lối rẽ đi xóm Đẳng đến lối rẽ vào nhà	150.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
b	Đất khu vực còn lại	50.000
G	ĐẤT DỌC ĐƯỜNG HUYỆN XÃ NGA HOÀNG.	
a	Đất hai bên đường từ nhà ông Toàn đến hết nhà ông Hải	150.000
b	Đất khu vực còn lại	50.000
H	ĐẤT DỌC ĐƯỜNG TỈNH XÃ TRUNG SƠN ĐƯỜNG 321B	
a	Đất hai bên đường từ nhà ông Lợi xóm Nai đến hết nhà ông Trà xóm Cả	80.000
b	Khu vực còn lại	20.000
c	Hưng Long	
	Đất dọc tuyến đường từ Trần Thiện đến ngã ba Hưng Long	70.000
	Đất từ Ngã ba XN - DV chè Hưng Long đến ngã tư Đồng Chung	80.000
d	Đồng Lạc	
	Đường liên xã Đồng Lạc đi Chương Xá	50.000
	Đường liên xã Đồng Lạc đi Hương Lung	50.000
I	ĐẤT DỌC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THÔN XÓM THUỘC KHU TRUNG TÂM XÃ VÀ ĐẤT KHU VỰC CHỢ CÁC XÃ	
a	Hưng Long, Lương Sơn, Đồng Thịnh, Mỹ Lung, Xuân Thủy, Ngọc Lập, Xuân An, Xuân Viên, Mỹ Lương, Phúc Khánh, Thượng Long, Minh Hoà, Đồng Lạc	50.000
b	Nga Hoàng, Ngọc Đồng	30.000
c	Trung Sơn	20.000
d	Đất khu dân cư còn lại của các xã	20.000
II	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
1	Đất hai bên đường tỉnh 313 (từ ngã ba hạt 8 giao thông đi Cẩm Khê)	
a	Đất từ ngã ba hạt 8 giao thông đến hết Trung tâm giáo dục thường xuyên	400.000
b	Đất từ giáp Trung tâm giáo dục thường xuyên đến hết bưu điện	500.000
c	Đất từ giáp Bưu điện đến lối rẽ vào Công ty cổ phần và dịch vụ đô thị	700.000
d	Đất từ lối rẽ vào Công ty cổ phần và dịch vụ đô thị đến hết ngã 3 bến xe	900.000
đ	Đất từ giáp ngã 3 bến xe đến đỉnh dốc thủy điện cũ	500.000
e	Đất từ giáp đỉnh dốc thủy điện cũ đến ngã 3 đường rẽ đường tỉnh 330	100.000
g	Khu vực còn lại dọc đường tỉnh 313	80.000
2		

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
a	Đất từ giáp ngã 3 bến xe đến hết thổ cư bà Chát khu chùa 11	500.000
b	Đất từ giáp thổ cư bà Chát đến hết thổ cư bà Sao khu chùa 11	300.000
c	Đất từ giáp thổ cư bà Sao khu chùa 11 đến công trường THPT Yên Lập	200.000
3	Đất hai bên đường vành đai chợ thị trấn	
a	Đất từ ngã 3 công chợ đến lối rẽ vào nhà ông Vị khu Tân An 3	700.000
b	Đất từ giáp lối rẽ vào nhà ông Vị Tân An 3 đến Hạt 8 giao thông	500.000
4	Đất hai bên đường huyện từ công an huyện đi Thượng Long	
a	Đất từ ngã 3 công an đến hết ao cá Bác Hồ khu Trung Ngãi 5	500.000
b	Đất từ giáp ao cá Bác Hồ đến hết nhà bà Thế khu Trung Ngãi 5	250.000
c	Đất từ giáp nhà bà Thế đến hết nhà ông Thuật khu Đồng Cạn 8	150.000
d	Đất từ giáp nhà ông Thuật đến hết ranh giới thị trấn Yên Lập	100.000
5	Đất hai bên đường từ ngã ba bưu điện đến hết trường mầm non huyện	300.000
6	Đất hai bên đường ngã ba bến Sơn 16 đến Trần Thiện	40.000
7	Đất hai bên đường liên thôn xóm qua các khu hành chính:	
a	Đất từ nhà ông Khoa đến hết nhà ông Quân khu Tân An 1	150.000
b	Đất từ giáp nhà ông Quân đến hết nhà ông Vinh khu Tân An 1	100.000
c	Đất các vị trí còn lại khu Tân An 1,2,3,4	50.000
8	Đất các khu dân cư còn lại thuộc thị trấn Yên Lập	30.000
III	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

PHỤ LỤC CÁC XÃ:

1. Thị trấn: Thị trấn Yên Lập (xã miền núi)

2. Xã miền núi (14 xã): Mỹ Lung, Mỹ Lương, Lương Sơn, Xuân An, Xuân Viên, Xuân Thủy, Thượng Long, Hưng Long, Đồng Thịnh, Phúc Khánh, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, Minh Hoà, Đồng Lạc.

3. Xã vùng cao (02 xã): Nga Hoàng, Trung Sơn

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH SƠN*DVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
A	ĐƯỜNG QUỐC LỘ:	
1	Đường quốc lộ 32A	
	Đất 2 bên đường đoạn khu Chanh, Khuôn xã Sơn Hùng (từ điểm tiếp giáp huyện Tam Nông đến Cầu Khánh).	300.000
	Đất 2 bên đường đoạn từ Cầu 19-5 đến hết Đài truyền thanh, truyền hình Thanh Sơn	300.000
	Đất 2 bên đường đoạn từ Đài truyền thanh, truyền hình đến tiếp giáp xã Địch Quả	150.000
	Đất 2 bên đường thuộc khu trung tâm các xã: Địch Quả	300.000
	Đất 2 ven đường QL32 A còn lại	50.000
B	ĐƯỜNG TỈNH:	
1	Đường tỉnh 316	
	Đất hai bên đường khu trung tâm các xã Giáp Lai, Thạch Khoán.	200.000
	Đất hai bên đường còn lại thuộc các xã: Giáp Lai, Thạch Khoán.	100.000
	Đoạn từ điểm tiếp giáp thị trấn Thanh Sơn (Cầu Dông) xã Thục Luyện đến ngã ba nhà bà Thứ Tịnh.	100.000
	Đất hai bên đường khu trung tâm các xã: Cự Thắng, Tắt Thắng, Cự Đồng, Hương Cản, Yên Lương, Yên Sơn, ngã ba Tinh Nhuệ.	200.000
	Đất hai bên đường còn lại thuộc các xã: Thục Luyện, Cự Thắng, Tắt Thắng, Cự Đồng, Hương Cản, Yên Lương, Yên Sơn, Tinh Nhuệ, Thắng Sơn.	50.000
2	Đường tỉnh 316 C	
	Đất hai bên đường khu trung tâm xã: Thục Luyện, Võ Miếu.	200.000
	Đất hai bên đường tỉnh 316C còn lại.	50.000
3	Đường tỉnh 316 D	
	Đất hai bên đường khu trung tâm xã Văn Miếu.	200.000
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm các xã Tân Lập, Tân Minh.	50.000
	Đất hai bên đường tỉnh 316D còn lại.	20.000
4	Đường tỉnh 317:	
	Đất hai bên đường khu trung tâm xã Lương Nha, Tinh Nhuệ.	80.000
	Đất hai bên đường tỉnh 317 còn lại.	50.000
5	Đường tỉnh 320:	
	Đoạn phía bên trái từ Quốc lộ 32A đến hết đất thổ cư hộ bà Đình Thị Tăng xã Thục Luyện.	150.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đoạn phía bên trái từ quốc lộ 32A từ tiếp giáp hộ bà Đinh Thị Tăng (đến Cầu Yên đến hết hộ ông Hoàng Ngọc Tăng) xã Thục Luyện.	100.000
	Đoạn phía bên phải từ điểm giữa Soi Chéo đến điểm đầu Soi Chũng xã Thục Luyện.	150.000
	Đoạn phía bên phải từ điểm đầu Soi Chũng đến giáp Cầu Yên xã Thục Luyện.	70.000
6	Đường tỉnh 313D:	
	Đất hai bên đường từ ngã ba Việt Tiến đến giáp đất địa bàn huyện Yên Lập.	50.000
C	ĐƯỜNG HUYỆN:	
1	Đường Văn Miếu - Vinh Tiền:	
	Đất hai bên đường từ ngã ba chợ Văn Miếu đến hết chợ Văn Miếu.	200.000
	Đất hai bên đường còn lại thuộc xã Văn Miếu.	20.000
2	Đường Văn Miếu - Khả Cửu - Thượng Cửu - Đông Cửu:	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Khả Cửu.	50.000
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Đông Cửu, Thượng Cửu.	40.000
	Đất hai bên đường còn lại.	20.000
3	Đường Thắng Sơn - Hoàng Xá:	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Thắng Sơn.	100.000
	Đất hai bên đường còn lại.	20.000
4	Đường Tất Thắng - Sơn Thủy:	
	Đất hai bên đường thuộc trung tâm xã Tất Thắng.	100.000
	Đất hai bên đường còn lại.	20.000
5	Đất khu trung tâm, khu vực chợ có khả năng sinh lời của các xã còn lại.	50.000
6	Đất nằm hai bên đường liên xã ngoài khu vực đã tính ở trên.	20.000
7	Đất khu tập trung dân cư nông thôn nằm trên các xã.	15.000
8	Đất khu dân cư nông thôn còn lại chưa tính ở phần trên.	10.000
9	Đất các thôn bản vùng sâu, vùng cao.	7.500
II	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	
*	THỊ TRẤN THANH SƠN (Đô thị loại 5)	
1	Đoạn từ đường vào Phòng giáo dục đến cổng đường vào bệnh viện.	1.200.000
2	Đoạn từ đường rẽ vào Phòng giáo dục đến hết nhà ông Hoạch (điện nước).	1.100.000
3	Đoạn từ hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Hùng Kem.	1.100.000
4	Đoạn từ nhà ông Hoạch điện đến đầu Cầu 19/5.	1.000.000
5	Đoạn từ ngã ba vào Chợ Vàng đến trạm biến áp.	900.000
6	Đoạn từ đường rẽ vào Bệnh viện đến Ao Gia.	900.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
7	Đoạn hai ven đường xuống bến cảng.	700.000
8	Đoạn từ giáp trạm biển áp đến đường rẽ vào xóm Hoàng Trung.	700.000
9	Đoạn hai ven đường vào Bệnh viện (từ giáp quốc lộ 32 A đến cổng B. viện).	800.000
10	Đoạn quốc lộ 32A từ Ao Gia đến hạt bảy giao thông đối diện nhà ông Lương.	900.000
11	Đoạn từ nhà ông Bộ kiểm lâm đến hết nhà ông Thuận Lương.	500.000
12	Đoạn từ giáp nhà ông Lương (hạt bảy) đến Cầu Khánh.	600.000
13	Đoạn từ nhà ông Lộc Tính đến đầu Cầu Ròng.	500.000
14	Đoạn từ giáp nhà ông Thuận Lương đến Ao Bong (đường rẽ đội 12).	400.000
15	Đất hai bên đường tỉnh 316 đoạn từ Ao Bong (đường rẽ Đội 12) đến giáp địa phận xã Giáp Lai.	300.000
16	Đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp đường Quốc lộ 32A (đường đi lương thực).	500.000
17	Đất nằm phía sau (băng 2 của vị trí 1, 2, 3 nêu trên).	150.000
18	Đất nằm phía sau (băng 2) của vị trí 4, 5, 6.	150.000
19	Đất hai bên đường vào và sau sân vận động.	300.000
20	Đất hai ven đường nhánh thuộc thị trấn Thanh Sơn (chưa tính ở phần trên).	150.000
21	Đất khu dân cư nông thôn ở thị trấn.	150.000
22	Đất còn lại nằm sâu trong các khu dân cư giao thông không thuận tiện.	30.000
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC CÁC XÃ

1. Xã miền núi (23):

Thị trấn Thanh Sơn, Sơn Hùng, Dịch Quả, Giáp Lai, Thục Luyện, Võ Miếu, Thạch Khoán, Cự Thắng, Tất Thắng, Văn Miếu, Cự Đồng, Thắng Sơn, Tân Minh, Hương Cầm, Khả Cửu, Tân Lập, Đông Cửu, Yên Lãng, Yên Lương, Thượng Cửu, Lương Nha, Yên Sơn, Tinh Nhuệ.

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN TÂN SƠN*ĐVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
1	Xã Tân Phú	
	Đất hai ven đường QL 32A giáp Mỹ Thuận đến Cầu Voi.	300.000
	Đất hai ven đường QL 32A từ cầu Voi đến giáp xã Thạch Kiệt.	250.000
	Đất hai ven đường đi Minh Đài từ QL 32A đến hết nhà máy chè Tân Phú.	150.000
	Đất hai ven đường đi khu 5, khu 7 từ nhà ông Huấn đến nhà văn hoá khu 7.	100.000
	Đất hai ven đường đi khu 8 từ quán nhà Hường Phẫu đến nhà văn hoá khu 8.	150.000
	Đất hai ven đường đi xóm Sặc từ nhà ông Đức (khu 2b) đến nhà ông Vinh.	150.000
	Đất trong khu dân cư nông thôn khu 5, 6, 8, 9, 10, 2B.	80.000
	Đất trong khu dân cư nông thôn khu 1, 3, 4, 7.	50.000
2	Xã Thu Ngạc	
2.1	Đất hai bên đường khu trung tâm xã (đường liên xã).	
	Đoạn từ nhà ông Vuông giáp xóm Chiềng - Mỹ Thuận đến nhà bà Nương khu Mang Hạ.	50.000
	Đoạn từ ngã 3 chợ đến cổng Cửa Mang.	40.000
	Đoạn từ cổng Cửa Mang đến nhà ông Đỗ Nhung khu Sài.	25.000
	Đoạn từ nhà bà Nương đến tràn Côm.	25.000
2.2	Đất nằm trong các khu dân cư lẻ.	
	Đất hai bên đường ở các khu dân cư lẻ.	15.000
	Đất nằm ở các thôn bản Đèo Mương I, II - Cọ Sơn I, II.	8.000
3	Xã Văn Luông	
3.1	Đất đường tỉnh lộ 316C qua địa bàn xã Văn Luông.	
	Đất từ nhà ông Nguyễn khu Lũng đến nhà ông Viêt khu Đồng Thanh.	150.000
	Đất từ nhà ông Trị khu Đồng Thanh đến nhà ông Nhi khu Láng.	80.000
3.2	Đất đường liên xã	
	Đất từ nhà ông Sánh khu Láng đến nhà ông Tình khu Hoàng Hà.	40.000
	Đất từ nhà ông Lốp khu Lối qua Đội 8, qua Hoàng Văn đến nhà ông Được khu Đồng Hẹ.	40.000
3.3	Đất đường liên xóm	
	Đất trung tâm khu Đồng Thanh.	60.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất trung tâm vào xóm các khu Lũng, Đép, Bến Gạo, Đồng Gạo, Luông, Mạnh, Văn Tân, Hoàng Văn.	35.000
	Đất khu trung tâm vào các khu xóm còn lại của xã Văn Luông.	30.000
4	Xã Kiệt Sơn	
4.1	Hai ven đường QL 32A từ Thạch Kiệt đến nhà ông Xuân Ngánh.	150.000
4.2	Khu vực ngã 3 Vèo.	220.000
4.3	Khu vực chợ Vèo hai bên đường huyện lộ đi Lai Đồng, đoạn từ nhà ông Hà Xuân Tùng ngã 3 Vèo đến nhà ông Trần Hữu Đạt.	50.000
4.4	Đất hai bên đường huyện lộ.	
	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Bính ngã 3 Vèo đến nhà ông Hà Văn Rối xóm Dọc.	50.000
4.5	Đất khu vực trung tâm xã.	
	Hai bên đường huyện từ nhà ông Hà Văn Toàn khu Đồng Ngào đến nhà bà Nguyễn Thị Kim Thoa khu Đồng Ngào.	50.000
4.6	Đất ven đường liên xã	
	Đoạn từ nhà ông Hà Văn Thân đến nhà ông Hà Văn Bình xóm Dọc.	20.000
4.7	Đất hai bên đường liên thôn	
	Đoạn từ ngã 3 đi Tân Sơn đến nhà ông Hà Đức Cường xóm Liệm.	15.000
4.8	Đất ở các khu dân cư nông thôn.	10.000
4.9	Đất ở các khu vực thừa dân xa trung tâm xã.	7.500
5	Xã Vinh Tiên	
	Đất khu trung tâm xã Vinh Tiên.	100.000
	Đất ven đường từ khu Đồng Gia đến khu Lang Lèn.	50.000
	Đất khu Lương Sơn.	40.000
6	Xã Lai Đồng	
	Đất hai bên đường từ Chợ Đầm Vúc đến nhà ông Chinh khu Vườn 2.	50.000
	Đoạn từ nhà ông Chinh khu Vườn 2 đi xóm Phất 2.	30.000
	Các loại đất mặt đường còn lại ở các khu.	20.000
	Đất ở trong khu dân cư xa trung tâm xã.	15.000
7	Xã Tam Thanh	
	Đất hai ven đường từ Trường Mầm non đến ao nhà anh Hậu khu Trung tâm xóm Giát	100.000
	Đoạn từ tràn Bến Dự đến Vai.	50.000
	Đoạn từ tràn Bến Dự đến Ến.	50.000
	Đoạn từ ao nhà anh Hậu đến giáp xã Vinh Tiên.	50.000
	Đoạn từ ngã 3 đội 6 đến đồi Đình xóm Chiêu.	50.000
	Đoạn từ đồi Đình xóm Chiêu đến nhà ông An xóm Tảng.	35.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đoạn giáp ranh xã Văn Miếu đến tràn Bến Trầu xóm Giát.	100.000
	Đoạn từ nhà ông Hoạt xóm Giát đến đội 15 XN chè.	80.000
	Đất khu dân cư chưa tính ở trên.	30.000
	Đất các khu vực xa khu dân cư vùng sâu, vùng xa.	15.000
8	Xã Xuân Sơn	
	Đất hai ven đường ở khu trung tâm xã xóm Dù. Từ nhà ông Hà Văn Dực đến nhà ông Đặng Văn Hoà.	50.000
	Đất các khu vực đông dân cư.	20.000
	Các khu vực còn lại.	10.000
9	Xã Xuân Đài	
	Đoạn từ ngã 3 đi xóm Chiềng đến nhà ông Trang xóm Vượng.	50.000
	Hai ven đường đi Xuân Sơn thuộc xóm Dụ từ nhà ông Thương đến nhà ông Tươi.	70.000
	Hai ven đường đi Xuân Sơn thuộc xóm Nâu từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Toàn.	50.000
	Trung tâm cụm xã hai bên đường từ nhà bà Lương đến nhà ông Vì.	180.000
	Đoạn đường đi Kim Thượng từ ngã 3 nhà ông Lý đến nhà ông Loan.	180.000
	Đoạn từ nhà ông Chinh đi xóm Ai đến nhà ông Sỳ.	50.000
	Đoạn từ nhà ông Dũng đi xóm Ai đến nhà ông Bích.	80.000
	Đoạn từ nhà ông Bích đi ra đường trục chính đến nhà ông Vì.	70.000
	Đất trong các xóm còn lại.	10.000
10	Xã Kim Thượng	
	Đoạn đi Xuân Đài xóm Chiềng.	100.000
	Đoạn từ UBND xã đi xóm Xuân.	90.000
	Đất trong các khu còn lại trên địa bàn xã.	20.000
11	Xã Thu Cúc	
	Hai ven đường QL 32A từ Cửa hàng xăng dầu khu Trung tâm đến	300.000
	Hai ven đường QL 32B từ ngã 3 Thu Cúc đến đầu cầu Đồng Tăng.	300.000
	Đất hai ven đường còn lại nằm trên quốc lộ 32A và 32B trong địa	100.000
	Đất hai ven đường liên thôn có điểm đầu từ hai quốc lộ đi các khu	15.000
	Đất nằm trong khu dân cư thuộc các khu Mỹ Á, Quế, Suối Dáy.	7.500
	Đất nằm trong các khu tập trung dân cư còn lại.	10.000
12	Xã Minh Đài	
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm xã từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông Đắc xóm Minh Tâm.	250.000
	Đất hai ven đường từ nhà ông Sử xóm Minh Tâm đến ngã 3 sang xóm Chảo.	150.000
	Đất 2 ven đường từ ngã 3 bà Ngọc xóm Minh Tâm đến nhà ông Ninh xóm Minh Tâm.	200.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai ven đường từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông	200.000
	Đất hai ven đường từ ngã 3 ông Tám xóm Đồng Thịnh đến nhà ông	200.000
	Đất hai ven đường từ nhà ông Đăng xóm Tân Lập đến nhà ông Vân	100.000
	Đất thuộc các xóm khu dân cư còn lại.	20.000
13	Xã Mỹ Thuận	
13.1	Tuyến Quốc lộ 32A	
	Đất hai ven đường QL 32A từ giáp đất Dịch Quả đến đỉnh dốc Tay	50.000
	Đoạn từ đỉnh dốc Tay Quay đến cầu Chung - xóm Chung (thuộc	200.000
	Đoạn từ đầu cầu Chung đến chân dốc Mìn phía Đông.	100.000
	Đoạn từ chân dốc Mìn phía Tây QL 32A đến đường đi Đồng Mít -	100.000
	Đoạn từ Đồng Mít đến giáp đất Tân Phú.	150.000
13.2	Đường liên xã	
	Từ cầu Chiềng xóm Chiềng đến giáp đất Thu Ngạc.	70.000
	Từ cầu Minh Thuận qua xóm Thuận, xóm Lực, xóm Mới, Mìn II đến giáp đất Tân Phú.	100.000
	Từ ngã 3 xóm Lực đi cầu Mìn QL 32A.	70.000
	Đất ở các khu trung tâm có khả năng sinh lời.	50.000
	Đất còn lại nằm trong các xóm.	20.000
14	Xã Thạch Kiệt	
	Hai ven đường QL 32A khu Trung tâm xã từ nhà ông Nguyễn Văn Đường đến nhà ông Quý Thủy.	300.000
	Hai ven đường QL 32A từ nhà ông Giang Hoà đến nhà ông Quý	200.000
	Hai ven đường QL 32A từ nhà ông Nguyễn Văn Đường đến nhà	100.000
	Đoạn đường QL 32A từ đường rẽ vào Bình Thọ 1 đến nhà bà Hoa.	200.000
	Đất ngoài QL 32A khu trung tâm xã (Cường Thịnh 1 + Cường	200.000
	Đất khu tập trung dân cư nông thôn.	40.000
	Đất thôn bản vùng sâu, vùng xa.	20.000
15	Xã Tân Sơn	
	Đất hai ven đường liên xã từ xóm Dọc xã Kiệt Sơn đến trung tâm	30.000
	Đất khu chợ nông thôn.	50.000
	Đất hai ven đường từ trung tâm xã đến Trường Tiểu học (ngã 3 Sân	25.000
	Đất hai ven đường từ trung tâm xã đi đến Trung tâm các thôn.	15.000
16	Xã Long Cốc	
	Đoạn từ Đồi Măng xóm Kén đến ngã 3 nhà anh Minh xóm Măng 1.	25.000
	Hai ven đường từ nhà anh Minh xóm Măng 1 đến ngã 3 đường đi	50.000
	Hai ven đường từ nhà anh Hà Xi đi xóm Liệm Văn Miếu.	25.000
	Hai ven đường từ nhà anh Hà Xi đi xóm Cạn đến trạm biển thể.	30.000
	Đoạn từ ngã 3 xóm Cạn đi xã Tam Thanh.	30.000
	Hai ven đường từ suối Bông 2 đi Bông 3 ra đến xóm Láy Vãn	30.000
	Đất trong các khu dân cư còn lại.	15.000
17	Xã Đồng Sơn	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai ven đường thuộc trung tâm xã.	50.000
	Đất hai ven đường còn lại.	20.000
	Đất trong các khu dân cư.	10.000
I	Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
II	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC CÁC XÃ

1. Xã miền núi (17):

Mỹ Thuận, Tân Phú, Thu Ngạc, Thạch Kiệt, Thu Cúc, Lai Đồng, Đồng Sơn, Tân Sơn, Kiệt Sơn, Xuân Đài, Kim Thượng, Xuân Sơn, Minh Đài, Văn Luông, Long Cốc, Tam Thanh, Vinh Tiền.

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH BA*ĐVT: Đồng/m²*

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
a	Đất hai bên đường QL 2 thuộc khu vực xã Năng Yên	150.000
b	Đất hai bên đường tỉnh 314 Khải Xuân - Thị trấn (Trừ khu vực TT) 311 cũ	
1	Đoạn từ ranh giới huyện (Khải Xuân) đến cách chợ Khải Xuân 150m.	150.000
2	Đất 2 bên đường khu vực chợ Khải Xuân 150m (về 2 phía).	350.000
3	Đất từ cách chợ Khải Xuân 150m đến hết công nhà máy M1.	160.000
4	Đoạn từ giáp công nhà máy M1 đến cách chợ Võ Lao 100M.	130.000
5	Đoạn khu vực chợ Võ Lao dài 100m (về 2 phía).	400.000
6	Đoạn từ cách chợ Võ Lao 100m đến hết nhà ông Hải (cầu Võ Lao).	150.000
7	Đoạn từ nhà ông Hải đến ngã 3 Sen (N. Dân).	80.000
8	Đoạn từ giáp ngã 3 Sen (Ninh Dân) đến hết biên thê xã Ninh Dân.	500.000
9	Đoạn từ giáp biên thê Ninh Dân đến hết nhà cô Toàn (GV cấp 3).	600.000
10	Đất 2 bên đường từ giáp nhà cô Toàn (GV cấp 3) đến ranh giới với	500.000
11	Đoạn từ (Ranh giới TT) trường C2 Đồng Xuân đến hết nhà ông	300.000
12	Đoạn từ giáp nhà ông Đâm (làm nghề mộc) đến hết đường rẽ đi nông trường Vân Lĩnh.	200.000
13	Đoạn từ đường rẽ đi nông trường đến công trụ sở Thanh Vân.	150.000
14	Đoạn từ công trụ sở Thanh Vân đến cách ngã 3 Hanh Cù 100m.	120.000
15	Khu ngã 3 Hanh Cù: Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hướng Thanh Vân xuống) đến biên thê Hanh Cù (đốc Hanh Cù hướng Yên Khê cách ngã ba Hanh Cù 400m) và từ ngã ba Hanh Cù (100m) hướng Hạ Hoà xuống.	250.000
16	Đoạn từ cách ngã 3 Hanh Cù 100m (hướng đi Hạ Hoà) đến hết công trường học Hanh Cù.	150.000
17	Đoạn từ giáp trường học Hanh Cù đến ranh giới Thanh Ba, Hạ Hoà.	90.000
c	Đất 2 bên đường tỉnh 314B tuyến Đào Giã - Chân Mộng (trừ thị trấn) - 312 cũ.	
1	Đoạn từ Chân Mộng (Ranh giới huyện Thanh Ba) đến hết cầu nhà ông Vạn (xã Đại An).	80.000
2	Đoạn từ giáp nhà ông Vạn đến hết nhà ông Sự (mỏ lợn).	90.000
3	Đoạn từ giáp nhà ông Sự đến cách ngã 3 Đồng Lương 50m.	100.000
4	Đoạn từ cách ngã 3 Đồng Lương 50m đến ranh giới thị trấn (bưu điện Thái Ninh).	120.000
d	Đất 2 bên đường tỉnh 314C tuyến Đồng Xuân - Vũ Yên (trừ thị trấn) - 312 cũ	

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
1	Đoạn từ cầu Rượu (ranh giới thị trấn) đến hết nhà bà Nhượng (thuế).	200.000
2	Đoạn từ giáp nhà bà Nhượng (thuế) đến hết cầu đen (Yên Khê).	90.000
3	Đoạn từ giáp cầu Đen đến cây xăng (Yên Khê).	150.000
4	Đoạn từ giáp cây xăng Yên Khê đến hết nhà ông Tuấn (GĐ phân lân cũ).	200.000
5	Đoạn từ giáp nhà ông Tuấn đến hết công phân lân cũ.	130.000
6	Đoạn từ giáp công phân lân cũ đến hết nhà ông Kiêm xã Vũ Yên.	170.000
7	Đoạn từ giáp nhà ông Kiêm xã Vũ Yên đến hết dịch vụ phân lân.	120.000
8	Đoạn từ giáp dịch vụ phân lân đến hết đường sắt cắt ngang.	150.000
9	Đoạn từ giáp đường sắt cắt ngang đến hết chân đê sông Hồng.	300.000
e	Đất 2 bên đường tỉnh 314D từ ngã 3 cây thị đi nông trường Vân Lĩnh cũ (huyện lộ cũ).	
1	Đoạn từ ngã ba cây thị đến hết cổng nhà ông Khuất Minh.	150.000
2	Đoạn từ giáp cổng nhà ông Khuất Minh đến cách TT Vân Lĩnh cũ 50m.	100.000
3	Đoạn thuộc thị trấn Vân Lĩnh cũ.	180.000
f	Đất 2 bên đường tỉnh 313 tuyến Phú Thọ - bến phà Tình Cương	
1	Đoạn từ giáp TX Phú Thọ đến HTX mua bán cũ (áp phích Thanh Hà).	350.000
2	Đoạn từ giáp HTX mua bán cũ đến chân dốc đê sông Hồng.	150.000
3	Đoạn từ đê sông Hồng đến bến phà Tình Cương.	160.000
g	Đất hai bên đường tỉnh 320 (Trừ hành lang đê sông Hồng) - 313B cũ.	50.000
h	Đất hai bên đường tỉnh tuyến Ninh Dân - Thanh Vinh (TX Phú Thọ).	70.000
i	Đường huyện:	
1	Đất 2 bên đường huyện tuyến Yên Khê - Hanh Cù.	
	Đoạn từ ngã 3 Yên Khê đến trường mầm non xã Yên Khê.	200.000
	Đoạn từ trường MN xã đến cách ngã 3 Hanh Cù 400m.	100.000
2	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Hà - Đỗ Sơn.	70.000
3	Đất 2 bên đường huyện tuyến Võ Lao - Quảng Nạp.	50.000
4	Đất 2 bên đường huyện tuyến Đại An - Năng Yên.	40.000
5	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Xá - Yên Nội - Hoàng Cương.	
	Đoạn từ đường tỉnh 314 đến nhà ông Đạo (Yên Nội).	130.000
	Đoạn từ nhà ông Đạo đến đường sắt (Hoàng Cương).	80.000
6	Đất 2 bên đường huyện (đường bê tông) tuyến Ninh Dân - Chí Tiên.	
	Đoạn từ đường tỉnh 314 đến đường rẽ (công Lữ đoàn 168).	150.000
	Đoạn từ đường rẽ Lữ đoàn 168 đến ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương.	100.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đoạn từ ngã 3 đường rẽ đi Hoàng Cương đến hết UBND xã Chí Tiên.	90.000
	Đoạn từ giáp UBND xã Chí Tiên đến đê sông Hồng.	130.000
7	Đất 2 bên đường huyện tuyến Thanh Vân - Đông Lĩnh.	60.000
8	Đất 2 bên đường huyện tuyến từ Đông Xuân đến Phương Lĩnh.	50.000
9	Đất 2 bên đường huyện tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương.	
	Đoạn từ đường tỉnh 314 (chợ Võ Lao) đến hết đất Võ Lao.	100.000
	Đoạn từ giáp đất Võ Lao đi Đông Thành đến đường cấp phối đường tỉnh Ninh Dân.	40.000
	Đoạn từ giáp đường cấp phối (Ninh Dân - Thanh Vinh) đến Sơn Cương.	20.000
10	Đất hai bên đường (200m) từ đường tỉnh 314 vào khu tái định cư XM Sông Thao (Ninh Dân).	500.000
k	Đất khu vực dân cư các xã vùng trung du	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và khu vực chợ.	50.000
	Riêng trung tâm xã và chợ Vũ Yên.	250.000
2	Đất 2 bên đường liên thôn các xã.	25.000
3	Đất các khu vực còn lại thuộc các xã của cả 2 nhóm trên.	20.000
m	Đất các xã thuộc khu vực miền núi	
1	Đất thuộc khu vực trung tâm các xã và chợ.	45.000
2	Riêng trung tâm xã và chợ xã Võ Lao, xã Khải Xuân.	350.000
3	Trung tâm xã và khu vực chợ xã Ninh Dân.	700.000
4	Đất các khu vực còn lại của các xã trên.	15.000
II	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
	Khu vực nội thị thị trấn Thanh Ba	
1	Đường tỉnh 314 từ công xí nghiệp chè đến hết nhà ông Tiến (Đường	
	Đoạn từ công XN chè đến công trường TC Cơ điện.	800.000
	Từ giáp trường TC Cơ điện đến hết nhà ông Nhân bán đồ điện.	1.000.00
	Đoạn từ giáp nhà ông Nhân đến hết nhà ông Tiến (đường rẽ Yên	1.500.00
2	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến công XN Chè Phú Thọ.	500.000
3	Đường từ ngã 3 Đông Xuân đến hết cầu trường chuyên.	600.000
4	Đường từ nhà ông Tiến (đường rẽ Yên Nội) đến cầu Rượu.	500.000
5	Đường từ ngã 3 Đào Giã đến Chân Mộng đường tỉnh 314B - 312	
	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến hết nhà ông Hội (Tài chính).	500.000
	Đoạn từ giáp nhà ông Hội đến công Trung tâm GD thường xuyên.	240.000
	Đoạn từ công trung tâm GDTX đến hết khu vực thị trấn.	180.000
6	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Phú Thọ đường tỉnh 314 (hết khu vực thi	500.000
7	Đường bê tông từ công XN Chè - Xi Măng - đến cây xăng.	150.000
8	Đường tránh nội thị từ cầu Văng đến cây Xăng (Đông Xuân).	
	Đoạn từ cầu Văng đến hết nhà ông Tám (khu 4 - TT).	300.000
	Đoạn từ giáp nhà ông Tám khu 4 - TT đến hết công trường cấp 2	200.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đoạn từ giáp công trường cấp 2 đến hết cây xăng (đường tỉnh 314).	300.000
9	Đường từ ngã 3 Đào Giã đi Hồ Nụ.	
	Đoạn từ ngã 3 Đào Giã đến cầu Bạch.	100.000
	Đoạn từ cầu Bạch đến hết khu vực thị trấn.	60.000
10	Đường từ nhà bà Yên (chè) đến công Huyện uỷ.	70.000
11	Đất vành đai chợ.	250.000
12	Đất 2 bên đường tuyến từ nhà ông Tiến (thương binh) đi Yên Nội.	
	Đoạn từ nhà ông Tiến đến chân dốc (đường rẽ vào nhà ông Tăng	300.000
	Đoạn từ chân dốc (đường rẽ) đến hết ranh giới TT.	60.000
13	Đất 2 bên đường liên thôn còn lại trong khu vực TT Thanh Ba.	50.000
14	Đất các khu vực còn lại trong TT Thanh Ba.	30.000
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Đất của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá đất được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

I - Các xã trung du (Có 5 xã)

Đỗ Xuyên, Đỗ Sơn, Lương Lễ, Thanh Hà, Vũ Yên

1. Trung tâm các xã: Khu vực trụ sở UBND xã gồm xã: Đỗ Sơn, Thanh Hà, Đỗ Xuyên, Vũ Yên, Lương Lễ

2. Tụ điểm là khu vực chợ ngã 3, ngã 4 có khả năng kinh doanh gồm có:
Chợ Đỗ Xuyên, Vũ Yên, Đỗ Sơn

II - Các xã miền núi (Gồm 21 xã):

Thị trấn Thanh Ba, Năng Yên, Quảng Nạp, Đại An, Khải Xuân, Võ Lao, Thanh Vân, Đông Lĩnh, Thái Ninh, Chí Tiên, Đông Thành, Ninh Dân, Hanh Cù, Yên Khê, Đồng Xuân, Hoàng Cương, Thanh Xá, Mạn Lạn, Yên Nội, Phương Lĩnh và Sơn Cương,

1. Tỉnh lộ:

1. Tuyến Khải Xuân - TT Thanh Ba - Hanh Cù đường 314
2. Tuyến Chân Mộng - TT Thanh Ba đường 314B
3. Tuyến Đồng Xuân - Vũ Yên đường 314C
4. Tuyến đường Thanh Hà - Bến phà Sơn Cương đường 313
5. Tuyến Ninh Dân - Đông Thành - Thanh Vinh (Phú Thọ)
6. Đồng Xuân - Tây Cốc (Đoan Hùng) đường 314D
7. Tuyến đường 313B Sơn Cương - Vũ Yên
8. Tuyến đê sông Hồng đường 320

2. Đường huyện:

Tuyến Ninh Dân - Yên Nội - Thanh Xá - Hoàng Cương

Tuyến Võ Lao - Quảng Nạp

Tuyến Đại An - Năng Yên

Đông Lĩnh - Thanh Vân

Thanh Hà - Đỗ Sơn

Tuyến Võ Lao - Đông Thành - Sơn Cương

Tuyến Ninh Dân - Chí Tiên

Tuyến Yên Khê - Hanh Cù

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN HẠ HÒA*ĐVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:	
A	ĐƯỜNG QUỐC LỘ:	
1	Đường Quốc lộ 70 đi Yên Bái từ km19 đến km 22 Đại Phạm	150.000
2	Đường QL 32C từ xã Minh Côi đến hết xã Hiền Lương	
+	Đất 2 bên đường từ giáp ngòi Giành đến hết nhà anh Thụ (Chợ Minh Côi).	150.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà anh Thụ đến đường rẽ vào UBND xã Minh Côi.	220.000
	Đất 2 bên đường từ đường rẽ vào trụ sở UBND xã Minh Côi đến ngòi Văn Lang.	150.000
+	Đất 2 bên đường từ ngòi Văn Lang đến cầu Lường xã Xuân Áng.	170.000
+	Đất 2 bên đường từ cầu Lường Xuân Áng đến hết phòng khám đa khoa xã Xuân Áng.	250.000
+	Đất 2 bên đường từ cổng phòng khám đa khoa xã Xuân Áng đến hết nhà ông Mai xã Hiền Lương.	150.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Mai xã Hiền Lương đến hết nhà ông Phúc (nhà trẻ) xã Hiền Lương.	180.000
+	Đất 2 bên đường từ nhà ông Phúc (Nhà trẻ) đến cầu bê tông (qua ngòi Văn gần chợ Hiền Lương).	350.000
	Đất hai bên đường đi Yên Bái từ cầu bê tông đến hết xã Hiền Lương (giáp xã Minh Quân - Yên Bái).	140.000
+	Đất 2 bên đường từ nhà ông Nghiệp đến hết nhà ông Minh Ký.	250.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà ông Minh Ký đến hết nhà ông Thắng.	150.000
+	Đường từ chợ Hiền Lương đi Quân Khê: Đất 2 bên đường từ ngã 3 chợ Hiền Lương đến nhà ông Phương (sửa xe máy).	200.000
+	Đất 2 bên đường đi Quân Khê từ giáp nhà ông Phương (sửa xe máy) đến giáp xã Quân Khê.	150.000
B	ĐƯỜNG TỈNH:	
1	Đất 2 bên đường tỉnh 314 từ Yên Kỳ đi Âm Thượng (311 cũ)	
+	Đất 2 bên đường từ giáp Hanh Cù đến ngã 3 vào UBND xã Yên Kỳ.	60.000
+	Đất 2 bên đường từ ngã 3 vào UBND xã Yên Kỳ đến cổng Trường cấp 1 Yên Kỳ.	100.000
+	Đất 2 bên đường từ trường Cấp 1 Yên Kỳ đến Đồng Bứa xã Hương Xạ.	60.000
+	Đất 2 bên đường từ Đồng Bứa xã Hương Xạ đến đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ.	160.000
+	Đất 2 bên đường từ đường rẽ trụ sở UBND xã Hương Xạ đến ngã 3 Cáo Điền (ngã 3 đường rẽ Trụ sở UBND xã Cáo Điền).	70.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
+	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Cáo Điền đến ngã 3 Phương Viên.	70.000
+	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Phương Viên đến ngã 3 làng Trầm - Âm Hạ.	110.000
+	Đất 2 bên đường từ ngã 3 làng Trầm xã Âm Hạ đến hết nhà anh Toàn xã Âm Hạ.	130.000
2	Đất 2 bên đường tỉnh 314E từ Chu Hưng đến Âm Thượng	
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà anh Toàn xã Âm Hạ đến gò Đầm Đàng xã Âm Hạ.	180.000
+	Đất 2 bên đường từ gò Đầm Đàng - Âm Hạ đến Trạm biển áp - Âm Hạ.	180.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp Trạm biển áp xã Âm Hạ đến giáp xã Âm Thượng (TT Hạ Hòa).	100.000
3	Đất 2 bên đường tỉnh 320	
+	Đất 2 bên đường từ giáp TT Hạ Hòa đến Xí nghiệp gạch Tuynel.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ Xí nghiệp gạch Tuynel đến đường rẽ vào trường cấp 2 Phụ Khánh.	80.000
+	Đất 2 bên đường từ đường rẽ vào trường Cấp 2 Phụ Khánh đến nhà ông Thư xã Đan Thượng.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ nhà ông Thư xã Đan Thượng đến hết nhà ông Dũng (đường rẽ vào ga Đan Thượng).	150.000
	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Dũng (đường rẽ vào Ga Đan Thượng) đến hết UBND xã Đan Hà.	70.000
+	Đất 2 bên đường từ UBND xã Đan Hà đến đường sắt.	70.000
+	Đất 2 bên đường từ đường sắt rẽ đi Hậu Bông đến giáp nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bông	50.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp nhà máy chè Phú Cường xã Hậu Bông đến hết ngã ba xã Hậu Bông (Ngã 3 lên đê).	80.000
+	Đất 2 bên đường từ ngã ba xã Hậu Bông (Ngã 3 lên đê) đến hết địa phận tỉnh Phú Thọ.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp thị trấn Hạ Hòa (Chè Cúc Đạt) đến đường đê bao xã Minh Hạc (Trần San).	120.000
+	Đất 2 bên đường từ đường đê bao xã Minh Hạc (Trần San) đến đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ đường rẽ vào Trụ sở UBND xã Lang Sơn đến bến đò Lang Sơn (bến đò sang Văn Lang).	70.000
+	Đất 2 bên đường từ đường rẽ bến đò Lang Sơn (bến đò sang Văn Lang) đến Ngòi Trang xã Mai Tùng.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ Ngòi Trang xã Mai Tùng đến giáp xã Vụ Cầu.	70.000
C	ĐƯỜNG HUYỆN:	
1	Tuyến đường 314 từ ngã 3 Chu Hưng (Âm Hạ) đi Đại Phạm.	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
+	Đất 2 bên đường từ cổng Trường cấp 2 Âm Hạ đến cổng Trường cấp 1 Âm Hạ.	70.000
+	Đất 2 bên đường từ cổng Trường cấp 1 Âm Hạ đến cổng trụ sở UBND xã Đại Phạm.	50.000
	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào Trường THCS Đại Phạm đến giáp đường QL 70 (km22).	50.000
	Đất khu trung tâm xã Đại Phạm (từ trạm y tế xã Đại Phạm đến đường rẽ vào trường THCS Đại Phạm).	100.000
2	Tuyến đường P7 từ Xuân Áng đi trại Tân Lập	
+	Đất 2 bên đường từ cửa hàng bách hóa cũ đến hết Ngân hàng NN xã Xuân Áng.	80.000
+	Đất 2 bên đường từ giáp Ngân hàng NN xã Xuân Áng đến cổng trạm Y tế xã Xuân Áng.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ cổng trạm Y tế xã Xuân Áng đến cổng nhà ông Tuấn Mùi xã Xuân Áng.	40.000
+	Đất 2 bên đường từ cổng nhà ông Tuấn Mùi đến trại Tân Lập.	15.000
3	Đất khu dân cư xã Trung du (01 xã Vụ Cầu)	
+	Trung tâm xã 2 bên đường tỉnh 320 thuộc xã Vụ Cầu.	70.000
+	Đất khu Trung tâm.	100.000
+	Đất khu vực còn lại.	50.000
4	Đất khu dân cư các xã miền núi (32 xã có phụ lục kèm theo)	
+	Đất 2 bên đường từ đường tỉnh 320 đến đường rẽ trường cấp 2 Vĩnh Chân.	50.000
+	Đất 2 bên đường từ đường rẽ vào trường cấp 2 Vĩnh Chân đến cổng nhà ông Phi.	50.000
	Đất 2 bên đường từ nhà ông Phi đến ngã 3 đường tỉnh 314D UBND xã Hương Xạ.	50.000
+	Đất trung tâm xã ven hai bên đường huyện.	50.000
+	Đất khu vực gần chợ.	70.000
+	Đất khu vực còn lại.	40.000
	Riêng khu vực Tiến Mỹ xã Xuân Áng và Tiến Lang xã Quân Khê.	30.000
II	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:	
+	Đất 2 bên đường tỉnh 314E (312 cũ) từ ngã 3 Bưu điện đến ngã 3 chợ từ nhà ông Phương đến đường rẽ bến đò Chợ.	600.000
	Đất 2 bên đường vào ga Âm Thượng từ ngã 3 Chợ đến trạm thuế (từ giáp nhà anh Dần đến trạm thuế).	550.000
+	Đất 2 bên đường từ trạm thuế đến khu tập thể Công an trại Tân Lập.	250.000
+	Đất 2 bên đường từ nhà Xuân Chân (bến đò chợ) đến hết bến xe khách Âm Thượng.	550.000
	Đất hai bên đường từ bến xe khách Âm Thượng đến giáp xã Minh Hạc (XN chè Cúc Đạt).	200.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Đất hai bên đường đi Y Sơn từ nhà ông Phụng đến hết nhà ông Nghĩa.	200.000
+	Đất 2 bên đường đi Y Sơn từ giáp nhà ông Nghĩa đến giáp xã Y Sơn.	120.000
	Đất hai bên đường đi Ấm Hạ từ kênh tiêu Lửa Việt đến đường rẽ vào trường THPT Hạ Hoà.	300.000
	Đất hai bên đường đi Ấm Hạ từ đường rẽ vào trường THPT Hạ Hoà đến hết nhà bà Dung Khánh.	200.000
	Đất hai bên đường đi Ấm Hạ từ giáp nhà bà Dung Khánh đến đường vành đai quy hoạch.	200.000
	Đất hai bên đường đi Ấm Hạ từ đường vành đai quy hoạch đến giáp xã Ấm Hạ.	100.000
+	Đất 2 bên đường quy hoạch từ giáp đường 314E đến nhà bà Tiến Cần.	60.000
+	Đất 2 bên đường đi Ấm Hạ từ giáp nhà bà Tiến Cần đến đường bê tông khu 4 TT Hạ Hòa	50.000
+	Đất 2 bên đường vào Trường cấp 3 Hạ Hòa từ nhà anh Hậu đến nhà anh Hòa (Phòng Giáo dục).	120.000
+	Đất 2 bên đường vào Cty Giấy Lửa Việt từ nhà bà Loan Lý đến hết nhà ông Lý Kiểm.	180.000
+	Đất 2 bên đường vào Cty Giấy Lửa Việt từ nhà anh Bang Y tá đến Sân bóng Lửa Việt.	100.000
+	Đất 2 bên đường vào Cty giấy Lửa Việt từ nhà anh Tài đến nhà bà Thao Thả.	100.000
+	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà bà Tâm Kính đến giáp đường tỉnh 314 (nhà ông Tân Sùng).	100.000
+	Đất 2 bên đường đi bờ dài từ nhà anh Kiểm đến đập Bờ dài (Ao Châu).	120.000
+	Đất 2 bên đường bê tông trước cửa nhà Bia từ nhà ông Ba đến nhà ông Mậu.	170.000
+	Đất 2 bên đường từ TT Chính trị đến đường vào trường Cấp 3 Hạ Hòa.	130.000
	Đất hai bên đường vào Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà từ sau nhà ông Châm Thoả đến hết nhà ông Thụy.	300.000
	Đất hai bên đường vào Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà từ nhà ông Thụy đến cổng Bệnh viện đa khoa và từ nhà ông Thụy đến đường sắt.	180.000
+	Đất 2 bên đường bê tông song song với đường sắt từ nhà ông Việt đến nhà ông Quế.	120.000
	Tuyến đường từ đường tỉnh 314E đến giáp chùa Kim Sơn.	150.000
+	Đất 2 bên đường song song với đường sắt (Sau Công an huyện).	100.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
+	Đất 2 bên đường từ Viện kiểm sát - Tòa án đến chợ Âm Thượng.	170.000
+	Đất 2 bên đường sau Viện Kiểm Sát song song với đường sắt.	170.000
+	Đất 2 bên đường bê tông từ nhà ông Hoàn đến nhà anh Đạo.	80.000
+	Đất 2 bên đường vào Trường cấp 3 Hạ Hòa (Quy hoạch) từ trạm biến áp đến đường sắt.	80.000
+	Đất khu vực còn lại.	70.000
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

DANH MỤC THỊ TRẤN, XÃ

I - CÁC TRỤC ĐƯỜNG CHÍNH:

1. Đường Quốc lộ:

- + Quốc lộ 70 từ km 19 đến Km 22 xã Đại Phạm.
- + Quốc lộ 32C tuyến đường từ Ngòi Giành xã Minh Côi đến hết xã Hiền Lương

2. Đường tỉnh:

Đường 314 tuyến đường từ xã Yên Kỳ đi Âm Thượng (Km 15)

- a) Đường tỉnh 314 tuyến đường từ ngã 3 Chu Hng xã Âm Hạ đi Km 22 Đại Phạm
- b) Đường tỉnh 320 tuyến đường từ xã Vụ Cầu đến xã Liên Phong (đường kết hợp đê)

- c) Đường tỉnh 320 tuyến đường từ Đan Thợng - Đan Hà đi Hậu Bồng

- d) Đường tỉnh tuyến từ Vĩnh Chân đi Yên Luật

- e) Đường tỉnh 319 tuyến từ Cáo Điền đi Tây Cốc (Đoan Hùng)

- g) Đường tỉnh 321 Tuyến từ Bằng Giã đi Mỹ Lung (Yên Lập)

3. Đường huyện:

Đường huyện tuyến đường từ Xuân Áng đi Trại Tân Lập (Yên Lập)

II - CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRONG HUYỆN:

1. Thị trấn (01)

Thị trấn Hạ Hòa

2. Xã trung du (01)

Xã Vụ Cầu

3. Xã miền núi (31)

Âm Hạ, Phương Viên, Hương Xạ, Yên Kỳ, Cáo Điền, Yên Luật, Hà Lương, Đại Phạm, Phụ Khánh, Lệnh Khanh, Y Sơn, Hậu Bồng, Bằng Giã, Chuế Lưu, Vô Tranh, Lâm Lợi, Động Lâm, Quân Khê, Xuân Áng, Hiền Lương, Minh Côi, Mai Tùng, Đan Hà, Đan Thợng, Gia Điền, Minh Hạc, Văn Lung, Lang Sơn, Chính Công, Vĩnh Chân, Liên Phong.

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN TAM NÔNG*DVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở NÔNG THÔN	
	ĐƯỜNG QUỐC LỘ	
A	Đường 32A (từ đầu cầu Trung Hà đi địa giới Tam Nông - Thanh Sơn).	
1	Đất một bên đường (phía trái) QL 32A từ đầu cầu Trung Hà đến địa giới hành chính Thượng Nông - Dâu Dương.	600.000
2	Đất một bên đường (phía trái) từ địa giới hành chính Thượng Nông - Dâu Dương đến địa giới hành chính Dâu Dương - Hưng Hoá.	600.000
3	Đất một bên đường 32A (phía trái) từ địa giới Hưng Hoá - Hương Nộn đến điểm tiếp giáp với đường huyện số 3 đi Thọ Văn - Dị Nậu.	700.000
4	Đất một bên đường 32A (phía trái) từ điểm tiếp giáp với đường huyện số 3 đến đầu đê Tam Thanh.	700.000
5	Đất hai bên đường từ đầu đê Tam Thanh đến đường đi khu 3 giáp Trạm thủy nông.	750.000
6	Đất hai bên đường 32A từ đường đi khu 3 đến đường đi rẽ vào XN gạch Tuy Nén.	900.000
7	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ XN gạch Tuy Nén đến địa giới xã Hương Nộn - Cổ Tiết.	1.000.000
8	Đất hai bên đường 32A từ địa giới Hương Nộn - Cổ Tiết đến đường rẽ vào Trạm điện trung gian.	1.080.000
9	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ vào Trạm điện trung gian đến đường rẽ vào xóm Đức Phong (nhà ông Quân).	700.000
10	Đất hai bên đường 32A từ đường rẽ vào xóm Đức Phong (nhà ông Quân) đến qua ngã tư Cổ Tiết 150m.	700.000
11	Đất hai bên đường 32A từ qua ngã tư Cổ Tiết 150m đến chân dốc Sở (đường rẽ vào đầm Chòm).	700.000
12	Đất hai bên đường 32A từ chân dốc Sở đến suối 1.	400.000
13	Đất hai bên đường 32A từ suối 1 đến qua đường huyện số 5 (đường tránh lũ 100m).	150.000
14	Đất hai bên đường 32A từ qua đường huyện số 5 (đường tránh lũ) 100m đến địa giới hành chính Phương Thịnh - Tề Lễ.	100.000
15	Đất hai bên đường 32A từ địa giới hành chính xã Phương Thịnh - Tề Lễ giáp địa phận huyện Thanh Sơn.	300.000
B	Hai bên quốc lộ 32C (từ ngã tư Cổ Tiết đi cầu Tứ Mỹ).	
1	Đất hai bên đường QL 32C từ ngã tư Cổ Tiết đến đường rẽ vào xóm Rừng xã Cổ Tiết.	900.000
2	Đất hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào xóm Rừng đến đường rẽ vào Trạm y tế xã Cổ Tiết.	900.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
3	Đất hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào trạm y tế Cổ Tiết đến đường rẽ vào khu Lưu niệm Bác Hồ.	600.000
4	Đất hai bên đường QL 32C từ đường rẽ vào khu Lưu niệm Bác Hồ đến giáp sân vận động Tiểu đoàn 17.	450.000
5	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp sân vận động Tiểu đoàn 17 đến đường rẽ đi Xuân Quang.	300.000
6	Đất hai bên đường QL 32C từ đường rẽ Xuân Quang đến hết đất bà Liêm.	200.000
7	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp nhà bà Liêm đến hết nhà ông Tờ.	300.000
8	Đất hai bên đường QL 32C từ giáp nhà ông Tờ đến cầu Tứ Mỹ.	200.000
	ĐƯỜNG TỈNH:	
A	Đường tỉnh 315 (ngã tư Cổ Tiết đến bến phà Ngọc Tháp)	
1	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ ngã tư Cổ Tiết đến qua ngã tư Cổ Tiết 100m.	900.000
2	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ qua ngã tư Cổ Tiết 100m đến đường rẽ vào đầu làng Danh Hựu.	750.000
3	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ đường rẽ vào đầu làng Danh Hựu đến cầu Tam Cường.	600.000
4	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ cầu Tam Cường đến địa giới Tam Cường - Thanh Uyên.	400.000
5	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ địa giới Tam Cường - Thanh Uyên đến địa giới Thanh Uyên - Hiền Quan.	400.000
6	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ địa giới Thanh Uyên - Hiền Quan đến qua đường vào UBND xã Hiền Quan 100m.	400.000
7	Đất hai bên đường tỉnh 315 từ qua đường vào UBND xã Hiền Quan 100m đến qua bến phà Ngọc Tháp 100m.	250.000
B	Đường tỉnh 316 (đầu cầu Trung Hà đến địa giới HC huyện Tam Nông - Thanh Thủy)	300.000
	ĐƯỜNG HUYỆN:	
A	Đường huyện số 1 (đường 315 kéo dài từ Thanh Uyên - Tề Lễ)	
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 315 đến ngã 3 giao với đường huyện số 8.	90.000
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 giao đường huyện số 8 đến hết trường THCS Xuân Quang.	60.000
3	Đất hai bên đường giáp đất trường THCS Xuân Quang đến hết nhà ông Hiện.	80.000
4	Đất hai bên đường từ giáp đất ông Hiện đến hết đập Trỏ Lợi.	50.000
5	Đất hai bên đường từ giáp đập Trỏ Lợi vào đường lên Gò Giang.	120.000
6	Đất hai bên đường từ đường lên Gò Giang đến hết trường THCS Tứ Mỹ.	170.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
7	Đất hai bên đường từ trường THCS Tứ Mỹ đến hết đập Phương Thịnh.	120.000
8	Đất hai bên đường từ đập Phương Thịnh đến đường rẽ đi UBND xã Quang Húc.	120.000
9	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi Quang Húc đến đường rẽ vào nhà ông Vân (Bí thư xã Quang Húc).	120.000
10	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào nhà ông Vân đến Quốc lộ 32A.	90.000
B	Đường huyện số 2 (Thượng Nông - Xuân Lộc).	
1	Đất hai bên đường từ điểm đầu nối QL 32A đến hết đất trường THCS Thượng Nông.	550.000
2	Đất hai bên đường từ hết đất trường THCS Thượng Nông đến địa giới hành chính Thượng Nông - Xuân Lộc.	500.000
3	Đất hai bên đường từ điểm đầu nối đường huyện số 2 (công nhà ông Nghĩa) đến điểm đầu nối QL 32A.	550.000
C	Đường huyện số 3 (Hương Nộn - Dị Nậu)	
1	Đất hai bên đường từ điểm tiếp giáp QL 32A đến đường rẽ đi Thọ Văn, Dị Nậu.	400.000
2	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi Thọ Văn đến hết trường THCS Dị Nậu.	120.000
3	Đất hai bên đường từ giáp trường THCS Dị Nậu đến địa danh Dị Nậu - Đào Xá.	100.000
D	Đường huyện số 4 (từ quốc lộ 32C đi Xuân Quang).	
1	Đất hai bên đường từ điểm tiếp giáp QL 32C đến điểm tiếp giáp đường huyện số 9.	50.000
2	Đất hai bên đường từ điểm tiếp giáp đường huyện số 9 đến điểm tiếp giáp đường huyện số 1.	70.000
E	Đường huyện số 5 (đường tránh lũ Cổ Tiết - Hương Nộn - Phương Thịnh).	
1	Đất hai bên đường từ 2 điểm tiếp giáp QL 32A đến hết nghĩa trang liệt sỹ huyện Tam Nông.	750.000
2	Đất hai bên đường từ hết nghĩa trang liệt sỹ huyện Tam Nông đến đường rẽ đi khu 2 Hương Nộn.	500.000
3	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi khu 2 Hương Nộn đến QL 32A.	200.000
4	Đất hai bên đường từ điểm tiếp giáp với QL 32A đến đường huyện số 1.	100.000
F	Đường huyện số 6 (QL 32A đi dò Lòi).	
1	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đến qua trường THCS Hồng Đà 100m.	250.000
2	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đi dò Lòi.	120.000
G	Đường huyện số 7 (từ đường huyện số 3 đến QL 32A thuộc xã Thọ Văn).	

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
1	Đất hai bên đường từ điểm đầu nối với đường huyện số 3 đến trường THCS Thọ Văn.	70.000
2	Đất hai bên đường từ trường THCS Thọ Văn đến cây Đa khu 6.	50.000
3	Đất hai bên đường từ cây Đa khu 6 đến Quốc lộ 32A.	70.000
H	Đường huyện số 8 (cách bến phà Ngọc Tháp 100m đến đường huyện lộ số 1) Vực Trường - Hương Nha.	100.000
I	Đường huyện số 9 (Tam Cường - Văn Lương).	
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 315 đến qua cầu ngòi Tam Cường.	150.000
2	Đất hai bên đường từ qua cầu Ngòi Tam Cường đến đường rẽ đi trạm y tế xã Văn Lương.	80.000
3	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi Trạm y tế xã Văn Lương đến đường rẽ đi nhà Trang.	65.000
4	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi nhà Trang đến đường rẽ đi gò Độc Dền.	45.000
5	Đất hai bên đường từ gò Độc Dền đến đường huyện số 4.	50.000
J	Đường huyện số 10 (đường tỉnh 315 đi đường huyện số 4).	
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 315 đến trụ sở UBND xã Thanh Uyên.	100.000
2	Đất hai bên đường từ trụ sở UBND xã Thanh Uyên đến địa giới Thanh Uyên - Xuân Quang.	50.000
3	Đất hai bên đường từ địa giới Thanh Uyên - Xuân Quang đến đường huyện số 4.	35.000
K	Đất ở các xã: Hồng Đà, Thượng Nông, Đậu Dương, Hương Nộn, Cổ Tiết, Tam Cường.	
	- Cách trung tâm xã, chợ, khu vực (có đường giao thông) cách về hai phía 150m .	70.000
	Hai bên đường giao thông trục chính nội xã.	70.000
	Các khu vực còn lại.	60.000
M	Các xã còn lại	
	Cách trung tâm xã, chợ, khu vực (có đường giao thông) cách về hai phía 150m.	45.000
	Hai bên đường giao thông trục chính nội xã.	35.000
N	Các khu vực.	
	+ Vùng xa trung tâm xã miền núi, giao thông khó khăn.	30.000
	+ Vùng khu vực 3 của huyện.	25.000
0	Đất các đường nhánh rẽ từ Quốc lộ, đường huyện.	
1	Đất hai bên đường từ đầu cầu Trung Hà đi bến phà cũ, chợ (đường QL 32A cũ).	350.000
2	Đất hai bên đường nhựa từ điểm nối với QL 32A vào đến ao cá Bắc Hồ xã Đậu Dương.	100.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
3	Đất hai bên đường từ điểm nối với đường huyện số 1 đến công trụ sở UBND xã Quang Húc (Khu A).	100.000
4	Đất hai bên đường từ công trụ sở UBND xã Quang Húc đến địa giới Quang Húc - Hùng Đô (Khu A).	60.000
5	Đất hai bên đường từ bến đò Quang Húc đến địa giới Quang Húc - Tề Lễ (Khu B)	50.000
II	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	
	THỊ TRẤN HUNG HOÁ	
1	Đất một bên đường 32A (phía trái) từ địa giới hành chính Dâu Dương - Hưng Hoá đến giáp đất nhà ông Sinh.	1.000.000
2	Đất hai bên đường 32A từ đất nhà ông Sinh đến giáp đất nhà ông Tiến.	1.000.000
3	Đất một bên đường (phía trái) từ đất nhà ông Tiến đến địa giới Hưng Hoá - Hương Nộn.	1.000.000
4	Đất hai bên đường tỉnh 316B từ điểm đầu với quốc lộ 32A đến hết trường THCS Hưng Hoá.	800.000
5	Đất hai bên đường tỉnh 316B từ giáp trường THCS Hưng Hoá đến hết đất Viện kiểm sát.	750.000
6	Đất hai bên đường tỉnh 316B từ giáp đất Viện kiểm sát đến địa giới huyện Tam Nông - Thanh Thủy.	600.000
7	Đất hai bên đường từ điểm nối với đường nhựa đi UBND xã Dâu Dương qua công chợ đến UBND thị trấn Hưng Hoá (đường cấp phối và bê tông).	400.000
8	Khu dân cư nội thị không qua các trục đường trên.	300.000
9	Khu dân cư còn lại.	200.000
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

PHỤ LỤC CÁC XÃ (20 xã)

Trong đó:

1. Xã trung du gồm: 3 xã

Vực Trường, Hồng Đà, Tam Cường.

2. Các xã miền núi gồm: 17 xã

Dị Nậu, Thọ Văn, Tề Lễ, Quang Húc, Xuân Quang, Thượng Nông, Dâu Dương, Hương Nộn, Cổ Tiết, Văn Lương, Thanh Uyên, Hiền Quan, Hương Nha, Tứ Mỹ, Phương Thịnh, Hùng Đô và thị trấn Hưng Hoá.

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN THANH THỦYDVT: Đồng/m²

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở NÔNG THÔN	
A	Các xã vùng trung du (gồm 4 xã: Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc)	
*	Khu vực đường quy hoạch (khu vực đất đồi)	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ($\geq 6m$).	60.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ($\geq 5m \div < 6m$).	50.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m ($\geq 3m \div < 5m$).	40.000
*	Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất bãi)	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ($\geq 6m$).	80.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ($\geq 5m \div < 6m$).	70.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m.	50.000
*	Khu vực khác	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	40.000
2	Đất khu vực dân cư còn lại (khu vực đất đồi).	30.000
3	Đất khu vực dân cư còn lại (khu vực đất bãi).	40.000
B	Các xã vùng miền núi	
	(Gồm: Tu Vũ, Yên Mao, Phụng Mao, Trung Nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch Đồng, Đào Xá)	
*	Khu vực đường quy hoạch (Khu vực đất đồi)	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ($\geq 6m$).	50.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ($\geq 5m \div < 6m$).	40.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m ($\geq 3m \div < 5m$).	30.000
*	Khu vực đường quy hoạch (khu vực đất bãi)	
1	Các trục đường từ 6m trở lên ($\geq 6m$).	60.000
2	Các trục đường từ 5m đến dưới 6m ($\geq 5m \div < 6m$).	50.000
3	Các trục đường từ 3m đến dưới 5m ($\geq 3m \div < 5m$).	40.000
*	Khu vực khác	
1	Đất vùng ven trung tâm và vùng ven tụ điểm kinh tế	35.000
2	Đất khu vực dân cư còn lại (Khu vực đất đồi).	20.000
3	Đất khu vực dân cư còn lại (Khu vực đất bãi).	30.000
C	Đất hai bên đường tỉnh 316:	
1	Đất hai bên đường từ tiếp giáp Hồng Đà đến cách đường rẽ đi	280.000
2	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thượng Nông 50m và qua đường rẽ đi Thượng Nông 50m.	350.000
3	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ đi Thượng Nông 50m phía trên đến điểm canh đê.	280.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
4	Đất hai bên đường từ giáp điểm canh dê đến hết địa phận xã Xuân Lộc	250.000
5	Đất hai bên đường đoạn giáp xã Xuân Lộc đến cống qua dê (đập Đầm sen) nhà ông Hội Thạch Đồng.	250.000
6	Đất hai bên đường đoạn từ cống qua dê (đập Đầm Sen) nhà ông Hội đến đường rẽ đi bến Đồng Ôn (nhà ông Điều) xã Thạch Đồng.	300.000
7	Đất hai bên đường đoạn từ đường rẽ đi Bến Đồng Ôn (nhà ông Điều) đến hết địa phận xã Thạch Đồng (giáp xã Tân Phương).	250.000
8	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Tân Phương từ giáp xã Thạch Đồng đến ngã 3 quán ông Chúc (đường rẽ đi Đập Sù Tân Phương).	250.000
9	Đất hai bên đường từ Dốc đường tỉnh 316 (Bà Thục khu 8 xã Tân Phương) rẽ đường tỉnh 317 đến cột mốc giới hết địa phận xã Tân Phương (Ghành Dê).	150.000
10	Đất hai bên đường từ quán ông Chúc đến nhà ông Trương Hằng (hết địa phận xã Tân Phương).	300.000
D	Đất hai bên đường tỉnh 316B:	
1	Đất hai bên đường từ cầu Bờ Đìa đến ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng.	100.000
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường rẽ đi Thạch Đồng đến hết địa phận xã Đào Xá (giáp Tân Phương).	80.000
3	Đất hai bên đường từ giáp xã Đào xá đến đường rẽ vào thôn Hữu Khánh xã Tân Phương.	150.000
4	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Hữu Khánh đến cầu Dát xã Tân Phương.	170.000
5	Đất hai bên đường từ cầu Dát đến chân dốc ngã 3 gặp đường tỉnh 316.	250.000
E	Đường tỉnh 317	
1	Đất hai bên đường từ giáp xã Tân Phương (nhà ông Trương Hằng) đến giáp đất nhà ông Kiên khu 5 xã La Phù.	500.000
2	Đất hai bên đường từ nghĩa trang liệt sỹ La Phù đến nhà ông Vận Ngọc (hết địa phận xã La Phù).	500.000
3	Đất hai bên đường từ giáp xã La Phù đến hộ ông Năng xã Bảo Yên.	400.000
4	Đất hai bên đường từ giáp hộ ông Năng xã Bảo Yên đến giáp xã Doan Hạ (hết địa phận xã Bảo Yên).	300.000
5	Đất hai bên đường thuộc địa phận xã Doan Hạ từ giáp xã Bảo Yên đến giáp xã Đồng Luận.	250.000
6	Đất hai bên đường từ giáp xã Doan Hạ đến đường vào nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận.	250.000
7	Đất hai bên đường từ đường vào nhà ông Thảo khu 7 xã Đồng Luận đến đường vào sân vận động xã.	300.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
8	Đất hai bên đường từ đường vào sân vận động xã đến cổng nhà ông Phan Khu 2 xã Đồng Luận.	250.000
9	Đất hai bên đường từ hết cổng nhà ông Phan khu 2 đến hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa).	200.000
10	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến hết ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa).	150.000
11	Đất hai bên đường từ giáp ao cá Bác Hồ (đường rẽ vào UBND xã Trung Nghĩa) đến hết địa phận xã Trung Nghĩa (giáp xã Phụng Mao).	120.000
12	Đất hai bên đường tỉnh 317 thuộc xã Phụng Mao.	150.000
13	Đất hai bên đường từ giáp xã Phụng Mao đến Trạm xá xã Yên Mao.	150.000
14	Đất hai bên đường từ giáp Trạm xá xã Yên Mao đến trường THCS Yên Mao.	200.000
15	Đất hai bên đường từ trường THCS Yên Mao đến hết địa phận xã Yên Mao (giáp xã Tu Vũ).	150.000
16	Đất hai bên đường từ giáp địa phận xã Yên Mao đến giáp tượng đài chiến thắng Tu Vũ.	150.000
17	Đất hai bên đường từ tượng đài chiến thắng Tu Vũ đến cầu Lương Nha (hết địa phận xã Tu Vũ).	200.000
18	Đất hai bên đường từ ngã 3 (nhà anh Hồng Thoa khu 4) theo đường bờ ngang đến giáp xã Yên Lăng.	100.000
F	Đất hai bên đường huyện lộ nối từ QL 32A xã Thượng Nông đến Xuân Lộc	
1	Đất hai bên đường từ giáp ranh xã Thượng Nông đến ngã 3 đập Xuân Dương.	250.000
2	Đất hai bên đường từ ngã 3 đập Xuân Dương đến quán Xuân Dương.	280.000
3	Đất hai bên đường từ quán Xuân Dương đến giáp nhà ông Lạc xã Xuân Lộc.	350.000
4	Đất hai bên đường từ nhà ông Lạc đến ngã 3 tiếp giáp đường tỉnh 316 xã Xuân Lộc.	400.000
G	Đất hai bên đường tỉnh 317 B từ Yên Mao đi Đá Cóc	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba trung tâm đến nhà ông Quyết khu 6 (đường vào xóm 5).	200.000
2	Đất hai bên đường từ nhà ông Quyết khu 6 đến nhà bà Kẽ khu 11 (đường vào đền Sỏi).	150.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Kẽ khu 11 đến hết địa phận xã Yên Mao.	100.000
4	Đất hai bên đường từ giáp xã Yên Mao đi Đá Cóc đến hết địa phận xã Phụng Mao.	50.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
H	Đất hai bên đường huyện từ Bảo Yên đi Đoan Hạ - Hoàng Xá	
1	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 317 (Điểm đầu cống tiêu nước xã Đoan Hạ) rẽ đi Hoàng Xá qua địa phận xã Bảo Yên, qua địa phận xã Đoan Hạ đến đầu cầu Hoàng Xá.	150.000
2	Đất hai bên đường từ Cầu Hoàng Xá đến hết nhà ông Mưu xã Hoàng Xá.	500.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Mưu đến hết đất nhà ông Thực xã Hoàng Xá.	600.000
4	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Thực đến hết đất bà Bỏ.	700.000
5	Đất hai bên đường từ giáp đất bà Bỏ (ngã 3 chợ cũ) đến hết trạm thuế xã Hoàng Xá.	900.000
6	Đất hai bên đường từ giáp trạm thuế xã Hoàng Xá đến ngã 3 nhà ông Tình khu 22.	600.000
7	Đất hai bên đường từ nhà ông Tình khu 22 đến hết đất nhà ông Doanh xã Hoàng Xá.	500.000
8	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Doanh đến hết đất nhà ông Huyền xã Hoàng Xá.	400.000
9	Đất hai bên đường từ giáp ngã 3 ông Huyền đến hết đất nhà ông Chinh xã Hoàng Xá.	250.000
10	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Chinh đến Suối Đục hết đất xã Hoàng Xá.	200.000
I	Đất hai bên đường liên xã LX: 1A xã Hoàng Xá đi Trung Thịnh	
1	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà bà Bỏ đến hết đất nhà anh Tuấn + bà Sâm.	600.000
J	Đất hai bên đường liên xã từ Hoàng Xá đi Trung Thịnh LX: 1B	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi UBND xã Hoàng Xá cách ngã ba 20 m đến hết trạm xá xã Hoàng Xá.	900.000
2	Đất hai bên đường từ giáp trạm xá xã Hoàng Xá đến ngã tư nhà ông Liên.	600.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Liên đến hết nhà ông Thư xã Hoàng Xá.	500.000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Thư đến hết địa phận xã Hoàng Xá.	400.000
5	Đất hai bên đường giáp ranh từ Hoàng Xá đến ngã ba Hàm đến cầu Trôi xã Trung Thịnh.	300.000
6	Đất hai bên đường từ ngã ba Hàm đi Thắng Sơn huyện Thanh Sơn.	200.000
7	Đất băng 2 cách trục đường chính 35 m từ giáp ranh xã Hoàng Xá đến ngã ba Hàm xã Trung Thịnh.	30.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
8	Đất hai bên đường từ ngã tư cổng ông Hồ đến cổng ông Kế phía ao.	30.000
K	Đất hai bên đường liên xã LX: 2 từ Bảo Yên đi Sơn Thủy	
1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường tỉnh 317 (nhà ông Xâm khu 1 xã Bảo Yên) đến giáp địa phận xã Sơn Thủy.	350.000
2	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến hết nhà ông Phụ xã Sơn Thủy.	100.000
3	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phụ đến hết chợ Bến thôn Thủy Trạm (chợ Đón).	120.000
4	Đất hai bên đường từ chợ Đón Thủy Trạm đến hết đất Sơn Thủy.	100.000
5	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Gò đến cầu Máng đến chân đập Suối Ròng (Khu du lịch).	50.000
6	Đất hai bên đường từ cầu Máng khu 7 đến hết mỏ Ngọt xã Sơn Thủy.	30.000
7	Đất hai bên đường từ ngã tư chợ Bến Phù Lao đến đập suối Hàng.	50.000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư Thủy Trạm đi Tất Thắng huyện Thanh Sơn đến hết địa phận Sơn Thủy.	50.000
L	Đất hai bên đường liên xã LX: 3 từ Đồng Luận đi Trung Nghĩa đi Phụng Mao (đường tránh lũ)	
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường tỉnh 317 đến đường rẽ ra nhà ông Huân khu 1 xã Đồng Luận.	120.000
2	Đất hai bên đường từ đường rẽ ra nhà ông Huân khu 1 xã Đồng Luận đến hết địa phận xã Đồng Luận (giáp xã Trung Nghĩa).	100.000
3	Đất hai bên đường từ giáp xã Đồng Luận đến cổng nhà ông Hợi khu 3 xã Trung Nghĩa.	100.000
4	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hợi khu 3 đến UBND xã Trung Nghĩa.	150.000
5	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng chợ xã Trung Nghĩa (giáp đường tỉnh 317) đến Trạm xá xã Trung Nghĩa.	200.000
6	Đất hai bên đường từ Trạm xá xã Trung Nghĩa đến hết khu đền Lãng Sương.	120.000
7	Đất hai bên đường từ giáp đền Lãng Sương đến hết Đồng Cò (giáp xã Phụng Mao).	100.000
8	Đất hai bên đường từ giáp xã Trung Nghĩa đến điểm nối vào đường 317B thuộc xã Phụng Mao.	60.000
M	Đất hai bên đường liên xã LX: 4 từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi Dị Nậu	
1	Đất hai bên đường liên xã từ ngã ba gặp tỉnh lộ 317 đi xã Dị Nậu thuộc địa phận xã Đào Xá.	70.000
N	Đất hai bên đường liên xã đối với các khu vực khác	

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
1	Đất hai bên đường rẽ từ đường 317 đến trạm y tế xã Phụng Mao.	50.000
2	Đất hai bên đường từ giáp trạm y tế xã Phụng Mao đến gặp đường tránh lũ.	70.000
3	Đất hai bên đường từ Trung tâm xã Phụng Mao đi Láng Xéo.	40.000
4	Đất hai bên đường từ UBND xã Đồng Luận đến cầu Trung Thịnh.	300.000
5	Đất xung quanh Gò Nồi xã Hoàng Xá.	100.000
6	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường 316 đến hết nhà ông Chuyển khu 3 xã Thạch Đồng.	150.000
	Đất hai bên đường từ ngã 3 giáp đất nhà bà Thành Long khu 4 đến hết nhà ông Chuyển khu 3 xã Thạch Đồng.	150.000
7	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 2 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng.	100.000
8	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Chuyển rẽ đi khu 7 đi Đào Xá - địa phận xã Thạch Đồng.	100.000
	Đất hai bên đường nối từ đường tỉnh 316 (từ nhà bà Huệ Định khu 6) qua nhà ông Dinh Tân khu 6 đến hết nhà ông Huệ Khu 6 xã Thạch Đồng.	100.000
	Đất hai bên đường nối từ đường tỉnh 316 (từ nhà ông Chấn khu 4) qua nhà ông Hùng - Huân khu 4 đến nhà ông Hoàng Chu khu 4 đến hết nhà ông Trần Hương khu 4 xã Thạch Đồng.	150.000
	Đất hai bên đường nối từ đường tỉnh 316 (nhà ông Điều khu 4) đến hết đất kinh doanh dịch vụ nhà ông Vương Khánh khu 4 xã Thạch Đồng.	100.000
9	Đất hai bên đường từ trụ sở khu 8 xã Xuân Lộc đi Đào Xá đến hết địa phận xã Xuân Lộc (đường tránh lũ)	200.000
11	Đất hai bên đường từ ngã 3 Quán Đẳng đi giáp xã Thạch Đồng (đường tránh lũ)	60.000
12	Đất hai bên đường từ đình Đào Xá đến cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá	70.000
13	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Khoan khu 5 xã Đào Xá đến giáp xã Thạch Đồng (đường tránh lũ)	60.000
14	Đất hai bên đường từ nhà văn hoá khu 15 xã Đào Xá đến giáp xã Xuân Lộc (đường tránh lũ)	50.000
15	Đất hai bên đường từ Cầu Sào đến cổng nhà ông Lại khu 18 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	70.000
16	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Lại khu 18 đến cổng nhà ông Hồng Vượng khu 17 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	50.000
17	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Hồng Vượng khu 17 đến cổng nhà ông Thúc Thủy khu 17 xã Đào Xá (đường tránh lũ)	60.000
18	Đất hai bên đường từ cổng nhà ông Thúc Thủy khu 17 xã Đào Xá đến giáp đất Thanh Sơn (đường tránh lũ)	40.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
19	Đất hai bên đường nối từ đường tỉnh 317 đến nghĩa trang liệt sỹ xã Đào Xá.	30.000
0	Đất khu vực đường quy hoạch vùng nước nóng xã Bảo Yên.	
1	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 6 m trở lên ($\geq 6m$)	300.000
2	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 5m đến dưới 6m ($\geq 5m \div < 6m$)	250.000
3	Đất hai bên đường các trục đường quy hoạch 3 m đến dưới 5m ($\geq 3m \div < 5m$)	200.000
P	Khu trung tâm huyện lỵ	
1	Đất hai bên đường từ nhà ông Kiên qua Bến xe khách đến cổng Bưu điện huyện Thanh Thủy	900.000
2	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 316 (nhà ông Minh Xuân) đến ngã 3 hết đất thổ cư nhà ông Tuyết khu 5 (dọc đường xanh)	400.000
3	Đất hai bên đường từ ngã 3 cổng Bưu điện huyện qua cổng Huyện uỷ đến ngã 3 (giáp nhà ông Tuyết khu 5)	400.000
4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Tuyết khu 5 đến hết nhà ông Mão Thủy khu 5 (điểm đầu vào đường chiến lược)	150.000
5	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 316 (nhà ông Thanh Thường) đến nhà ông Phúc khu 6	400.000
6	Đất hai bên đường từ đường tỉnh 316 (nhà ông Toàn Hồng) đến đường xanh	400.000
7	Đất hai bên đường từ sau nhà ông Thành Hà đến nhà ông Sinh Thông gặp đường tỉnh 316 đi Thanh Sơn (đường chiến lược)	200.000
8	Đất hai bên đường từ ngã tư (ao anh Toán) đến giáp ao Mỹ (phía đối diện cổng nhà ông Long)	200.000
9	Các lô còn lại theo hai bên các nhánh đường mới mở thuộc khu Ao San	100.000
10	Đất hai bên đường nhánh khu dân cư 6 còn lại	200.000
11	Đất hai bên đường từ ngã tư xóm Táo (nhà ông Minh Xuân) đến trạm bơm tiêu	600.000
12	Đất hai bên đường từ trạm bơm tiêu đến chân đồi Ô rô (khu 1 - 2)	300.000
13	Đất băng 2 ven sân vận động trung tâm huyện	200.000
14	Đất hai bên đường nối từ đường tỉnh 316 qua hết đất BCH quân sự huyện đến nhà ông Hành Thanh	750.000
15	Đất 2 bên đường từ đường tỉnh 317 rẽ đi khu du lịch nước khoáng nóng đến hết nhà ông Nê khu 1	400.000
16	Đất đôi hai bên đường nhánh khu dân cư còn lại	30.000
17	Đất bãi hai bên đường nhánh còn lại	50.000
18	Đất hai bên đường ven sông Đà (đường 317) từ giáp xã Tân Phương đến đường bê tông xi măng rẽ đi chùa Phương Lâm xã La Phù	500.000

STT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
19	Đất hai bên đường từ đường bê tông xi măng rẽ đi chùa Phương Lâm đến cổng Ngân hàng NN và PTNT huyện	750.000
20	Đất hai bên đường từ cổng Ngân hàng NN và PTNT huyện đến hết đất cơ quan Đài truyền thanh huyện nối vào đường 316	850.000
21	Đất hai bên đường ven phố từ cổng Bưu Điện huyện đến cổng nghĩa trang liệt sỹ xã La Phù	900.000
22	Đất hai bên đường Từ ngã ba (trạm thuế) đến hết đất nhà ông Minh Xuân	900.000
23	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Minh Xuân đến hết địa phận xã La Phù (giáp Thạch Khoán)	800.000
24	Đất hai bên đường tuyến quy hoạch đường nội thị khu vực đồng Sạn xã La Phù.	300.000
25	Đất hai bên đường quy hoạch các nhánh còn lại khu vực đồng Sạn xã La Phù.	200.000
26	Đất ở thuộc khu vực liên kề xung quanh trường THPT Thanh Thủy (trường mới đời ông Bổng).	150.000
III	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liên kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liên kề của khu vực.	

PHỤ LỤC CÁC XÃ GỒM: 15 XÃ

1. Xã Trung du gồm: 4 xã

Đồng Luận, Đoan Hạ, Bảo Yên, Xuân Lộc .

2. Xã Miền núi gồm: 11 xã

Tu Vũ, Yên Mao, Phượng Mao, Trung Nghĩa, Trung Thịnh, Hoàng Xá, Sơn Thủy, La Phù, Tân Phương, Thạch Đồng, Đào Xá.

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN CẨM KHÊ*ĐVT: Đồng/m²*

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
I	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:	
1	Đối với xã Phương Xá và xã Phú Lạc thuộc ven đường 32C.	500.000
2	Đối với các xã Hiền Đa, Cát Trù thuộc ven đường 32C.	400.000
3	Đối với xã Sai Nga đất hai bên đường quốc lộ 32C.	400.000
4	Đất ao hồ bám theo đường quốc lộ 32C của xã Phương Xá.	240.000
5	Đất 2 mặt đường QL 32C của các xã: Phú Lạc giáp Yên Tập, Diêu Lương giáp Cát Trù qua Đồng Lương đến sông Bứa.	250.000
6	Đất dọc theo đường QL 32C của các xã: Phùng Xá; Sơn Nga; Tuy Lộc; Phú Khê; Yên Tập; Tình Cương; Hiền Đa (giáp Tình Cương).	250.000
7	Đường liên xã Đồng Cam đi Tùng Khê, mặt đường 313 thuộc xã Thanh Nga và 2 bên đường đê quai của xã Cát Trù.	200.000
8	Đất ven đường 313 thuộc xã Sơn Tinh, Hương Lung và đất ven đường liên thôn xã Phương Xá.	150.000
9	Đất 2 bên đường 98 cũ từ Phú Lạc đến Hương Lung và đất hồ ao, thùng đào, ven đường 32C của các xã Tuy Lộc, Tình Cương, hai bên đường rừng nhân và trung tâm xã Sai Nga.	
	Đoạn từ QL 32C (theo đường 98 cũ) đến ngã ba Yên Tập	120.000
	Trung tâm xã Tạ Xá và ngã 3 đường 98 cũ gặp đường tỉnh 329.	100.000
	Các vị trí khác còn lại trên tuyến.	80.000
	Đất hồ ao, thùng đào ven đường 32C của xã Tuy Lộc và Tình Cương	150.000
	(Đất hai bên đường rừng nhân) từ ngã 3 sau nhà ông Mỹ Ngà qua UBND xã Sai Nga đến ngã tư trạm bơm đồng Mấy	200.000
	Các vị trí khác còn lại của đường rừng nhân đến hết đất xã Sai Nga	80.000
10	Đường từ ngã ba bưu điện Phú Lạc đi Chương Xá.	
	Đoạn từ Bưu điện Phú Lạc đến nghĩa trang Phú Lạc.	150.000
	Các vị trí khác còn lại	80.000
11	Đất hai bên đường 321C từ Phương Xá đi Lương Sơn.	
	Đất dọc đường 321C thuộc xã Đồng Cam.	300.000
12	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến	70.000
13	Đất hai bên đường tỉnh 313C từ Đồng Lương đi Hương Lung.	
	Đoạn từ ngã 3 chợ Vực đến ngã ba Kho gạo cũ thuộc xã Đồng Lương.	200.000
	Ngã ba nông trường Vạn Thắng.	100.000
14	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến.	50.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
15	Các vị trí còn lại dọc theo tuyến (trừ đoạn ngã ba Đồng Cam tiếp giáp với đường 321C).	50.000
17	Đất 2 bên đường huyện từ Tuy Lộc đi Ngô Xá, Phượng Vỹ.	
	Tại các vị trí còn lại dọc theo tuyến	100.000
18	Đất hai bên đường Đồng Cam đi Thụy Liễu - Ngô Xá - Phượng Vỹ	50.000
19	Đất hai bên đường huyện từ: Hiền Đa đi Văn Khúc.	
	Đoạn từ giáp QL32C đến Trường cấp 3 Hiền Đa.	300.000
	Các vị trí khác còn lại dọc tuyến	50.000
20	Đất dọc theo các đường liên thôn, liên xóm của các xã (trừ thị trấn Sông Thao và xã Phương Xá)	30.000
21	Đất đồi gò giao thông không thuận tiện của tất cả các xã trên địa bàn huyện. (trừ thị trấn Sông Thao)	20.000
22	Đất hai bên đường tỉnh 313C từ Hương Lung đi Văn Bán	
	Từ ngã 3 Hương Lung (đường 313C) đến hết đất xã Hương Lung	100.000
	Đất thuộc xã Sơn Tình, Cấp Dẫn	60.000
	Đoạn từ ngã 3 trung tâm xã Cấp Dẫn đến trạm Y tế xã Văn Bán	50.000
23	Đất dọc theo đường liên xã thuộc địa phận xã Phú Khê.	
	Đoạn giáp QL 32C (ngã 3 chân dốc Me) đến nhà ông Tĩnh và đầu trên đoạn từ giáp đất thị trấn Sông Thao đến nhà ông Sành.	250.000
	Đoạn từ nhà ông Sành qua UBND xã Phú Khê đến nhà ông Tĩnh.	150.000
24	Đất trung tâm 30 xã	
	Tại trung tâm xã Phương xá.	500.000
	Tại trung tâm xã Tuy Lộc.	300.000
	Tại trung tâm xã: Hiền Đa, Cát Trù, Sai Nga.	200.000
	Tại trung tâm các xã: Đồng Cam, Ngô Xá, Phượng Vỹ, Tam Sơn, Thụy Liễu, Văn Bán, Tùng Khê, Cấp Dẫn, Xương Thịnh, Tạ Xá, Chương Xá, Yên Dưỡng, Đồng Lương, Phú Lạc.	100.000
	Tại trung tâm các xã: Sơn Tình; Hương Lung; Văn Khúc; Sơn Nga; Phùng Xá; Yên Tập; Tình Cương.	100.000
	Tại trung tâm xã Phú Khê.	80.000
	Tại trung tâm các xã: Tiên Lương; Thanh Nga; Điều Lương.	80.000
II	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:	
1	Đường từ ngã tư thị trấn đến bến phà Tình Cương (QL32C)	
	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến hết nhà ông Phương Cảnh. Hai mặt tiền	1.100.000
	Từ giáp ngõ nhà ông Phương Cảnh đến hết nhà ông Long Thoa	350.000
	Đoạn từ giáp nhà ông Phương Cảnh đến hết nhà ông Tuyết Trai và nhà bà Xuân. Vị trí 2 mặt tiền	900.000
	Ngõ vào băng 2 của khu Đông Y (cũ) đến hết nhà ông Thăng.	200.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Ngõ từ sau nhà ông Dụ đến hết đất ông Trà.	200.000
	Ngõ từ sau nhà văn hoá khu 7 đến hết nhà bà Tý, ngõ sau nhà Dung Quế đến hết nhà ông Liễu, ngõ sau nhà thuốc ông Thạch đến hết nhà ông Huy, ngõ sau nhà ông Thường đến hết nhà ông Trầu.	150.000
	Ngõ từ sau Bảo hiểm xã hội đến hết nhà Hùng Ngân.	250.000
	Đoạn từ sau nhà Hùng Ngân đến hết Ao Tơ.	200.000
	Ngõ sau nhà ông Thuận Thắng đến hết nhà ông Trường + ông Mạc, ngõ sau Cơ Nga đến hết nhà ông Ché, ngõ sau ông Tân Điều đến hết nhà ông Cường, ngõ sau nhà ông Nhân đến hết ngã 3 đi Bình Phú	100.000
	Ngõ sau Hạt kiểm lâm đến ngã 3 Sáu Hãn + Nga Liên	300.000
2	Đường từ ngã tư thị trấn đi Sai Nga	
	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến nhà ông Việt Lợi và Giếng Cầu, 2 mặt tiền	1.100.000
3	Đường từ ngã tư thị trấn đi Yên Lập	
	Đường từ ngã tư thị trấn đến đường rẽ đi Thanh Nga, (đến hết đất nhà ông Thanh)	
	Từ ngã tư đến hết nhà Hảo Tuyết + Thủy Đào.	1.200.000
	Từ sau nhà Hảo Tuyết + Thủy Đào đến đường rẽ đi Thanh Nga (đến hết đất nhà ông Thanh).	1.000.000
	Ngõ vào băng 2 chợ cũ từ nhà ông Thước Hàng đến hết nhà ông Tâm Ty.	300.000
	Ngõ sau cửa hàng vật liệu XD Thi Dụ đến hết nhà ông Tiến Cảnh + Tuyến Nguyệt, ngõ sau Hải Thiết đến hết nhà Cường Quý, ngõ sau nhà Ngân Sắc đến hết nhà Quang Toàn, ngõ sau nhà Thanh Hương đến hết nhà Tám Triệu.	300.000
	Ngõ sau nhà ông Tiến Cảnh + Tuyến Nguyệt đến hết nhà Hải Được, ngõ sau nhà Thủy Đào đến hết nhà ông Thành, ngõ sau nhà Tuyết Hảo đến hết nhà bà Nhung, ngõ sau nhà Giáp Trăm đến hết nhà Duy Việt, ngõ sau nhà Tâm Thanh đến hết nhà Đức Tiến, ngõ sau nhà Sơn Hằng đến hết nhà bà Ánh, ngõ sau nhà Năm Vinh đến hết nhà ông Mạnh và ngõ sau nhà bà Diệp đến hết nhà bà Nhung.	200.000
	Đoạn từ đường rẽ đi Thanh Nga đến hết đất của nhà ông Chiến và cổng trường cấp 2. Hai mặt tiền.	900.000
	Ngõ từ cổng trường cấp II đến hết nhà ông Đoàn Ánh	200.000
4	Đường từ ngã tư đi bến đò Đông Viên sang Chí Chủ	
	Đoạn từ ngã tư thị trấn đến hết chi nhánh điện Sông Thao + nhà bà Bình.	1.000.000
	Ngõ vào băng 2 UBND huyện + ngân hàng (từ nhà ông Dư đến hết nhà ông Hoàng Ngân)	300.000
	Đoạn từ trạm quản lý điện đến cổng trường mầm non Hoa hồng. Hai mặt tiền	900.000
	Ngõ vào băng 2 từ trường Mầm non Hoa Hồng đến hết nhà ông Luân Nghiệp	300.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
	Từ sau nhà Luân Nghiệp đến cổng trường tiểu học.	200.000
	Ngõ từ sau cổng trường tiểu học đến hết đất nhà bà Thọ + ông Luyến, ngõ sau Hương Tường đến hết nhà Quang My + ông Lục, ngõ sau UBND thị trấn đến hết đất nhà bà Thìn.	200.000
	Ngõ từ nhà ông Sơn Nguyệt đến giáp đường rẽ băng 2 UBND huyện	200.000
5	Đường 32C từ giáp nhà ông Tuyết Trai đi bến phà Tình Cương (QL-32C)	
	Đoạn từ nhà ông Tuyết Trai đến hết nhà ông Tâm Thêm và nhà ông Thuyết.	750.000
	Đoạn từ giáp nhà ông Tâm Thêm đến đầu dốc nghĩa trang và hết đất nhà ông Hiếu. Hai mặt tiền	500.000
	Đoạn từ giáp nhà ông Hiếu đến hết thị trấn	300.000
6	Đường TL313 từ cổng trường cấp II đi Yên Lập đến hết địa phận thị trấn. Hai mặt tiền	
	Đoạn từ cổng trường cấp hai đến hết nhà Hải Thanh + ông Hữu	600.000
	Đoạn từ sau nhà Hải Thanh + ông Hữu đến hết đất thị trấn	350.000
	Ngõ vào băng 2 cơ khí đến giáp đất của nhà ông Quý	150.000
7	Đường quốc lộ 32C từ Giếng Cầu và nhà ông Việt Lợi đi Sai Nga đến hết địa phận thị trấn.	
	Đoạn từ sau nhà ông Việt Lợi và Giếng Cầu đến hết chùa Linh Quang	1.000.000
	Đoạn từ sau chùa Linh Quang đến hết đất Công ty TNHH Cương Lĩnh	800.000
	Đoạn từ nhà ông Thủy Hoà đến hết nhà ông Hồ + Thanh Thọ	700.000
	Đoạn từ sau nhà ông Hồ đến hết nhà ông Ninh + Lương	600.000
	Đoạn từ sau nhà ông Ninh + Lương đến hết đất Thị trấn	500.000
	Đoạn từ sau nhà ông Thủy Hoà + Tiến Tân theo đường 24 cũ đến hết đất thị trấn	200.000
	Đoạn từ sau chùa Linh Quang đi Múc Mả đến hết nhà ông Chiến + ông Hoàn.	150.000
	Đoạn từ nhà ông Ninh + bà Thọ + ông Hải Đước đến hết nhà Chúc Hiền.	200.000
8	Đường từ trường mầm non Hoa Hồng đi bến đò Đông Viên sang Chí Chủ đến hết địa phận thị trấn.	
	Đoạn từ cổng trường Mầm non Hoa Hồng đến hết đất nhà ông Tám Học và ông Thuật Đậu.	700.000
	Đoạn từ đất nhà ông Lộc và ông Quyền đến hết đất nhà ông Đạt + ông Luật Diệp (đoạn dốc).	250.000
	Đoạn từ nhà ông Tiến Hiền + đường rẽ (trước nhà ông Đạt) đến hết đất thị trấn.	300.000

TT	DIỄN GIẢI	GIÁ 2008
9	Đất hai bên đường vành đai phía đông thị trấn Sông Thao.	
	Hai đầu đường tiếp giáp QL 32C và ngã tư đường vành đai, đường đi bến đò Chí Chủ	
	Đoạn từ nhà ông Kế + ông Thành đến hết nhà Đích Bẩy, đoạn từ ngã 3 bà Nga Bầm đến hết nhà ông Sướng Tý.	350.000
	Đoạn từ sau nhà Đích Bẩy đến hết ao Thân, đoạn từ sau nhà ông Sướng Tý đến giáp cửa hàng xăng dầu.	250.000
10	Đất theo đường liên thôn, liên xóm còn lại.	100.000
11	Đất còn lại thuộc thị trấn.	80.000
III	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
IV	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực,	

DANH MỤC CÁC XÃ (31 xã):

1. Xã trung du (5 xã): Phương Xá, Đồng Cam, Sai Nga, Hiền Đa, Cát Trù.

2. Xã miền núi (26 xã): Tiên Lương, Ngô Xá, Phụng Vỹ, Tam Sơn, Thụy Liễu, Văn Bán, Tùng Khê, Cấp Dẫn, Sơn Tình, Xương Thịnh, Hương Lung, Tạ Xá, Chương Xá, Văn Khúc, Yên Dưỡng, Điều Lương, Đồng Lương, Sơn Nga, Phụng Xá, Tuy Lộc, Thanh Nga, Phú Khê, Yên Lập, Phú Lạc, Tình Cương và thị trấn Sông Thao.